



LỄ VU LAN VÀ ĐẠO HIẾU CỦA NGƯỜI VIỆT

Đỗ Phương Mai - Ban sách Giáo khoa - Tham khảo, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật

LỊCH SỬ LỄ VU LAN

LVu Lan là một trong những ngày lễ lớn của Phật giáo, Kinh Vu Lan kể về tám gương chí hiếu của Mục Kiền Liên tìm cách cứu mẹ là bà Thanh Đề khỏi cảnh nạ quỷ.

Chữ Vu Lan, vốn phiên âm từ tiếng Sanskrit “Ullambana”, dịch nghĩa sang tiếng Hán có nghĩa là “Giải đảo huyền” và khi chuyển nghĩa sang tiếng Việt thành “Cứu nạn treo ngược”. Tiếng Trung Hoa dịch nghĩa là “đảo huyền”, treo ngược chân lên trời, đầu xuống đất, là một hình phạt vô cùng tàn khốc áp dụng cho các tội đồ, có thể hiểu theo nghĩa bóng là cứu vớt những kẻ đau khổ như đang bị treo ngược. Người Trung Hoa phiên âm từ “Urabone” thành từ “Vu Lan Bồn”, nói tắt là “Vu Lan”. Trong ngôn ngữ Phật giáo, “giải” có nghĩa là gỡ (sự vật, sự việc) ra khỏi vướng

mắc, cỏi (con người) ra khỏi sự trói buộc (của tham, sân), ra khỏi sự mê lầm nhận thức (si). “Đảo” là ngược, cũng có thể hiểu là dẫn đến nhận thức và hành động sai lầm, từ đó đưa con người đến cảnh khổ. “Huyền” là treo. Đảo huyền là (người) treo ngược, đầu trở xuống đất, chân đưa lên trời. Theo sự giải thích này, “giải đảo huyền” nghĩa là cởi trói cho người bị treo ngược, gỡ họ khỏi gông cùm xiềng xích, khổ đau, hoạn nạn. Như vậy, cũng có thể hiểu “giải đảo huyền” là giải thoát con người khỏi tất cả những đau khổ, phiền não, những sợi dây luyến ái vô hình trói buộc nó vào cõi luân hồi, giải thoát con người khỏi “thập nhị nhân duyên”, loại trừ tam độc (tham, sân, si) và hướng đến “bát chính đạo” [Trung tâm Bảo tồn di sản văn hóa tôn giáo (2015), Vu Lan - báo hiệu của đạo Phật với xã hội Việt Nam hiện nay, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.26-27].



Cũng có quan điểm cho rằng Lễ Vu Lan khởi thủy tại Ấn Độ, trước khi đức Phật Thích Ca khai sáng ra đạo Phật, người Ấn đã cử hành lễ Bon, sau này được người theo Phật giáo Bắc tông ở Đông Á và Đông Nam Á gọi là Lễ Vu Lan.

LỊCH SỬ LỄ VU LAN Ở VIỆT NAM

Người Việt tiếp xúc với Phật giáo từ rất sớm. Có những chứng liệu cho thấy vào thế kỷ I Tây lịch, trên đất Việt đã có chùa và có người đi tu [Trung tâm Bảo tồn di sản văn hóa tôn giáo (2015), Vu Lan - báo hiếu của Đạo Phật với xã hội Việt Nam hiện nay, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.13]. Tuy nhiên, do chiến tranh, giặc ngoại xâm và điều kiện lưu trữ không được chú trọng nên không còn để có thể khảo chứng Lễ Vu Lan bắt đầu du nhập nước ta từ bao giờ. Sách Đại Việt sử ký toàn thư, kỷ nhà Lý, chép “Năm Hội Tường Đại Khánh thứ 9, mùa thu, tháng Bảy, năm Mậu Tuất (1118), bày cỗ bàn tiết Trung Nguyên, nhân vì Lễ Vu Lan bồn, cầu siêu cho Linh Nhân Hoàng Thái hậu” [Trung tâm Bảo tồn di sản văn hóa tôn giáo (2015), Vu Lan - báo hiếu của Đạo Phật với xã hội Việt Nam hiện nay, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.13]. Hội Tường Đại Khánh là niên hiệu đầu tiên của

triều Lý Nhân Tông và Linh Nhân hoàng thái hậu chính là Ý Lan Thái phi, mẹ của Lý Nhân Tông, đã mất vào tháng bảy năm trước, niên hiệu Hội Tường Đại Khánh thứ 8.

Ở một đoạn khác, sử chép: “Năm Thiên Thuận thứ 1, mùa thu tháng Bảy năm Mậu Thân (1128), tiết Trung Nguyên, vua ngự điện Thiên An, các quan dâng biểu mừng, vì hôm ấy là ngày Lễ Vu Lan bồn cầu siêu cho Nhân Tông nên không đặt lễ yến” [Trung tâm Bảo tồn di sản văn hóa tôn giáo (2015), Vu Lan - báo hiếu của Đạo Phật với xã hội Việt Nam hiện nay, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.14]. Thiên Thuận là niên hiệu của vua Lý Thần Tông, nối ngôi vua Lý Nhân Tông đã mất năm trước. Tiếp nối truyền thống, người ta còn thấy vào năm Thiệu Bình thứ 1 (1434), vua Lê Thái Tông cũng thiết Lễ Vu Lan bồn.

Trong Châu Bản Triều Nguyễn được biên dịch, nhà nghiên cứu Lý Kim Hoa cũng ghi lại nhiều sự kiện liên quan đến lễ Vu Lan trong suốt 143 năm dưới các triều đại nhà Nguyễn từ Gia Long tới Bảo Đại. Đặc biệt, trong giai đoạn này, triều đình tổ chức lễ Vu Lan còn có mục đích cầu siêu cho tướng sĩ trận vong và dân chúng chết oan trong chiến trận [Trung tâm Bảo tồn di sản văn hóa tôn giáo (2015), Vu Lan - báo hiếu của Đạo Phật với xã hội Việt Nam hiện nay, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.14].

Lễ Vu Lan diễn ra trùng với Tết Trung nguyên (Rằm tháng Bảy) - là một trong các ngày lễ tết dân tộc và “ngày xá tội vong nhân” trong tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người





Việt. Lễ Xá tội vong nhân hay còn gọi là lễ cúng cô hồn cũng là một loại hình tín ngưỡng, tâm linh bản địa tương đối phổ biến tại Việt Nam và một số nước Đông Á. Các nghi thức cúng tế cho các cô hồn, cũng thường được thực hiện vào tháng Bảy Âm lịch. Do vậy rất nhiều người nhầm lẫn cho rằng Lễ Vu Lan chỉ là tên gọi khác của ngày Xá tội vong nhân. Về gốc gác ban đầu, đây là hai lễ khác nhau và xuất phát từ những điển tích riêng biệt. Lễ Xá tội vong nhân lại gắn liền với tín ngưỡng dân gian cho rằng ngày Rằm tháng Bảy Âm lịch là ngày “mở cửa địa ngục”, các cô hồn được xá tội thoát về dương thế, vảng vất khắp nhân gian.

Nội dung phản ánh trong Lễ Vu Lan phù hợp với phong tục tập quán và lối sống “hiếu thảo, hiếu hạnh”, đạo lý “uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ người trồng cây” của người Việt, cho nên, ngay từ khi mới ra đời, Lễ Vu Lan trở thành một phần trong tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên - tập tục rất quan trọng trong nền văn minh của một số nước châu Á, được xã hội chấp nhận và tồn tại cho đến ngày nay, mặc dù cũng có nhiều mai một về nội dung và sự sai khác về hình thức cho phù hợp với xã hội hiện đại. Sự tồn tại của lễ hội với bao thăng trầm lịch sử chứng tỏ sức sống và ý nghĩa nhân văn cũng như chức năng giáo dục (hướng thiện) của nó

là sự bất diệt.

VAI TRÒ CỦA LỄ VU LAN VỚI ĐẠO HIẾU CỦA NGƯỜI VIỆT

Quan niệm của Phật giáo nói chung và quan niệm về hiếu của Phật giáo nói riêng có sự kết hợp với tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên. Chính nhờ phong tục thờ cúng tổ tiên của người Việt mà đã mở rộng mục đích và ý nghĩa của ngày Lễ Vu Lan theo truyền thống đạo Phật sang một hướng đi mới. Phật có dạy: Hạnh hiếu là hạnh Phật; tâm hiếu là tâm Phật, vì ơn phụ mẫu, tổ tiên sinh thành và dưỡng dục là một trong bốn ơn nặng mà người phật tử phải luôn ghi nhớ. Tâm hiếu hạnh và ơn phụ mẫu này kết hợp với tấm lòng biết thờ kính tổ tiên của người Việt đã chuyển hóa ngày Lễ Vu Lan như là ngày tưởng nhớ công ơn cha mẹ, ông bà, tổ tiên, dòng tộc.

Hàng năm, Lễ hội Vu Lan truyền thống mang nét văn hóa đặc trưng của Phật giáo và dân tộc; tất cả phật tử và đại chúng khắp nơi dù ở đâu, trong hoàn cảnh nào cũng đều lắng đọng hướng về nguồn cội - nơi mà mình đã được sinh ra và được nuôi dưỡng lớn lên, có được tài sản, sự nghiệp, đó là bắt nguồn từ cha mẹ, ông bà, tổ tiên, đất nước. Cho nên, tất cả mọi người phải ghi nhận công ơn đó và có bốn phận, nghĩa vụ báo đáp những ân tình ấy

một cách xứng đáng, trọn vẹn nhất, phù hợp với đạo lý “uống nước nhớ nguồn”. Đó cũng là đạo lý làm người, thể hiện một nhân cách sống lành mạnh, trong sáng tràn đầy tình yêu thương nhân loại, ông bà, cha mẹ, đất nước và xã hội để xây dựng một cuộc sống văn minh, giàu đẹp và thịnh vượng. Hiếu hạnh là hạt nhân trong tất cả đạo, là gốc rễ của con người đi đầu trong các hạnh, các đạo lý. Hiếu kính với cha mẹ là một truyền thống tốt đẹp và lâu đời của dân tộc Việt Nam. Truyền thống đó từ nghìn xưa đã được lưu giữ, trao truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, cho đến ngày nay và mãi ngày sau cho nên tất cả mọi thế hệ phải trân trọng, gìn giữ và phát huy.

Về phương diện báo hiếu cha mẹ, không hẳn chỉ là ngày Rằm tháng Bảy Âm lịch mới là ngày mà những người con phải làm cái gì đó cho cha mẹ đã mất, mà bất cứ lúc nào, giờ nào, ngày tháng năm nào đều cũng có thể làm cha mẹ vui lòng hoặc làm việc tích đức để hồi hướng cho đáng sinh thành ở thế giới bên kia.

Ngày nay lễ Vu Lan không còn đơn thuần là ý nghĩa tôn giáo thuần túy mà đã trở thành lễ hội văn hóa lớn, thấm đẫm tình người. Mỗi mùa Vu Lan về cũng là dịp để chúng ta tưởng nhớ, tri ân, báo ân với các bậc tiền nhân, ông bà, tổ tiên, các đáng sinh thành, rộng ra là ân quốc gia và xã hội.

Ý nghĩa báo hiếu của Lễ Vu Lan dần trở thành tâm thức của mỗi người và trở thành lễ hội của tình mẫu tử, phụ tử thiêng liêng. Mỗi năm cứ đến ngày trăng tròn tháng Bảy Âm lịch mang theo lời nhắc nhở mỗi người chúng ta nhớ về mùa báo hiếu, báo ân, ai sinh ra cũng có cội nguồn, cha mẹ, có tấm thân hình hài bé nhỏ và được nuôi dưỡng nên người. Lễ hội Vu Lan vừa là lễ hội của lòng tri ân, báo ân đối với hai đáng sinh thành, là dịp để mỗi người con Việt gửi lời “tạ ơn cha đã cho con thấy núi rất cao và biển rất tuyệt vời, tạ ơn mẹ đã cho con hơi thở và trái tim nhân ái để làm người”; vừa thể hiện truyền thống “uống nước nhớ nguồn” của dân tộc Việt Nam. Cùng với nghĩa tri ân với công ơn trời biển của cha mẹ, là lời tri ân đến các mẹ Việt Nam Anh hùng “đã bao lần tiễn con đi” mà các con của mẹ không trở về, hy sinh để giành hòa bình, độc lập cho Tổ quốc.

Đề cao đạo hiếu, công ơn sinh thành, dưỡng dục của cha mẹ nên đạo Phật còn

được gọi là đạo Hiếu, có hiếu với cha mẹ tức là có đạo. Hàng ngàn năm qua, Lễ Vu Lan báo hiếu là một trong những ngày lễ có sức sống văn hóa và mãnh liệt trong đời sống tinh thần của người Việt. Như vậy, từ Lễ Vu Lan sẽ góp phần đưa đến cách nhìn về đạo hiếu của dân tộc để qua đó có một thái độ đúng đắn trong việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong thời đại ngày nay và mai sau. Vu Lan là một nội dung sinh hoạt của Phật giáo thấm đượm những giá trị văn hóa truyền thống của các nước, các dân tộc có ảnh hưởng lớn từ Phật giáo. Ở Việt Nam, Vu Lan được tiếp biến với tín ngưỡng, văn hóa bản địa đến độ sâu sắc và sáng tạo, tạo nên những nét - dáng của cái phổ biến, đặc thù và đơn nhất. Nó thuộc về phương diện di sản văn hóa phi vật thể nói chung của nước ta. Vì thế, bản thân nó và xã hội đều có nhu cầu giữ gìn và phát huy mặt tích cực từ phương diện văn hóa để thúc đẩy cho công cuộc đổi mới đất nước ta thành công. Đồng thời cũng cần khắc phục mặt tiêu cực của nó như tổ chức mang tính chất mê tín dị đoan, nghi lễ quá rườm rà, gây tốn kém, bị thương mại hóa,... và việc này không hề đơn giản, bởi nếu chủ quan, thiếu chín chắn, buông lỏng hay nóng vội đều có thể gây ra hệ quả tai hại, không chỉ làm hạn chế nhu cầu tinh thần của người dân, mà có thể còn làm cho mặt tiêu cực có điều kiện nảy sinh và biến thái.



Chữ hiếu

XƯA VÀ NAY

Huệ Lưu (Bắc Giang)

“Hiếu tâm tức thị Phật tâm,
Hiếu hạnh vô phi Phật hạnh”

Một thông điệp ngắn nhưng hạt giống nhân bản vô cùng lớn, trên hết là tính cách mạng về giáo dục đạo đức của Phật giáo. Bậc Đạo Sư khi dạy điều này Ngài đã đặt mình ở vị trí của một người làm con nói về hạnh hiếu, chứ không phải ở vị trí của bậc đã viên ly sinh tử. Ngài dạy rằng Thế Tôn cũng là người đại hiếu và tất cả các con cũng phải như vậy: “Khể thủ tam giới chủ, đại hiếu Thích Ca vān” (số Vu Lan), tâm hiếu tức tâm Phật, hạnh hiếu là hạnh Phật.

GUƠNG HIẾU XƯA...

Câu chuyện tiền thân “Hiếu Tử Sàma”[1]. Có chàng trai thuộc gia đình giàu có ở thành Xá-vệ, vì mộ đạo nên xuất gia. Khi xuất gia một thời gian và làm Ty-kheo, gia đình của thầy lâm vào cảnh khốn khó, cha mẹ thầy phải lang thang xin ăn, khi hay tin cha mẹ như vậy, sầu thương nổi lên và thầy buồn khóc thật nhiều, nghĩ rằng mình phải trở về gia đình để lo cho cha mẹ. Nghĩ vậy, trên đường hoàn tục để quay lại quê nhà tại Xá-Vệ, thầy đã đến Kỳ Viên để đánh lễ Phật lần cuối, quán thấy những bất an của vị Ty-kheo này nên bậc Đạo Sư đã dạy, một người con đi xuất gia vẫn lo được cho cha mẹ mình. Hôm sau trên đường về, thầy đã gặp cha mẹ đang ngồi xin ăn bên vệ đường, thầy không kìm lòng được và đã cúng dường hết cho cha mẹ phần thức ăn mà thầy đã khát thực, hôm sau thầy cũng phụng dưỡng cha mẹ bằng cách đó.

Việc làm này của thầy đã gây ngỡ vực cho các thầy khác, rồi đem chuyện này trình lên đức Phật, Phật cho gọi vị Ty-kheo trẻ đến và hỏi: “Có phải ông đã xuất gia mà còn lấy vật cúng dường của thí chủ đem cho người thế tục không? Đó là người thế tục nào?”. Thầy đáp: “Bạch Thế Tôn, có, đó chính là cha mẹ của con”. Phật tán thán việc làm đó và dạy: “Lành thay! Ông đang đi con đường ngay xưa Ta đã đi qua, ngày xưa khi đi khát thực Ta cũng phụng dưỡng cha mẹ Ta”.

Các vị Ty-kheo khi xuất gia tu hành, dù cất áy từ thân thực hiện nếp sống viễn ly, nhưng trên phương diện đạo đức xã hội, phụ mẫu tình thâm nên vẫn phải làm tròn bốn phận đạo con.

Vào thời đức Phật có Tôn giả Tất- Lãng-Già-Bà-Ta, sau khi xuất gia hành đạo, nhưng còn cha mẹ già yếu, nghèo khổ không ai nuôi dưỡng. Ngài muốn đem y phục và thức phẩm cúng dường cha mẹ, nhưng vì sợ phạm giới luật. Ngài bèn trình bày nỗi băn khoăn của mình lên Thế Tôn. Nhân đó, đức Đạo Sư họp các Ty-kheo và truyền dạy: “Nếu có người nào suốt cả trăm năm vai phải công cha, vai trái công mẹ, và dù cha mẹ có đại tiểu tiện trên vai

minh, cũng chưa thể gọi là làm tròn hiếu đạo. Hoặc đem những thứ y phục và thức phẩm quý nhất trên đời cúng phụng cha mẹ cũng chưa đủ báo đền công ơn cha mẹ trong muôn một. Từ nay Ta cho phép các Ty-kheo suốt đời hết lòng cúng dường cha mẹ. Nếu ai không cúng dường thì phạm tội nặng” (Luật Ngũ phần)[2].

Trong lịch sử nước ta, đạo hiếu có lúc được quy định rõ trong hiến pháp, sự tiến bộ của hình pháp đã có từ thời Lê Sơ thông qua “Quốc triều hình luật”[3] hay gọi là Bộ luật Hồng Đức, căn cứ luật pháp thể hiện tính nghiêm minh thông qua quy phạm của luật hình sự, các tội nặng nhẹ được phân định rõ ràng, đặc biệt các tội được gọi là “tội ác” gồm có 10 loại: “Thập ác”

Điều 7 trong thập ác quy định về tội bất hiếu: “Bất hiếu là các tội tố cáo hoặc dùng lời lẽ để chửi mắng, bỏ đói, bỏ rét ông bà, cha mẹ, hoặc khi có tang ông bà cha mẹ lại không để tang mà nhón nhơ vui chơi”. Người phạm tội bị phạt đồ hình, đầy đọa làm việc nặng nhọc, bắt làm khao binh vụ cho lính ở chiến trường, và trước khi đưa đi đầy, kẻ bất hiếu bị đánh 80 trượng trước xóm làng để răn đe thói hư bất hiếu.

Đến triều Nguyễn, tám gương hiếu hạnh được nhắc nhiều là thời vua Tự Đức, vua Tự Đức là vị vua có Hiếu[4] với mẹ bậc nhất trong 13 vị Hoàng đế Triều Nguyễn.

“Trải qua 36 năm làm Vua trên ngôi vàng, Vua Tự Đức lúc nào cũng dành ngày chẵn vào cung để vấn an sức khỏe mẹ, đồng thời nghe lời truyền bảo của mẹ, nếu có điều gì quan trọng đáng lưu tâm thì ghi ngay vào quyển sổ tùy thân mà nghiền ngẫm. Đó là, quyển sổ từ huấn lục (quyển sổ chép lời mẹ dạy), còn ngày lễ thì lo việc triều đình, cho không vì làm Vua có văn năng quyền thế mà lo là bốn phận làm con”. (Tìm Hiếu Các Danh Nhân - Nguyễn Phú Thứ)

Trong Đại Nam Nhất Thống Chí, bộ sách lịch sử địa lý của Quốc Sử Quán Triều Nguyễn, biên soạn thời Tự Đức, có thuật lại tám gương hiếu của Thiên Su Nhất Định, khi mẹ thầy bị bệnh nặng, Thiên Su lặn lội lập Am Dưỡng Am để công mẹ về cùng nương náu và công thuận dưỡng tu tập.

Phật dạy: “Này các Ty-kheo, có hai việc làm phạm phạm phụ được công đức lớn, được quả báo lớn, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, đó là phụng sự cha và phụng sự mẹ. Phụng sự cha mẹ được công đức lớn, được quả báo lớn như cúng dường cha mẹ vì Bồ Tát chỉ còn một đời nữa là hạnh Phật. Vì vậy, các thầy phải luôn luôn ghi nhớ mà hiếu thuận phụng sự cha mẹ”

**...CHỮ HIẾU NAY***Thương cha xuôi ngược giữa dòng**Mẹ già tất tảo gánh gồng nuôi con*

Ngày nay kỹ nghệ thông tin bùng nổ như thác lũ, chúng ta sẽ tiếp nhận rất nhiều nguồn thông tin: internet, truyền hình, báo mạng, điện thoại di động...trong dòng thác đó, tốt có, xấu có, thông tin qua lại trong gia đình từ đó ngày một giảm dần, con cái ít nhận thông tin từ cha mẹ, lo là hiếu đạo, tình cảm xa cách.

Người ta dự báo rằng, hiện tại cũng như tương lai, thân tướng con người sẽ như que diêm, nhưng bộ não sẽ phải phì đại như trái bóng vì nạp lượng thông tin quá lớn, mặt trái của nó, thức ăn là lượng thông tin nhưng đầy rẫy virus, kết nối cuộc sống trên cộng đồng mạng và tìm quên trong thế giới ảo, xa rời đời sống thực tại, xa rời cội nguồn văn hóa tâm linh truyền thống, làm trật tự xã hội bị đảo lộn, cha mẹ ít có điều kiện gần gũi, chữ hiếu bị lãng quên.

Cuộc sống hối hả, tình người hơi hợt, kẻ sống đua đòi, háo danh, lắm lúc quên đi tình cảm thiêng liêng nhất là gia đình, quên rằng mình chỉ có duy nhất một người cha và một người mẹ trên đời, đức Phật dạy: “Này các Tỷ kheo, không dễ gì tìm thấy một chúng sinh chưa từng là cha, là mẹ, là anh, là chị, là con trai, là con gái của cha mẹ, của anh chị em, của thầy.”

trong
b u ó c
đường dài
của sự tái sinh”.

(Tuang Ung Bộ Kinh II).

Gia đình, nơi có cha, có mẹ, có anh, có em.. vốn là nơi kết nối ân tình, là mầm móng yêu thương

và phát triển nhân cách, là nơi chốn bình yên mỗi khi ta tìm về thì nay ta đã vô tình quên lối, từ đó mới xảy ra nhiều những sự việc đau lòng cho xã hội.

Chuyện bao đời nước chảy xuôi chứ chẳng bao giờ chảy ngược, cha mẹ khổ nhọc sớm hôm tần tảo nuôi con ăn học thành tài, làm ông này, bà nọ..là chuyện thường, nhưng khi con thành tài chăm lại cha mẹ không phải là nhiều, thậm chí chuyện con làm phật lòng cha mẹ, có kẻ nghịch tử còn đánh cha chửi mẹ, chuyện đó không phải ít trên các báo hàng ngày từng đăng tải.

Có câu chuyện “Đôi mắt người mẹ” từng đăng trên báo chí: “Có một người con lúc nào cũng căm ghét mẹ mình, vì bà nghèo, xấu, lam lũ và chỉ có một con mắt. Người con này học hành chăm chỉ nên được du học, thành đạt và có vợ con, thỉnh thoảng anh ta gửi tiền về và mua căn nhà nhỏ cho bà, rồi tự nhủ đã làm tròn bổn phận con cái, cắt đứt mọi liên lạc với bà.

Ngày kia có một bà già lam lũ đến trước cửa nhà anh ta, làm mấy đứa con anh ta hoảng sợ, anh ra quát “Hồi nhỏ, bà đã làm cho con bị chúng bạn trêu chọc nhục nhã, bây giờ bà còn định phá hỏng cuộc sống của con hay sao”? Bà nói xin lỗi vì nhầm địa chỉ và lặng lẽ rời đi.

Rồi bà qua đời trong hiu quạnh không ai hay biết, bà để lại một lá thư cho người con trai.

“Con yêu quý! Lúc nào mẹ cũng nghĩ đến con. Mẹ xin lỗi và ân hận về việc đã làm cho con xấu hổ và các cháu sợ hãi. Con biết không hồi con còn nhỏ, con bị tai nạn và hỏng mất một bên mắt, nên mẹ đã cho con con mắt của mẹ. Mẹ đã bán tất cả những gì mẹ có để bác sĩ có thể thay mắt cho con, nhưng chưa bao giờ mẹ hối hận về việc đó. Mẹ rất hãnh diện vì con đã nên người, và mẹ kiêu hãnh vì những gì mẹ đã làm được cho con. Con đã nhìn thấy cả một thế giới mới bằng con mắt của mẹ, thay cho mẹ.

Mẹ yêu con lắm....”.

Đọc xong câu chuyện lại nhớ hai câu thơ trong bài thơ “Mất buồn” của Bùi Giáng, “Bây giờ riêng đối diện tôi, còn hai con mắt một con khóc người”, khóc đây xin khóc cho đôi mắt người mẹ với hạnh vô úy thí của vị Bồ tát, đã cho người con nhìn thấy thế giới bằng đôi mắt của mình, nhưng người con kia lại vô minh như “Gã Cùng Tử” trong kinh Pháp Hoa. “Thủ khoa đồ đạt trạng nguyên, khôn minh mà vẫn là người Ngu si”.

Nhưng cũng không hiếm chuyện những người mẹ trẻ thời nay nhấn tâm vút máu mủ ruột rà của mình vào những hầm rác, hố xí, bồn cầu...với những tội ác được biện minh bằng sự lầm lỡ, ích kỷ mà ngay cả con vật cũng không hành xử như vậy.

Báo vnexpress từng đăng tải câu chuyện người phụ nữ 21 tuổi đã nhẫn tâm đem con trai 11 ngày tuổi bỏ xuống ruộng nước cách nhà khoảng 100 m. Sau đó, cô ta vào nhà tự lấy vải bịt miệng, trói chân tay của mình lại và la lên tạo hiện trường giả như một vụ bất cóc. Đó là một tội ác, là tội giết người, rất đáng lên án.

Ngày nay, do các chuẩn mực bị lệch lạc, có người cho rằng thực phẩm quan trọng hơn nhân phẩm, lương thực quan trọng hơn lương tâm. Đó là vì ngưỡng cửa vào đời đã mở nhưng chiếc cầu nối giữa quá khứ và hiện tại chưa được xây dựng, nhiều bạn trẻ thiếu một thanh guom trí tuệ và tình thương yêu đồng loại, sự nhường nhịn đủ lớn, nên khi ra đường chỉ vướng một cú va quẹt xe rất nhỏ nhưng lại xảy ra án mạng.

Rồi rồi người thanh niên chẳng may bị cướp giật rút túi tiền, người đi đường lương thiện thấy vậy, thay vì giúp đỡ người gặp nạn, nhưng lại chọn cách biến mình thành kẻ cướp, tranh dành những đồng tiền rơi rải vô tội của người bị nạn

LỜI KẾT

Đạo hiếu của người Việt từ xưa có nét đặc thù riêng được đề cập trong Lục Độ Tập Kinh, hiếu đầu phải chỉ thương cha thương mẹ là đã làm tròn hiếu đạo của một con người, mà còn phải «Giúp nghèo cứu thiếu, thương nuôi quần sinh, là đứng đầu của hạnh”[5].(Lục độ tập kinh 2), từ đó hiểu rõ hơn đạo hiếu của Việt Nam: “Tôi ở đời lâu năm, tuy thấy Nho sĩ tích đức làm lành, há có ai như đệ tử Phật quên mình cứu người, âm thầm mà không nêu danh” (Lục độ tập kinh 5).

“Người Việt [6] phải xác định mình có một nền văn hóa, một nền đạo đức cần phải bảo vệ, nếu không nối dõi được thì dân tộc không thể tồn tại với tư cách là một dân tộc được. Xuất phát từ quan điểm nối dõi như thế, người Việt không đi đến một chủ nghĩa nối dõi cực đoan, như sự nối dõi về mặt sinh vật học của chủ nghĩa ưu sinh (eugenics) hiện đại, gây tác hại và tổn bao sinh mạng đối với những dân tộc khác, như hành động xâm lấn đất đai, biển đảo từ xưa cũng như gần đây của Trung Quốc. Bảo vệ nền văn hóa của mình, bảo vệ lối sống (hạnh) của mình, đó chính là đạo hiếu của Việt Nam”.

Cuộc sống bộn bề vốn kèm theo sự xung đột giữa chuẩn mực mới và cũ, ở đó bóng đêm luôn rình rập, trong trạng huống này duy chỉ có ánh sáng là đủ quyền năng, muốn vậy phải có đủ trí tuệ để tìm ra cách hành xử khôn ngoan, để giải thoát ta ra khỏi bóng tối mê mờ, vừa không bị cuốn theo ma lực hào nhoáng của tiền tài, danh vọng (ngũ dục), vừa giữ được đạo làm con, vừa giữ được hạnh phúc



gia đình và sự thịnh vượng xã hội, ánh sáng đó nhà Phật gọi là Trung đạo, hay khái niệm Balance trong kinh tế.

Đạo Phật ra đời đã hơn 2500 năm, những gì mà Phật dạy không ngoài mục đích giúp xác lập trật tự bình đẳng và sự bình an cho xã hội loài người trên con đường đoạn tận khổ đau, trong đó đạo Hiếu là căn bản.

Ngày nay thế giới loài người phải chăng là một chuỗi suy vong các giá trị, những điều tốt đẹp thuở ban đầu dường như về sau suy yếu dần, nhưng chắc chắn một điều rằng, trong khu rừng rậm rạp u tối kia đâu chỉ có mỗi loài hoa độc, mà ở đó vẫn có những đóa hoa như đẹp như lan rừng nên Phật mới dạy chúng ta phương cách để vào đó tìm kiếm và hành xử vì đạo Hiếu dẫn đầu các đạo, có Hiếu là có đạo, hiếu đạo là Hiếu đạo.

Mùa Vu Lan, PL.2555

Diễn đàn hát Văn Việt Nam: hatvan.vn

[1] Tiểu Bộ Kinh, Nikaya - Trần Phương Lan dịch

[2] Theo gương báo hiếu của người xuất gia - Thích Phước Sơn

[3] Theo http://vi.wikipedia.org/wiki/Lu%E1%BA%ADt_H%E1%BB%93ng_%C4%90%E1%BB%A9c

[4] Tìm Hiểu Các Danh Nhân, trang 279 đến trang 281, tác giả Nguyễn Phú Thứ

[5] Lịch sử Phật giáo Việt Nam, tập 1, Quan niệm về chữ hiếu của dân tộc Việt Nam, Lê Mạnh Thát

[6] nt

Phượng thức *báo hiếu*

Đỗ Phương Mai

“Phúc thay, hiếu kính Mẹ Phúc thay, hiếu kính Cha!”

Trong Kinh Hạnh Phúc, đức Phật cũng dạy việc hiếu kính cha mẹ không chỉ là một loại hạnh phúc mà còn là một thứ hạnh phúc tốt lành nhất trong các hạnh phúc của con người:

“Sự phụng dưỡng mẹ cha Là hạnh phúc lớn nhất”.

(Giáo hội Phật giáo Việt Nam (1991): Kinh Hạnh phúc, tập II, tr.19)

Hiếu và đạo Hiếu không chỉ đề cập đến công lao của cha mẹ mà còn chỉ ra cách thức để đền đáp công ơn của cha mẹ. Trong Phật giáo, không chỉ cần dùng “sự kính trọng” để báo đáp công ơn cha mẹ mà còn phải dùng “đức hạnh” để báo đáp công ơn đó.

- **Thứ nhất**, phụng dưỡng cha mẹ, cung kính cha mẹ trên phương diện vật chất.

+ Trước nhất những người con nên báo đáp công ơn sinh thành của cha mẹ bằng của cải, vật chất, sự chăm sóc, thăm viếng và lòng thương kính. Nuôi dưỡng cha mẹ bằng tất cả khả năng của mình vì “không có thứ hạnh phúc nào to lớn và quý báu cho bằng thứ hạnh phúc khi cha mẹ còn sống với ta”. Kinh Hiếu Tử dạy: “Con nuôi cha mẹ, dâng thức ăn quý, ngon miệng cha mẹ, hòa nhạc du dương, vui tai cha mẹ, sắm áo lụa là, mát thân cha mẹ, vai công cha mẹ đi khắp thiên hạ” [Giáo hội Phật giáo Việt Nam, *Phúc Tuệ: Mục Liên Sám Pháp*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội – PL.2547-DL2003, tr.141]

+ Một điểm đặc biệt mà chúng ta cần lưu ý là trong kinh Phật dạy, mọi tài sản vật chất mà



con cái đền đáp cho cha mẹ phải là những thứ tài sản hợp pháp, chân chính. Người con nuôi dưỡng cha mẹ bằng các nghề bất chính, vi phạm pháp luật, tổn thương hạnh phúc của người khác không phải là cách báo hiếu có ý nghĩa và nhất là có thể vô tình gián tiếp đưa cha mẹ vào vòng ảnh hưởng của một cộng nghiệp bất thiện và tội lỗi. Cách hiếu dưỡng cha mẹ như vậy thật chất là hại cha mẹ, chứ không phải là hiếu dưỡng: “Không nên vì muốn cha mẹ được sung sướng, vui lòng mà tạo các nghiệp bất thiện” [*Giáo hội Phật giáo Việt Nam (1991): Kinh Dhananjani thuộc Trung Bộ Kinh, tập II, tr. 188*].

Trong kinh Dhananjani, Đại đức Xá lợi Phất thay lời đức Phật giải thích cho Bà la môn Dhananjani về cái sai và cái đúng, cái nên làm và cái không nên làm trong vấn đề phụng dưỡng cha mẹ:

“Này Dhananjani, người con hiếu thảo không nên vì cha mẹ mà làm các điều phi pháp, bất chính. Vì người làm như vậy sẽ bị quỷ sứ kéo vào địa ngục. Trước sự phán xét của nhân quả, người ấy không thể vịn lý vì muốn cho cha mẹ sung sướng, vui lòng, để bào chữa cho mình là vô tội. Hành động như vậy sẽ bị thác họa địa ngục dù nó có khóc than hay cha mẹ nó có van xin hay kể lể.” (*Giáo hội Phật giáo Việt Nam (1991): Kinh Dhananjani thuộc Trung Bộ Kinh, tập II, tr. 188*).

Chính vì thế chúng ta thấy hành động hiếu thuận, hiếu dưỡng của người con chỉ hiếu phải được thiết lập trên đạo đức nhân quả. Người con hiếu chỉ làm những gì thật sự có lợi cho



Tất cả mọi người nên pháp tâm thành làm mọi việc phước đức để báo đáp ân sâu, cha mẹ hiện tiền, quá khứ thân thuộc đều nhờ công đức ấy mà được vắng sinh về tịnh độ”

cha mẹ và có lợi cho mình mà không gây bất cứ tổn hại nào cho người khác. Hành vi hiếu thảo mà không hội đủ tiêu chí này không thể gọi là hiếu đúng nghĩa. Hiếu hạnh trong đạo Phật được đặt trên định hướng đạo đức và nhân quả.

- *Thứ hai*, ngoài việc hướng dẫn con cái hiếu dưỡng với cha mẹ về đời sống vật chất, Phật giáo còn cho thấy, cần phải biết cách hiếu dưỡng cha mẹ về đạo đức và tinh thần. Hiếu dưỡng cha mẹ về vật chất là thứ yếu còn hiếu dưỡng về tinh thần là trọng yếu. Mục đích của cuộc sống nhân sinh không chỉ phải là có được chén cơm manh áo mà thôi, người ta phải cần đến chân lý, đạo đức và đời sống tinh thần như cây cỏ cần ánh sáng, con người cần không khí để sống vậy. Do đó báo hiếu chỉ đơn thuần về phương diện vật chất sẽ có giá trị giới hạn so với báo hiếu về phương diện tinh thần.

Trước nhất người con phải tự lực gạt bỏ tham, sân, si, làm nhiều điều thiện, hoàn thiện

nhân cách đạo đức cho chính mình để cha mẹ an tâm, hoan hỷ và hạnh diện. Nói cách khác, theo lời dạy của Phật một trong những cách sống hiếu thảo đối với cha mẹ là làm điều thiện và phước báo cho mình và mọi người. Trong Sám Pháp Mục Liên có ghi:

“Làm con hiếu thảo theo lời kinh dạy là cố gắng tu trì, diệt trừ tội chướng, thanh tịnh hành vi, cha mẹ hiện tiền sống lâu trăm tuổi, tổ tiên quá khứ rũ sạch oan khiên”; “Tất cả mọi người nên pháp tâm thành làm mọi việc phước đức để báo đáp ân sâu, cha mẹ hiện tiền, quá khứ thân thuộc đều nhờ công đức ấy mà được vắng sinh về tịnh độ”.

Ngoài việc hoàn thiện nhân cách đạo đức, tìm con đường giác ngộ cho mình, con còn phải biết khéo léo hướng cha mẹ bỏ tà về chính, khuyên cha mẹ làm các việc thiện để giúp cha mẹ loại trừ các nghiệp ác, tụ thành nhân tố giác ngộ để cha mẹ có thể tự mình an lạc và giải thoát. Nói cách khác, theo đức Phật người con hiếu thảo không phải là “cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy”, mà trái lại người con phải có đầy đủ bản lĩnh, khéo léo hướng dẫn cha mẹ trở về con đường chân chính để cha mẹ được an lạc: “Cha mẹ ương ngạnh, si mê tà kiến, không tin tam bảo, hung hiểm bạo ngược, tàn ác bất nhân, gây nhiều nghiệp dữ người con thấy thế, phải cố sức khuyên can cha mẹ, khiến sinh tín tâm, quay về chính đạo, gần gũi bạn lành, mở lòng Bồ Đề, tu thiện niệm Phật, làm cho cha mẹ khi còn ở đời, thường được yên vui, sau khi lâm chung sinh sang Tịnh độ, được gặp chư Phật, vĩnh viễn xa lìa mọi nỗi đau khổ, như thế mới là người con chí hiếu”. (Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Phúc Tuệ: Mục Liên Sám Pháp, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội – PL.2547-DL2003, 141-142. Như vậy, hiếu thảo không chỉ đơn thuần đáp ứng cho cha mẹ đời sống vật chất, tiền bạc, sự cung phụng và vâng lời. Hiếu trong Phật giáo được đặt vào trong mục tiêu hướng đến đời sống đạo đức và trí tuệ của cha mẹ và bản thân.

Mục đích của Phật giáo là giải thoát con



người khỏi những nỗi đau căn bản của con người là sinh, lão, bệnh, tử vì vậy đức Phật đã chỉ ra người con chí hiếu phải làm thế nào cứu độ cha mẹ thoát khỏi những nỗi khổ cội rễ của con người, vì vậy mới thiết thực báo hiếu công ơn cha mẹ một cách đầy đủ.

Như vậy, chữ hiếu trong Phật giáo không chỉ đơn thuần đáp ứng cho cha mẹ đời sống vật chất, tiền bạc, sự cung phụng và vâng lời mà được đặt vào trong mục tiêu hướng đến cha mẹ và con cái cùng bước đi trên con đường chân, thiện, mỹ. Hiếu trong Phật giáo không chỉ dừng lại ở chỗ nhận thức được công ơn của cha mẹ là bao la nên con phải báo đáp thâm ơn đó theo các nguyên tắc nhân bản của xã hội mà hơn thế nữa còn chỉ ra một người con hiếu thảo phải còn là một thiện tri thức làm trợ duyên cho cha mẹ trong việc tu tập hướng đến sự giác ngộ và giải thoát khỏi sinh tử luân hồi. Muốn báo đáp thâm ân cha mẹ thì tự mình tu tập và khuyến hóa cha mẹ thực hành theo Chính pháp làm cho cha mẹ được giải thoát.

- Hiếu trong Phật giáo không chỉ đứng trong phạm vi chật hẹp của tình mẫu tử ở trong cuộc đời này theo quan niệm thường tình mà được triển khai, đưa đến cách hiếu liên quan đến vấn đề vũ trụ nhân sinh.

Với tầm nhìn xuyên suốt giữa không gian vô tận và thời gian vô cùng, giữa sự vương vít chằng chịt của tương hệ duyên sinh và vòng sinh tử luân hồi của chúng sinh, thì nắm xương khô kia có thể đã từng là của cha, của

mẹ, của ông bà tổ tiên ta, hoặc trong quá khứ, hoặc trong hiện tại. Bởi vậy Phật giáo không xem phạm vi, đối tượng báo ân, báo hiếu chỉ là người cha, người mẹ, người ông, người bà cụ thể, nói chung là “con người”, mà là cả “chúng sinh”, là muôn loài. Nói cách khác, quan niệm về cha mẹ của đạo Phật không còn hạn hẹp trong phạm vi gia đình nhỏ bé nữa, nó mở rộng phạm vi ra cả quốc gia, xã hội, cả loài người và hơn thế nữa, cả chúng sinh. Nếu kể từ vô lượng vô số kiếp thì tất cả chúng sinh đều có ơn và đều cần phải báo ân tất cả chúng sinh. Nếu kể riêng về đời hiện tại thì báo ơn chúng sinh tức là báo ơn nhân loại cần lao nói chung, báo ơn xã hội và báo ơn đồng bào lao động nói riêng. Thức ăn, quần áo, nhà ở,... đến những giải trí về tinh thần đều là do nhân loại cần lao, người lao động làm ra, nếu không có thì con người không thể sống và người phật tử cũng không thể tu tập được. Kinh Địa Quán cho rằng: “Loài hữu tình luân hồi sinh trong sáu đường, như bánh xe quay không ngừng, hoặc làm cha mẹ, hoặc làm người nam người nữ, đời đời kiếp kiếp cùng có ân với nhau” [Thích Nhuận Đạt tuyển dịch: Tư tưởng hiếu đạo trong Phật giáo, tr.74]. Phật giáo căn cứ theo nguyên lý chúng sinh sống chết luân chuyển cho nên tất cả chúng sinh, có thể là cha mẹ quyến thuộc trong nhiều đời nhiều kiếp của mình, liên hệ chặt chẽ với nhau, cùng có ân với nhau. Vì lý do này, không những cần phải hiếu dưỡng với cha mẹ mình mà còn mở rộng ra hiếu dưỡng với cha mẹ mọi người trong thiên hạ; không những hiếu dưỡng với cha mẹ đời này mà còn hiếu thảo với cha mẹ ba đời, bảy đời,... thuộc quá khứ. Kinh Phạm Võng nói: “Tất cả người nam là cha ta, tất cả người nữ là mẹ ta, ta đời đời đều thọ sinh từ họ, cho nên chúng sinh trong sáu đường đều là cha mẹ ta” [Thích Nhuận Đạt tuyển dịch: Tư tưởng hiếu đạo trong Phật giáo, tr.74].

Tuy nhiên, để có những phương thức báo hiếu phù hợp, đạo Phật vẫn lấy người cha, người mẹ trong hiện tại làm đối tượng cụ thể.

Và cha mẹ lúc này trở thành biểu tượng của chúng sinh, thậm chí đồng nghĩa với Phật, trong Kinh Đại Tập viết: “Ở thời không có Phật, thờ kính cha mẹ tức thờ kính Phật”.

Nói tóm lại, hiếu trong kinh điển Phật giáo phải thể hiện trọn vẹn cả hai phương diện hiếu dưỡng vật chất và hiếu dưỡng tinh thần. Để hiếu dưỡng cha mẹ về vật chất, người con phải tận tụy nuôi nấng, chăm sóc, tôn kính cha mẹ đúng pháp, phục vụ cha mẹ bằng mồ hôi và tài sản có được từ nếp sống lành mạnh, chân chính, làm cho cha mẹ sống an vui, thoải mái với những tình cảm tốt đẹp nhất. Để hiếu dưỡng cha mẹ về phương diện tinh thần, người con trước hết phải tự trau dồi tốt bản thân mình, làm tất cả những gì tốt đẹp nhất, xa lánh những điều xấu xa, tội lỗi, đem tiếng thơm về cho gia đình, để cho cha mẹ có thể tự hào và hãnh diện với mọi người. Kế đến con cái phải khéo léo hướng dẫn cha mẹ trau dồi chính kiến, đức hạnh chân chính, làm hành trang cho một đời sống an lạc và hạnh phúc ở đời hiện tại và vị lai.





Hiếu

GÓP PHẦN XÂY DỰNG NHÂN CÁCH CON NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY

Vài nét về thực trạng đạo đức xã hội hiện nay

- Qua một khảo sát của Công ty Nghiên cứu thị trường GCOMM về tính tốt của người Việt cho thấy trong giới trẻ hiện nay đức tính hiếu thảo đang biểu hiện sự suy giảm:

Hắt hủi, ruồng rẫy, bạo hành... với người già hiện đang tồn tại phổ biến, báo động sự xuống cấp của đạo đức và rạn nứt truyền thống gia đình. Đây là một thực tế về sự tha hóa đạo đức, ngược đãi đáng sinh thành của những kẻ làm con, làm cháu. Thời xưa, bất hiếu với cha mẹ bị coi trọng tội nhưng khi xã hội ngày càng phát triển thì việc hiếu để đối với cha mẹ đang bị xem nhẹ, nhất là với lối sống thực dụng của giới trẻ ngày nay. Hiện tượng này nếu không được điều chỉnh sẽ để lại những hệ lụy xã hội như hình thành những nhận thức lầm lạc, những ứng xử thiếu văn

hóa, những hành vi vô nhân đạo... Và hậu quả lớn hơn là cả một thế hệ “tương lai của đất nước” cũng sẽ bị ảnh hưởng.

Trong cuộc sống hiện nay có rất nhiều niềm vui khi đời sống của mọi người không ngừng được cải thiện, tuổi thọ ngày càng cao,... tuy nhiên, con người cũng phải đối mặt với không ít nỗi buồn đang xảy ra hằng ngày trong gia đình. Ngày nay, khi đời sống vật chất nâng lên con người càng có nhiều nỗi lo lắng, sợ hãi mới như con người mắc vào các tệ nạn như cờ bạc, nghiện ngập ma túy, nghiện game, nghiện rượu,...; áp lực kinh tế - xã hội đè nặng lên trên tâm trí của con người tạo nên ức chế về tâm lý, xuống cấp về đạo đức, làm mất thăng bằng giữa đạo đức và hưởng thụ.

Thực trạng trên một phần là do chính xã hội chúng ta đã tạo ra khi mà chỉ chú trọng phát triển kinh tế và đào tạo về khoa học - kỹ



thuật, xem nhẹ vấn đề đạo đức.

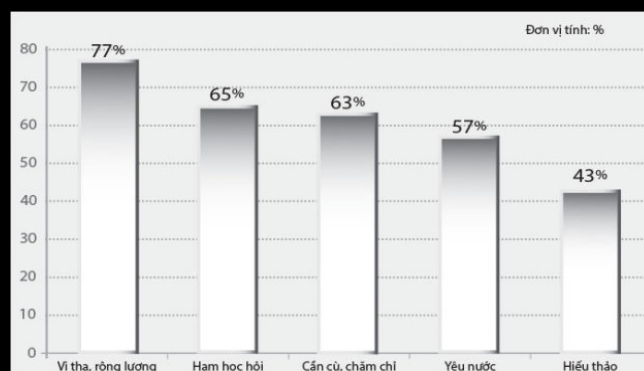
*** Giá trị hiếu trong Phật giáo đối với việc xây dựng nhân cách con người Việt Nam hiện nay**

Việc hình thành lên nền nhân cách đạo đức và nếp sống tu dưỡng của một xã hội nên dựa trên cơ sở giáo lý của tôn giáo. Đời sống tâm linh có thăng hoa thì đạo đức xã hội sẽ được định hình thông qua giáo lý mà tôn giáo đóng vai trò chủ đạo.

Trước thực trạng trên chúng ta dễ dàng nhận ra rằng Phật giáo với ý nghĩa sâu sắc sẽ là một cứu cánh cho nền tảng đạo đức về chữ hiếu của dân tộc đang bị rạn nứt. Truyền bá tư tưởng hiếu đạo cho mọi người là một phương pháp bổ sung cần thiết. Nó tăng cường sức mạnh hiếu tâm của chính bản thân mình, được thường xuyên có mặt. Hiếu cũng như các tâm lý khác đều phát sinh và tồn tại có điều kiện, vì vậy truyền bá tư tưởng hiếu đạo, có tác dụng trước hết là củng cố sức mạnh hiếu tâm của người con thường xuyên. Mặt khác, Phật giáo quan niệm tất cả chúng sinh là cha mẹ của mình nên ngoài

việc báo đáp thâm ân cha mẹ của mình hiện nay, còn có nhiệm vụ báo hiếu cho cha mẹ nhiều đời của mình bằng phương thức gián tiếp, đem đến lợi ích cho tất cả những người cha, người mẹ khác trong xã hội. Từ đó xây dựng một nền tảng đạo đức cơ bản cho xã hội con người, tâm hiếu là một tâm lý có tính văn minh, văn hoá. Truyền bá đạo hiếu sẽ tạo nên một truyền thống văn hoá tốt đẹp, để xã hội có điều kiện xây dựng hạnh phúc cho con người.

Trong xu thế hội nhập với thế giới hiện nay, phải luôn giáo dục để thế hệ sau biết tưởng nhớ và thành kính tri ân những người có công sinh thành, nuôi dưỡng, tạo dựng cuộc sống cho mình, đó là truyền thống đã ăn sâu vào tiềm thức của con người Việt Nam từ ngàn đời nay, tạo thành đạo lý chung của con người. Dựa trên các nội dung về hiếu trong Phật giáo đã cho thấy để nó góp phần định hướng nhân cách cho giới trẻ thì phải giáo dục cho thế hệ tương lai hiểu rằng tình yêu quê hương, đất nước trước hết phải bằng tình yêu chính gia đình, dòng họ, yêu nơi chôn nhau cắt rốn của mình. Việc tôn vinh, thể hiện lòng biết ơn những người có công với nước, với cộng đồng cần được tiếp tục duy trì và phát triển một cách lành mạnh, có ý nghĩa nhưng phải vừa giữ được những giá trị truyền thống kết hợp với những giá trị đạo đức mới, vừa phù hợp với xã hội công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay. Mỗi gia đình, mỗi xóm làng đều phải có trách nhiệm làm cho truyền thống thờ cúng tổ tiên, tôn vinh những người có công với nước, với cộng đồng mãi



Nguồn: vn.news.yahoo.com/tinh-tot-cua-nguoi-viet-dang-giam-di

mãi trong sáng với những giá trị văn hóa và đạo đức tốt đẹp; góp phần *“xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”*.

Báo hiếu cần phải hiểu rộng hơn về đạo lý luôn hướng về cội nguồn của dân tộc là các Vua Hùng, các anh hùng dân tộc, những người có công khai hoang, lập ấp hay tổ sư; báo hiếu tổ tiên, ông bà, cha mẹ,... ở trong dòng tộc, gia đình.

Trong cuộc đời, phận làm con có báo hiếu cả đời, có đời sao lấp biển cũng không báo hiếu hết được công lao sinh thành, dưỡng dục của cha mẹ. Mẹ mang nặng đẻ đau, nâng niu bú mớm cho con; cha vất vả, tần tảo sớm hôm lo cho con có cái ăn, cái ở:

Đi khắp thế gian không ai tốt bằng Mẹ

Gánh nặng cuộc đời không ai khổ bằng Cha

Nước biển mênh mông không đong đầy tình Mẹ

Mây trời lồng lộng không phủ kín công Cha

Tần tảo sớm hôm Mẹ nuôi con khôn lớn

Mang cả tấm thân gầy Cha che chở đời con.

Ấn cha nghĩa mẹ không bao giờ cạn, dù có lớn khôn bao nhiêu vẫn cần sự chở che, nương tựa vào cha mẹ. Cha mẹ nuôi con không bao giờ tính tháng, tính ngày, phải chịu bao khó khăn, gian khổ. Vì vậy, phận làm con luôn nhớ mong về cha mẹ, nghĩ về cha mẹ từng giây phút như cha mẹ đã nghĩ đến mình khi ta còn bé, nó biểu hiện thành hành động cho dù đó là hành động đền đáp bằng vật chất hay tinh thần, báo hiếu bằng những gì hiện có, không cần phải đợi có nhiều tiền để mua sắm những vật dụng mẹ cha thích mới gọi là báo hiếu. Do đó, việc báo hiếu cha mẹ cần được thực hiện ngay từ khi cha mẹ còn sống được thể hiện bằng:

+ Lòng kính yêu, phụng dưỡng cha mẹ: Chào hỏi, nói năng lễ phép; hằng ngày quan tâm đến việc ăn uống; chăm sóc khi trời nắng trở trời,... khi cha mẹ còn sống.

+ Không bao giờ được có những hành vi ngược đãi ông bà, cha mẹ, hãy làm những gì có thể để ông bà, cha mẹ được vui, nhất là khi tuổi đã cao, sức khỏe đã giảm sút nhiều...

+ Chăm lo cho ông bà, cha mẹ cả về vật chất và tinh thần là trách nhiệm và nghĩa vụ của phận con cháu.

+ Điều quan trọng là tâm thành của con

cháu, luôn nghĩ về tấm gương đạo đức của ông bà, cha mẹ. Hàng năm vào dịp Lễ Vu Lan và nhân ngày giỗ ông bà, cha mẹ, con cháu cần tỏ lòng hiếu kính, tưởng nhớ đến công ơn trời biển của ông bà, cha mẹ để noi theo nhằm tu dưỡng, rèn luyện trong cuộc sống, trở thành người con hiếu thảo, có ích cho xã hội...

Theo tinh thần Phật giáo, con muốn báo hiếu phải tự rèn luyện, trau dồi về đạo đức, hoàn thiện nhân cách theo những nguyên tắc đạo đức để mỗi người rèn giữa thân tâm để tự giác ngộ, giải thoát, trước hết mỗi người phải thực hiện những quy phạm đạo đức cụ thể được thể hiện trong Ngũ giới, Thập thiện.. Vì có giữ ngũ giới, con người mới có chính kiến trong suy nghĩ và hành động. Mỗi khi có chính kiến thì sẽ có cái nhìn trí tuệ, thực hành chính đạo, làm những việc tốt, xa rời việc ác. Đó chính là ý nguyện, là lời dạy của cha mẹ chúng ta. Làm như vậy là báo hiếu cha mẹ vậy.

Nếu như trong Nho giáo quy định tam cương, ngũ thường thì trong Phật giáo sống theo Ngũ giới - là năm điều ngăn cấm mà Phật đã đưa ra để thực hành thì sẽ không đi vào đường ác, là năm hàng rào ngăn chặn cho ta khỏi rơi vào vực sâu.

- Đức Phật đưa ra những quy định về mặt đạo đức nhưng không bắt buộc chúng ta phải tuân theo, cũng không cho rằng nếu không tuân theo sẽ bị trừng trị. Giữ hay không giữ là hoàn toàn do chúng ta tự liệu lấy. Đạo Phật khác với các tôn giáo khác chính ở điểm này, đức Phật không phải là một quan tòa tối cao giữ quyền thưởng phạt. Một ý nghĩ, một lời nói, một hành động tốt hay xấu chính đã mang theo nó cái mầm thưởng phạt, theo luật nhân quả. Đức Phật chỉ là Người dẫn đường, Ngài chỉ ra con đường nào là con đường sáng và con đường nào là con đường hiểm nguy không nên đi. Nếu chúng ta không theo con đường sáng mà lại muốn đi vào con đường hiểm nguy thì tất yếu chúng ta sẽ gặp tai họa theo quy luật nhân quả. Ta làm ác thì bị quả xấu, ta làm thiện thì được quả tốt, trong thực hiện hiếu cũng vậy, đức Phật chỉ dạy nếu hiếu thảo thì phước rất lớn, bằng không, sống bất hiếu thì tội lỗi rất nặng.

Trong Kinh Vu Lan đức Phật đã dạy: “Công ơn cha mẹ vô lượng vô biên, con chẳng hiểu

hiền ở đời cũng lắm” [Kinh Báo hiếu và Vu Lan, Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh ấn hành, PL.2513-1993, tr.35]. Khi đã lớn khôn con cái quên công ơn cha mẹ dưỡng dục. Những người con bất hiếu chỉ nhìn thấy cái trước mắt, không nhận thấy được rằng nếu như không có cha mẹ thì làm sao mình có thể hiện diện trên cõi đời này? và họ không hiểu được nguồn gốc và tình cảm của cha mẹ. Sau này, nếu con cháu đời sau đối xử cũng như vậy thì họ sẽ cảm nhận được thế nào là tội lỗi.

Dựa trên luật nhân quả, Phật giáo với những lời kinh đầy hình tượng, giàu sức biểu cảm đã đưa ra cách nhìn khá sâu sắc, toàn diện khi đánh giá về những tội lỗi mà con cái bất hiếu gây ra cho người có công lao to lớn như trời bể với mình; và những người đó sẽ bị quả báo, bị đọa đày, chịu những hình phạt hà khắc khi mất đi. Đức Phật dạy, nhân hiếu thì quả hiếu, nhân bất hiếu thì quả bất hiếu cũng như trong văn hóa Việt khẳng định:

Nếu mình hiếu với mẹ cha

Thì con cũng hiếu với ta khác gì

Nếu mình ăn ở vô nghi

Đừng mong con hiếu làm gì hoài công.

Mặc dù quan điểm này mang yếu tố duy tâm nhưng nó thể hiện tính giáo dục sâu sắc để mỗi cá nhân tự nhận thức lỗi lầm, nhìn vào đó để sửa đổi, đánh thức tòa án lương tâm của mỗi người con. Những hiện tượng tiêu cực ở xã hội hiện nay như con cái bất hiếu với cha mẹ không còn là chuyện hiếm, nó diễn ra thường xuyên vì vậy, những lời răn dạy nhẹ nhàng mà sâu sắc, thấm thía Đức Phật về hiếu và bất hiếu đã góp phần thức tỉnh, giúp mỗi người tự soi vào lòng mình để nhận thức được lỗi lầm của mình khi làm cha mẹ đau buồn, héo hon và tự tránh khỏi những lỗi lầm ấy khi nhận thức được. Điều này thật không dễ dàng.

Những người con thảo cháu hiền thì cố gắng tạo điều kiện cho cha mẹ hạnh phúc, được chăm sóc đầy đủ, có được sự bình an về đời sống nội tâm. Có như vậy, mỗi khi nhắc đến con cái, cha mẹ mới hãnh diện và tự hào về sự trưởng thành của chúng. Thông thường, người con không nhận ra sự đau khổ của cha mẹ. Cha mẹ không quản ngại khó khăn, vất vả, thường dành tất cả mọi điều tốt lành cho con cái. Ngược lại, con cái khi chăm sóc cha mẹ lại thường hay kể công đúng như

ca dao nước ta có câu: “Mẹ thương con biển hồ lai láng. Con thương mẹ tính thác tính ngày”. Làm như thế là bất hiếu vì đã tạo cho cha mẹ mặc cảm vì sống mà phải làm phiền con cái, mặc cảm về sự cô đơn, mặc cảm về sự thiếu thốn. Đáng sinh thành sẽ rất dễ bị tổn thương bởi những người con vô cảm, bất hiếu. Trong cuộc sống hối hả với bộn bề việc lo toan mỗi người cần nhận thức ra được rằng thời gian được sống bên mẹ cha không thể định liệu được “Mẹ già như chuối chín cây. Gió lay mẹ rụng con phải mồ côi”, cần trân trọng để làm những điều báo hiếu, làm cha mẹ vui lòng; những “khoảnh khắc” được sống bên mẹ cha là một đặc ân, “vận may tối thượng”, là niềm hạnh phúc nhất:

“Ai còn Mẹ xin đừng làm Mẹ khóc.

Đừng để buồn lên mắt Mẹ nghe không?”.

Mỗi người hãy biết trân trọng điều đó bởi khi mẹ cha đi vào cõi vĩnh hằng, ngàn thu vĩnh biệt mà mới ăn năn, nhận thấy mình chưa làm được điều gì cho mẹ cha thì đã muộn màng. Cha mẹ là nguồn sống cho con cái, khi mất cha mẹ mới thấy sự trống vắng, thấm thía nỗi cô đơn, giàu sang, vinh hiển liệu đến lúc đó còn có ý nghĩa nữa không?

Tóm lại: Những giá trị đạo đức trên của Phật giáo về báo hiếu cha mẹ không chỉ có ý nghĩa với người Phật tử mà còn ảnh hưởng rộng rãi đến đời sống nhân dân nói chung, góp phần hoàn thiện đạo đức cá nhân, xây dựng đạo đức xã hội, củng cố sự phát triển bền vững của xã hội bởi vì nếu bước vào xã hội, cộng đồng thì trước hết người đó phải lo tròn chữ hiếu thì mới không vướng vào những tội lỗi, làm người có ích cho xã hội.





Ơn thí chủ

Hãy có tâm từ đối với đàn-việt, ơn nhỏ còn chẳng quên huống là ơn lớn; hằng lấy lòng từ hướng về đàn-việt.

Mùa mưa đến, chu tăng, ni đều y theo lời Phật thực hành an cư. Đạo tràng an cư tu học thanh tịnh tất yếu nhờ ơn ngoại hộ của các thí chủ, đồng thời thí chủ cũng nương tựa chu tăng, ni để tu học và thành tựu phước báo hộ trì.

Hành giả an cư ngoài việc tinh chuyên trau dồi Giới Định Tuệ còn quán niệm bốn ơn. Trong đó, luôn nhớ nghĩ công ơn thí chủ và thể hiện bằng cách rải từ tâm đến đàn-việt để người thí và người nhận thí đều thanh tịnh, đều được công đức.

“Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Hãy xem đàn-việt thí chủ như thế nào?

Bấy giờ các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:
- Thế Tôn là vua của các Pháp. Cúi mong Thế Tôn nói nghĩa này cho các Tỳ-kheo, chúng con nghe xong sẽ vâng giữ tất cả.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ phân biệt nghĩa này cho các Thầy.

- Hãy cung kính đàn-việt thí chủ như con hiếu thuận cha mẹ, nuôi dưỡng, hầu hạ, làm tăng trưởng ngũ ấm. Ở cõi Diêm-phù-đề hiện các thú nghĩa: Quán đàn-việt thí chủ hay thành tựu giới, văn, tam

muội, trí tuệ cho người. Nay các Tỳ-kheo, đàn-việt có nhiều lợi ích, đối với Tam bảo không có chuống ngại, hay bố thí các Thầy y phục, thức ăn uống, giường chõng, ngọa cụ, thuốc thang trị bệnh. Thế nên, nay các Tỳ-kheo, hãy có tâm từ đối với đàn-việt, ơn nhỏ còn chẳng quên huống là ơn lớn; hằng lấy lòng từ hướng về đàn-việt, nói hạnh trong sạch của thân, miệng, ý chẳng thể cân xứng, cũng không có giới hạn. Thân hành từ, miệng hành từ, ý hành từ, khiến cho vật bố thí của đàn-việt trọn không bị phí bỏ, được quả báo lớn, thành tựu phước đức lớn, có danh tiếng lớn, lưu truyền pháp vị cam lồ trong thế gian. Như vậy, nay các Tỳ-kheo, nên học điều này.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Thí để thành của lớn

Chỗ nguyện cũng thành tựu

Vua và những tên trộm

Chẳng thể đoạt vật kia

Thí để được ngôi vua

Nổi dõi ngôi Chuyển luân

Bảy báu thành đầy đủ

Vốn do thí mà được

Bố thí thành thân trời

Đầu đội mũ báu đỏ

Cũng các kỹ nữ dạo

Vốn quả báo của thí

Thí được trời Đế Thích

Vua trời oai lực thịnh

Ngàn mắt trang nghiêm thân

Vốn quả báo của thí

Bố thí thành Phật đạo

Đủ ba mươi hai tướng

Chuyển Pháp luân vô thượng

Vốn quả báo của thí.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm”.

(Kinh Tăng nhất A-hàm, tập I, phẩm Hộ tâm, VNCPHVN ấn hành, 1997, tr.107)

Y theo lời Phật dạy, hành giả an cư thương kính và trân trọng đàn-việt, thí chủ vì nhờ ơn ngoại hộ mà mình có đầy đủ bốn vật dụng (y phục, thức ăn uống, giường chõng, ngọa cụ, thuốc thang) để yên tâm tu học, và nhất là “thành tựu giới, văn, tam muội, trí tuệ”.

Cho nên, “hãy có tâm từ đối với đàn-việt; hằng lấy lòng từ hướng về đàn-việt; thân hành từ, miệng hành từ, ý hành từ, khiến cho vật bố thí của đàn-việt trọn không bị phí bỏ, được quả báo lớn, thành tựu phước đức lớn” chính là một trong những pháp hành quan trọng của các hành giả an cư.

Tâm từ là một chất liệu kết dính mối quan hệ giữa bốn chúng đệ tử Phật luôn bền chặt, hòa hợp và thanh tịnh. Nhờ ban rải từ tâm mà người thí và người nhận đều thành tựu công đức, phước báo vô lượng.

Quảng Tánh

Nguồn: <http://giacngo.vn/phathoc/2015/06/14/16F003/>

NHÂN QUẢ LUÂN HỒI VÀ NHÂN QUẢ GIẢI THOÁT TRONG GIÁO LÝ TỨ DIỆU ĐẾ

Giáo lý Tứ Diệu Đế là giáo lý nói về bốn điều kỳ diệu căn bản mà mỗi con người cần thực hành để giải thoát mọi khổ đau. Vì thế Tứ Diệu Đế được biết đến trong vai trò tổng thể như là một cấu trúc nền tảng của Phật giáo.

Bởi vì tất cả mọi giáo lý và thực hành của đạo Phật đều được trình bày trong nội dung của Bốn chân lý này, đó là:

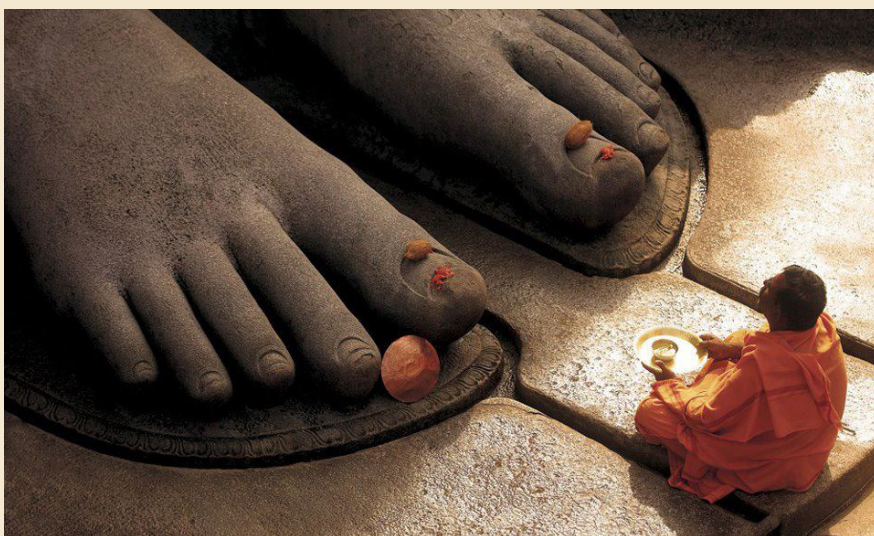
PHÁP VƯƠNG TỬ

1. Sự thật về khổ đau
2. Sự thật về nguồn gốc của khổ đau
3. Sự thật về sự chấm dứt khổ đau
4. Sự thật về con đường diệt khổ.

Để loại trừ các nguồn gốc khổ đau, hoàn tất sự chấm dứt khổ đau và những nguyên nhân tiềm ẩn của nó thì mỗi con người chỉ có thực hành rốt ráo những lời Phật dạy trong giáo lý Tứ Diệu Đế.

Giáo lý này được biết là pháp thoại đầu tiên sau khi Phật thành đạo, tức là sau khi Thái tử Tất Đạt Đa thiên định dưới cội Bồ đề chứng được Tam minh: Túc mạng minh, Thiên nhãn minh, Lậu tận minh - tức ba sự sáng suốt, không còn bị luẩn quẩn, loanh quanh trong lục đạo luân hồi; cũng được gọi là giải thoát sinh tử. Và cũng chỉ sau khi chính đức Phật có được CÁI THẤY của một bậc GIÁC NGỘ, Ngài mới nói ra sự thật về cái thấy sáng suốt về nhân quả luân hồi và nhân quả giải thoát trong giáo lý Tứ Diệu Đế.

Ngược dòng lịch sử, khi đạo Phật chưa phải là một tôn giáo mà những lời Phật dạy sau này được gọi là giáo lý chỉ nhằm một mục đích đem lại sự an vui cho con người. Vì thế đức Phật đã dặn dò cận kề rằng: Khi áp dụng những Lời Ta dạy nếu thấy chưa an vui, hạnh phúc thì chớ



tin theo. “Không nên chấp nhận lời của Ta do lòng kính trọng”. Để được Giác Ngộ như đức Phật thì sự học hỏi, tu tập là cần thiết. Từ “tam tu” là Văn tuệ, Tu tuệ và Tu tuệ - ba loại Tuệ này hài hòa và hiện hữu dẫn đến chuyển hóa tâm thức, bởi những kiến thức này mà ta thu nhận được dưới bề mặt ý thức, tác động nuôi dưỡng bản tâm tự nhiên và giác ngộ của ta. Ấy cũng là sự “bất ly thế gian” của đạo Phật.

Từ tam Tuệ mà chúng ta có được, mỗi lần bước vào Tam vô lậu học - là ba môn học căn bản nhất dẫn đến giải thoát tối hậu. Từ đó để thấy sự học, sự tu trong đạo

Phật, từ khởi nguyên cho tới bây giờ không hề đề xuất một sự CỨU RỒI nào, không xuất phát từ một thần linh bên ngoài mà là một phương pháp thực tiễn để thoát khỏi khổ đau và đạt tới hạnh phúc ngay tại thế giới này, thúc đẩy con người nỗ lực tự hoàn thiện mình bằng việc làm đạo đức: “thương người như thể thương thân”. Câu tục ngữ của người Việt đã nói đầy đủ giáo pháp của nhà Phật về hạnh Bồ tát mà mỗi con người đều mang trong mình cái phẩm hạnh cao quý đó. Đó là “Căn bản trí” cũng được gọi là Phật tính, là trí vô sự - cái trí có sẵn nơi mỗi người.

Khi nói đến Phật, trong sự hướng đến tu tập chúng ta không nên giới hạn việc hiểu chữ “Phật” trong ý nghĩa về một nhân vật lịch sử đã từng sinh ra ở Ấn Độ; mà điều chúng ta nên hiểu về quả vị Phật - tức con người tỉnh thức, còn danh xưng Phật và quả vị Phật chính là trạng thái Giác ngộ. Đức Phật Thích ca từng nói: Ngài thị hiện nơi đời, thành một con người rồi thành một đức Phật mang thân tử đại nhu bất cứ con người nào nơi thế gian này cũng chỉ là “phương tiện” để chúng sinh noi theo đó mà tu. Nếu đức Thích ca không thị hiện nơi thân con người thì chúng ta noi theo ai. Thế nên Tam tạng Thánh giáo của đức Phật giáo hóa cho loài người chúng ta đều là phương tiện; căn cứ vào phương tiện kinh điển ấy mà chúng ta tu ví như người nông phu phải sử dụng phương tiện là cái cày, cái cuốc, hạt giống... để mưu sinh. Kinh Phật cũng chỉ là phương tiện để chúng ta nhận thức giáo lý mà tự chuyển hóa khổ đau thành an lạc, hạnh phúc. Đoạn cuối Tây Du Ký của tác giả Ngô Thừa Ân đã thể hiện khéo léo ý nghĩa này dưới hình thức văn nghệ: khi thầy trò Đường Tăng tới thỉnh kinh, lần đầu được cấp các bộ kinh không có ... chữ. Sau đó phải đánh đổi cái bát ăn cơm vẫn dùng để khát thực - cái bát bằng vàng ròng thì mới có được các bộ kinh có chữ. Kinh Phật nói: Vô tự mới là chân kinh, có nghĩa “chân kinh” - Chân lý căn bản của kinh mới là kinh không có chữ, bởi “chữ” chỉ là “phương tiện”. Nhưng loài người do căn cơ chậm lụt nên mới phải mượn phương tiện là “chữ” mới tỏ ngộ được giáo lý Như Lai. Cũng với ý này, sau 49 năm thuyết pháp đức Phật nói: Ta chưa từng nói một chữ. Ngài muốn xả bỏ mọi phương tiện để con người chúng ta thực chứng được chân lý. Thế nên quả vị Phật là dựa trên các tầng bậc của sự tỉnh thức, hoặc các mức độ chứng ngộ của tâm thức ở mỗi

con người hướng đến sự Giác Ngộ thành Phật. Và đây là lý do tại sao các kinh văn Phật giáo đã đề cập đến các vị Phật trong quá khứ, hiện tại và tương lai. Chỉ với một câu nói “đồng mãnh” của đức Phật là mỗi con người sẽ thành một đức Phật đã làm chấn động tận gốc rễ xã hội đẳng cấp từ bao đời ở Ấn Độ, khiến tất cả mọi tôn giáo và các triết phái truyền thống khi ấy phải cúi đầu xem xét lại giáo lý của mình, để sau đó đạo Phật đã không còn “biên giới” bởi đã sớm chinh phục được trái tim và khối óc của nhân loại.

Dường như ai cũng hiểu rằng: Muốn thành Phật thì phải đi theo dấu chân Ngài. Thế nhưng dấu chân Như Lai đã cách chúng ta... những hơn 25 thế kỷ, liệu còn có giá trị? Trong bài Kệ Huu hướng Như Lai của Thiền sư Quảng Nghiêm (1121 - 1190) đời nhà Lý có hai câu cuối:

**Nam nhi tự hữu xung thiên chí
Huu hướng Như Lai hành xứ hành**
Nghĩa là:

*Làm trai lập chí xông trời thăm
Theo gót Như Lai uống nhọc mình*

Trong bối cảnh bài thơ mà tác giả lại là... một Thiền sư, sao lại bảo đừng có theo dấu chân của đức Phật.

Vâng, nếu y cứ theo nghĩa đen để giải thích, diễn dịch thì thật là... oan cho tác giả Thiền sư. Ở đây, tác giả Thiền sư Quảng Nghiêm viết: Đừng có dẫm theo con đường - dù đó là con đường của Như Lai. Cái “ý” ở đây là nhằm đánh thức khả năng tự giác ngộ, đánh thức Phật tính luôn sẵn có nơi mỗi con người và bảo rằng: Đừng có dựa dẫm vào người khác để “tu”, bởi tu là tự sự mình - tự sửa mình là dấu hiệu của trí tuệ. Đạo Phật là đạo giác ngộ, mà giác ngộ là tự “ngộ” không ai thể... ngộ thay mình được, nên gọi là trí vô sư mà Kinh Pháp Hoa bảo đó là viên ngọc trong chéo áo gấm cùng tử. Mỗi người hãy dùng viên ngọc vốn có ấy làm hành trang đến với quả

vị Phật. Đức Phật từng nói trong Kinh Nikaya rằng: “Không nên dễ dãi chấp nhận điều gì mà chưa tự thân kiểm nghiệm, dù điều đó được nói bởi một đáng đáng kính, được du luận đồng tình hay được truyền thống ghi lại”. Không nên nô lệ ai cả, dù nô lệ dưới bất kỳ hình thức nào cũng chỉ là một loại MỀ TÍN. Luôn phải tìm con đường cho riêng mình. Nhà thơ Robert Frost có hai câu thơ mà cố tổng thống Mỹ John Kennedy, vị tổng thống danh tiếng, thường trích dẫn trong các bài phát biểu của ông tại Quốc hội:

**Trong rừng có rất nhiều lối đi,
Và tôi chọn lối đi không có dấu
chân người**

Con đường “không có dấu chân người” ấy chính là con đường của sự sáng tạo, có hành động dẫn thân - con đường của sứ mệnh KHAI MỞ. Phải chăng nước Mỹ đã mang tu tưởng đó nên họ đã thành công và tạo dựng được vị thế khổng lồ trên thế giới hôm nay mới hay Phật pháp bất ly thế gian!

Cũng vậy, mỗi con người hướng đến quả vị Phật đều khác nhau cũng là do nghiệp nghiệp khác biệt, vì thế trong đạo Phật cũng có nhiều hệ thống triết lý dị biệt như: Tỳ bà sa bộ, Kinh lượng bộ, Duy thức tông, Trung quán tông. Rồi các bộ Kinh đồ sộ, được ví nhiều như rừng biển cũng phân ra nào Kinh Đại thừa, nào Kinh Tiểu thừa; cùng với Mật tông là Hiển giáo, và vân vân. Có tới tám vạn bốn nghìn con đường dẫn đến Phật quả. Mọi sự khác biệt ấy cũng chỉ nhằm giúp cho con người có được hạnh phúc chân thật là chấm dứt khổ đau. Mục đích sự giáo hóa là vậy, chứ không nhằm để được nổi tiếng. Và một giáo pháp dù có thâm diệu đến mấy nhưng không phù hợp với một ai đó thì phỏng có ích gì? Trong ý nghĩa này, Phật pháp tựa như liều thuốc mà giá trị chính của liều thuốc là ở chỗ chữa khỏi bệnh, chứ không phải ở nơi số tiền bỏ ra

để mua nó!

Trở lại về suy nghiệm sau phút giây Thành đạo của đức Phật thụ hưởng 21 ngày vui Niết Bàn nơi cõi Bồ Đề, Ngài định nhập diệt ngay, bởi với con mắt thành đạo, đức Phật thấy cõi Ta Bà tức con người ở thế gian chúng ta ô trược quá. Và nếu vậy, thì đương nhiên đạo Phật chỉ dừng lại ở tiểu thừa - Tức tu chỉ nhằm giải thoát cho riêng mình. Nhưng vì khi ấy các Chu thiên vây quanh Phật, biết được ý định của Ngài nên hết thấy đã cung kính lễ chân Phật, tha thiết khẩn cầu rằng: “Bạch đức Thế tôn, cúi mong Ngài vì lòng từ bi xót thương chúng con, chúng sinh đời sau mà tuyên dương Chính Pháp khiến cho muôn loài thoát khổ được an vui”. Cũng vì lời thỉnh cầu tha thiết ấy, đức Phật của chúng ta phát tâm đại bi, chuyển bánh xe pháp, khai mở, lập bày phương tiện giáo hóa chúng sinh là loài Trời và loài người. Tam tạng Thánh giáo được ra đời từ đó.

Với chúng sinh là loài trời, do căn cơ sáng suốt, Phật thuyết kinh CHÂN THẬT với chúng sinh là loài người chúng ta, do căn cơ nhiễm ô tăm tối nhiều kiếp nên Phật thuyết kinh PHƯƠNG TIỆN. Nghĩa là loài người tu Phật nhất thiết phải dựa vào phương tiện mới “ngộ” được nghĩa Kinh, ví như người làm ruộng phải có phương tiện là cày cuốc, hạt giống, nước. Kinh Phật hay hiện thân của đức Phật Thích Ca cũng chỉ là... phương tiện.

Vẫn biết tu là tự sửa mình. Sửa mình có kết quả thì mới đủ đạo lực giúp người khác gọi là hành Bồ-tát đạo. Nếu không đủ đạo lực, công hạnh, sao giúp được người khác vì nhu, không biết bơi sao có thể cứu được người bị đuối nước. Nói vậy để ngộ được các phép tu hàng Tiểu thừa cũng rất quan trọng, không thể thiếu trong lộ trình dẫn đến quả vị Tối thượng. Ngay cả đấng Giác Ngộ - Phật Thích ca cũng không bỏ qua được giai đoạn

Tự giác của hàng Tiểu thừa. Hơn thế nữa, chính Ngài đã thành quả vị Phật ở hàng Tiểu thừa đó thôi, rồi sau đó Ngài mới tự bước xuống hàng Bồ Tát. Đây là một quyết định sáng suốt và đầy lòng từ bi. Bởi vì khi đã thành Phật, tức đã vượt qua trạng thái Bồ - Tát, công đức đã trọn đủ, gọi là viên mãn. Vì “Phật” đại diện cho TÍNH ĐỨC, không còn phải “tu” gì nữa. Chỉ có hàng Bồ tát mới phải tu để thực hiện cứu cánh cho đời. Phân tích như vậy để thấy việc đức Phật quyết định “tái sinh” trở lại, tức Ngài tự bước xuống hàng Bồ tát, thực hiện hạnh, Bồ tát. Noi theo Phật Thích ca, các đức Phật Dược Sư, A Di Đà, Địa Tạng... cũng phát thệ nguyện Bồ tát sau khi đã trở thành quả vị Phật. Trong các bộ Kinh Đại thừa như Pháp Hoa, Bảo Tích, Hoa Nghiêm, Bi Hoa, Niết Bàn... ta thấy có đến ức vạn Bồ tát thật tướng... Vì vô hình tướng như Bồ tát Phổ Hiền, Bồ tát Đại Thế Chí, Bồ tát Dược Vương... Chính các hạnh nguyện từ bi cứu khổ ban vui đã tạo “DANH” các Ngài. Vì thế, khi lễ lạy là chúng ta lễ lạy cái “danh” thật tướng chứ đâu phải cái “tướng” vật chất do tứ đại tạo thành.

Lịch sử hiển dương Đại thừa Phật giáo được đánh dấu qua Tây Du Ký viết ở thời nhà Đường: Đó là sự xuất hiện một vị Bồ tát khi Đường Tăng đang giảng Kinh tiểu thừa và vị Bồ tát đó đã khai ngộ rằng: Đại thừa mới có đủ khả năng cứu vớt chúng sinh thoát khổ. Rồi sau đó Đường Tăng mới được lệnh vua Đường... Tây du thỉnh Kinh Đại thừa. Tất nhiên trong Tây Du Ký vẫn còn một số ý sai biệt, hạn chế cần phải bàn thêm khi nhìn ở lăng kính Phật giáo.

Thiết nghĩ giáo pháp Tiểu thừa cũng đều là những pháp căn bản do đức Phật tuyên thuyết trong giai đoạn đầu, chỉ gồm Tứ Diệu Đế, Mười hai nhân duyên, Thuyết vô ngã và luật Nhân Quả nghiệp báo. Còn phép tu hành của hàng Tiểu thừa dựa trên Bát chính đạo - Là con

“

**SAU GIÁO PHÁP Ở
GIAI ĐOẠN ĐẦU TIÊN
TIỂU THỪA, ĐỨC
PHẬT MỚI TUYÊN
DƯƠNG GIÁO PHÁP
TOÀN VẬN HƠN TRÊN
CƠ SỞ ĐÃ “NGỘ
NHẬP” NHỮNG GIÁO
PHÁP BAN ĐẦU - ĐÓ
LÀ GIÁO PHÁP ĐẠI
THỪA.**”

”

đường tám nhánh giải thoát khỏi khổ đau, là chân lý cuối cùng của Tứ Diệu Đế. Sau giáo pháp ở giai đoạn đầu tiên tiểu thừa, đức Phật mới tuyên dương giáo pháp toàn vận hơn trên cơ sở đã “ngộ nhập” những giáo pháp ban đầu - Đó là giáo pháp Đại thừa. Và đây là giáo pháp Tiểu thừa, Đại thừa, hay Phật thừa (cỗ xe Phật) đi chẳng nữa thì nó vẫn KHÔNG HAI. Như nước biển kia chỉ có vị mặn, đạo Phật cũng chỉ có một vị giải thoát - như chính lời đức Phật đã nói. Thế nên, trong Tứ diệu đế, bài thuyết pháp đầu tiên sau khi Phật thành đạo của đức Từ phụ cho năm anh em ông Kiều Trần Như tại vườn Nai, mà trong hai Thánh đế đầu là Khổ đế và Tập đế là nhân quả luân hồi, tức vẫn còn nhân quả trong vòng luân hồi của thế tục. Tu tiếp hai thánh đế sau là: Diệt đế và Đạo Đế, thì mới giải thoát khỏi vòng nhân quả không còn tương tục trong 12 nhân duyên nữa.

Đó là bốn điều kỳ diệu căn bản trong pháp tu mà mỗi con người chúng ta cần hướng đến thực hành để tự giải thoát mọi khổ đau, từng bước hoàn tất quả vị giác ngộ, giải thoát ngay trong cuộc đời này.



ĐỨC PHẬT DẠY PHƯƠNG PHÁP LÀM CHỦ BỆNH

Trong nhiều bài kinh chúng ta cũng thường thấy hình ảnh đức Phật bị bệnh tật, bị thọ bệnh. Đúng vậy đã có thân thì phải có bệnh. Vậy bệnh từ đâu đến? đức Phật dạy bệnh tật cũng do nhân quả sinh ra, do nghiệp lực tác thành. Sau khi đọc qua bài Kinh Miếng Đá Vụn, chúng ta sẽ thấy được một hình ảnh mô tả rất cụ thể và sinh động về một sự việc xảy ra khi chân của Thế Tôn bị miếng đá bể đâm phải vào chân.

Đó là một sự việc rất thường tình, rất bình thường, rất giản dị của đức Phật trong những lúc Ngài bị những chướng ngại ác pháp của môi trường nhân quả tấn công vào xác thân vô thường.

Những lần đức Phật bị những cảm thọ trên cái thân tứ đại vô thường này, thì tâm tư của Thế Tôn không hề biểu lộ một chút sợ hãi hoặc lo lắng gì cả.

Về thân thì những cảm thọ rất đau đớn khốc liệt

đang hoành hành liên tục hiện hữu trên xác thân của Phật, mà về tâm thì Thế Tôn hướng đến đó là chính niệm tỉnh giác. Chúng ta hãy xem cách thức, phương pháp đức Phật làm chủ vượt qua những cảm thọ của bệnh tật “Cảm thọ Thế Tôn mãnh liệt. Thân cảm thọ khổ đau, nhói đau, nhức nhối, khốc liệt, không khoái tâm, không thích thú. Nhưng Thế Tôn chính niệm tỉnh giác, nhẫn chịu, không phiền não”.

Phương pháp mà đức Phật làm chủ bệnh, vượt qua

bệnh tật đó là Phật chỉ dùng phương pháp Chính Niệm Tĩnh Giác. Trên thân này dù cảm thọ đau đớn khốc liệt đến đâu thì Ngài vẫn không hề sợ hãi, vẫn không lo lắng, vẫn không hề bị tác động, vẫn không bị chi phối bởi những cảm giác, cảm thọ đau đớn khốc liệt đang hiện hữu trên thân của Ngài.

Đời sống sinh hoạt của đức Phật rất đơn giản, hằng ngày, đức Phật vẫn sống với ba y một bát, ngày ăn một bữa, không cất giữ tiền bạc, đức Phật là một du tăng khát sĩ nên không có nơi nào là chùa, tịnh xá, để Ngài làm trú xứ lâu dài, Ngài thường đi du tăng từ chỗ này đến chỗ kia để đem giáo pháp giác ngộ sự thật của khổ đau đến cho chúng sinh có đầy đủ nhân duyên tiếp nhận chính pháp.

Qua đó chúng ta cũng thấy rõ ràng sinh hoạt thường nhật của Phật rất giản dị bình thường. Cứ mỗi buổi sáng Phật vào làng khát thực xin ăn, khi dùng cơm xong Ngài đi rửa bình bát, rồi Ngài đi kinh hành thu giãn, nghỉ ngơi để cho cái thân xả nhĩ.

Đến đầu giờ buổi chiều, buổi tối, khuya. Ngài thường giảng dạy thuyết pháp về giáo lý trung đạo như giáo lý nhân quả, giáo lý vô thường vô ngã, Tứ Diệu đế, thập nhị nhân duyên, Bát chính đạo, ngũ căn, ngũ lực, tứ chính cần, tứ nhu ý túc, tứ niệm xứ và bảy bồ đề phần. Ngài nói pháp giảng dạy cho các hàng đệ tử xuất gia, cư sĩ tại gia hoặc thuyết pháp cho những ai (ngoại đạo bà la môn) có nhu cầu muốn nghe pháp hoặc chất vấn, cho dù có một người muốn đến thưa hỏi pháp thì Ngài vẫn thuyết pháp. Đức Phật thuyết những pháp mình đã tu tập, đã chứng ngộ từ sơ thiện, trung thiện và hậu thiện trình bày đầy đủ ý nghĩa rõ ràng mạch lạc và nêu rõ phạm hạnh một cách trong sạch thanh tịnh hoàn toàn.

Có một hình ảnh rất giản dị đến nỗi chúng ta cảm nhận rằng đức Thế Tôn là một người rất gần gũi, và thực tế. Mỗi khi bị bệnh tật đau nhức thì Ngài trải y nằm kiết tường với tâm tư luôn luôn chính niệm tĩnh giác “Rồi Thế Tôn cho trải áo Sanghàti (Tăng-già-lê) xếp tư lại, nằm xuống phía hông bên phải như dáng điệu con sư tử, chân đặt trên chân, chính niệm tĩnh giác”.

Đức Phật nằm nghiêng bên phải với dáng điệu con sư tử, với tâm tư luôn luôn chính niệm tĩnh giác. Cho dù bị đau đớn, nhứt nhối cả thân, còn tâm tư không thoái mái, không an lạc gì cả nhưng đức Phật vẫn nằm kiết tường, chú không nằm ngửa, nằm kiểu sắp giống như người phạm phu. Dáng điệu nằm kiết tường là một trong những oai nghi chính hạnh của người xuất gia, dáng nằm kiết tường là một kiểu nằm rất kín đáo, đẹp đẽ, và phù hợp với người xuất gia tu hành giải thoát, dáng nằm này nói lên được một người đã lìa xa, buông bỏ sạch các dục vọng tham muốn của thế gian.

Đức Phật vẫn nằm kiết tường kham nhẫn, vui vẻ, và bằng lòng đón nhận cái đau đớn của thân nhân quả

này. Chính nhờ hiểu được như vậy tâm Ngài không hề phiền não, không hề sân si, không hề sầu muộn với những cảm giác đang đau đớn khốc liệt. Đó là cách thức đức Phật làm chủ bệnh, vượt qua bệnh khổ. Nhờ vậy mà tâm tư Ngài luôn hướng về tâm giải thoát vô lậu. Tâm giải thoát vô lậu đó là tâm bất động, thanh thân và an lạc vô sự. Cho nên Ngài lúc nào cũng thường xuyên răn dạy cho học trò của mình.

*“Vui thay, chúng ta sống,
Không bệnh, giữa ốm đau!
Giữa những người bệnh hoạn,
Ta sống, không ốm đau.”* (Kinh Pháp Cú)

Đó là một tinh thần trong sáng đầy lạc quan của đức Phật. Lúc Ngài ốm đau nhưng Ngài không hề phiền não, không hề sân si nổi giận trước bệnh tật, cảm thọ. Cho nên Ngài không bao giờ sợ bệnh đến. Ngài đã hiểu tính chất vô thường sinh diệt, hợp tan của các pháp, thì có gì đâu mà Ngài lại sầu ưu, phiền não trước bệnh tật? Chính Ngài đã hiểu tính chất sinh diệt “Các pháp tự duyên sinh, các pháp tự duyên diệt”. Mà cái “nhân quả của các pháp là vô thường”, bệnh tật cũng là một trong những pháp vô thường, sinh diệt, hợp tan. Nếu đủ duyên hợp thì bệnh đến và nếu hết duyên hợp thì bệnh cũng đi. Do hiểu được tính chất nhân quả vô thường, hợp tan, sinh diệt như vậy, tâm tư đức Phật không bị cảm thọ của trọng bệnh chi phối, tác động làm cho sầu ưu, khổ sở, phiền hà chi cả. Còn khi đức Phật nhìn thấy chúng sinh phạm phu đang bị bệnh hoạn, thì thân đã bị bệnh khổ sở đau đớn rồi, mà lần tâm của họ cũng bị sầu muộn, phiền hà bởi bệnh tật luôn.

Mỗi lần chúng sinh, phạm phu bị bệnh thì tâm tư rất sợ hãi, lo lắng, đau đớn, sầu muộn thì Ngài thấy cảm thương cho họ. Cho nên, đối với người phạm phu mỗi khi bệnh tật, tai nạn, hay những chuyện rủi ro đến trong cuộc sống thì thân lẫn tâm đều bị bệnh, đều bị đau khổ cả; còn đối với đức Phật và các bậc Thánh thì thân tuy bệnh nhưng tâm không bị bệnh, tâm không sầu khổ. Nhờ có trí tuệ, đức Phật còn gọi là Tri kiến giải thoát nên các Ngài luôn sống trong trạng thái giải thoát, đó là trạng thái Niết Bàn.

Chúng ta hãy lắng nghe một vị Thiên nói lên lời cảm hứng tán thán trước mặt Thế Tôn: “Hãy xem tâm của Ngài khéo được tu tập Thiền định và giải thoát, không có nổi lên, không có chìm xuống, mọi hành động được tác thành, không có ai kích thích”.

Thật vậy, chính đức Phật đã khéo nhờ sự tu tập thiền định mà Ngài đã hiểu rõ sự thật cội nguồn của chân lý: chân lý về Khổ, chân lý về Nguyên Nhân của Khổ, chân lý về Trạng Thái Diệt Khổ và chân lý về Con đường đưa đến sự Diệt Khổ. Khi tâm đức Phật hiểu rõ



được chân lý về trạng thái diệt khổ thì tâm tu Ngài được giải thoát, đạt được tâm giải thoát vô lậu thì mới hiểu rõ một cách chân chính, hiểu biết một cách nhu thật về sự thật của Khổ và về sự thật Nguyên nhân của Khổ.

Chính nhờ tâm Ngài đã hiểu biết nhu thật cái nguyên nhân của các cảm thọ tác động trên thân này bởi do từ đâu sinh ra? Nên tâm các Ngài hướng đến giải thoát Bất Động và tâm các Ngài hướng đến giải thoát Vô Sự mà không hề phải rên la, ta thán, oán trách khi những cảm giác trên thân bệnh hoành hành đau đớn khốc liệt như vậy.

Những người bình thường không hiểu biết được nguyên nhân của các cảm thọ này. Cho nên họ thường oán trách, than phiền trách đất, rồi chỉ định là do mình bị xui xẻo, bị trời đất, thần linh hay một đấng tối cao nào đó trừng phạt. Vì mọi người hiểu theo một định mệnh nên mọi người không hiểu được cái gốc sự thật của Khổ và cái gốc sự thật Nguyên Nhân của Khổ này nên con người khổ đau triền miên mãi mãi. Nếu chúng ta hiểu rõ nhu thật thì sẽ không còn hành động làm khổ mình, làm khổ người và làm khổ mọi loài chúng sinh nào cả.

Chính vì thế đức Phật dạy hàng đệ tử và tất cả chúng sinh phải luôn luôn sống tỉnh thức. Tỉnh thức ở đây là chỉ cho ba hành nghiệp: Thân, Khẩu và Ý của chúng ta lúc nào cũng phải sáng suốt, tỉnh táo, không bị mê muội mất sáng suốt để mỗi khi chúng ta hành động hay làm một việc gì, một điều gì thì hành vi, hành động cũng phải tỉnh thức, sáng suốt hết. Tỉnh thức để luôn luôn sống với ý thức thiện, ý thức lành, sống với ý thức không làm tổn thương đến mình, không làm tổn thương đến người khác và không làm tổn thương đến tất cả muôn loài chúng sinh.

Tình yêu thương này sẽ không còn giới hạn bởi không gian, thời gian hay bởi một loài chúng sinh nào cả...tình yêu thương này rộng lớn hơn biển cả và cao cả hơn hẳn núi non.

Chúng ta thấy mỗi khi bị cảm thọ, bị trọng bệnh thì mọi người cho là do ăn uống thiếu chất, ăn uống không đầy đủ chất dinh dưỡng nên thân bị bệnh. Đức Phật dạy rằng không có cái gì tự nhiên mà nó đến một cách ngẫu nhiên cả, cái gì khi nó hiện hữu thì cũng có cái nguyên nhân của nó. Cho nên mỗi khi chúng ta bị bệnh nặng nhẹ, tùy theo cấp độ chúng ta đã gieo nhân thiện ác khác nhau...

Sự việc xảy ra với đức Phật bị miếng đá bể đâm phải vào chân cũng là một việc xảy ra bình thường do nhân quả nghiệp lực trong quá khứ còn sót lại, khi đầy đủ các duyên thì nghiệp lực nhân quả này đến thời, nhân quả đến nên đức Phật bị miếng đá bể đâm phải vào chân làm cho chân Thế Tôn phải bị thương tích như vậy. Đối với đời sống sinh hoạt hằng ngày, chúng ta đừng làm nghĩ rằng khi các Ngài đã chứng đắc quả

vị Phật, Thánh Alahan thì các Ngài sẽ không còn ác pháp tấn công, không còn bị nhân quả tác động nữa.

Sự việc là nhân quả vẫn đến với Ngài nhưng tâm Ngài hoàn toàn không hề bị tác động bị chi phối, bị nô lệ bởi nó. Cho nên đức Phật vẫn sống trong cuộc đời, trong nhân quả nhưng không bị nhân quả, không bị cuộc đời này tác động được. Chính vì vậy mà đức Phật và các vị Thánh Alahan làm chủ nhân quả và bất động bởi nhân quả. Cũng giống như hoa sen tuy sống ở trong bùn lầy nhưng không bị bùn lầy làm cho ô nhiễm hoa sen, mà hoa sen vẫn nở thơm tho hoàn toàn tinh khiết, trong sạch.

Trong cuộc sống, nếu chúng ta gieo nhân vô tình thì chúng ta sẽ gặt quả vô tình, nếu chúng ta gieo nhân cố ý thì sẽ gặt quả cố ý. Như vậy nhân vô tình là như thế nào? Nhân vô tình là nhân không có ác tâm, không có một sự bất thiện xen vào, như cố ý đánh đập, giết hại làm cho chúng sinh bị đau khổ.

Ví dụ như hằng ngày đức Phật đi kinh hành, đi khát thực thì có lắm lúc đức Phật đã vô tình không nhìn thấy những chúng sinh nhỏ bé như kiến, sâu, bọ, trùng... nên đức Phật đã vô tình (chúng sinh quá nhỏ không nhìn thấy) giẫm đạp lên những chúng sinh này làm cho chúng phải bị thương đau đớn trên thân hoặc Phật đã vô tình giẫm đạp lên những chúng sinh này làm cho chúng phải bị chết. Nhân đó là nhân vô tình thì đức Phật mới bị miếng đá vô tình đâm phải vào chân làm cho bị thương đau nhức. Cho nên Nhân quả rất công bằng là như vậy, dù mình có trốn lên trời, trốn xuống dưới biển, chui vào hang sâu, lánh lên núi thẳm thì nhân quả vẫn đến không thể nào trốn thoát được.

*“Không trên trời, giữa biển,
Không lánh vào động núi,
Không chỗ nào trên đời,
Trốn được quả ác nghiệp.” (Pháp Cú 127)*

Khi hình thành thân này, thì con người phàm phu hay thánh nhân đều phải chịu cái quy luật chung, đó là quy luật vô thường sinh, già, bệnh, chết là một quy luật tất nhiên thường tình. Cho dù đó là đức Phật cũng phải chịu cái quy luật vô thường này. Thường thường khi con người bị già, bị bệnh, bị đau ốm thì tâm tu đều lo lắng và sợ hãi. Cái gì đã làm nên nỗi sợ hãi và lo lắng đó mỗi khi chúng ta bị bệnh? Đó là cái tâm chấp thủ về bản thân, về tự ngã này, cái làm chấp trên cái thân vô thường, bất tịnh này, nó luôn luôn bảo thủ và giữ gìn cái thân tứ đại này mỗi ngày, nó sợ cái thân này nó chết, nó cứ mong muốn cái thân này trường tồn sống mãi mãi, nó cứ mong muốn cái thân này đừng có bị sinh, bị già, bị bệnh, bị chết. Nhưng cái mong muốn ấy là cái mong muốn của sự vô minh, tà kiến, tà tư duy.

Đức Phật thường dạy thân này không phải là ta, là

của ta, là bản ngã của ta, thì chúng ta đừng nên chấp thủ, giữ gìn, chăm sóc, bảo vệ nó một cách thái quá nữa. Chúng ta hãy sống giống như tinh thần mà đức Phật đã chỉ dạy để hiểu biết sự thật của nó, khi chúng ta đã hiểu biết, nhận chân rõ ràng sự thật của các pháp thì chúng ta sẽ không còn thấy sợ hãi hay lo lắng mỗi khi bệnh tật, cảm thọ tác động đến hoặc có một tai nạn rủi ro xảy ra trong cuộc sống. Chúng ta hãy ứng dụng phương pháp và cách thức vượt qua bệnh khổ trên thân mà đức Phật đã chỉ dạy để cho thân này lẫn tâm này luôn luôn được thanh thản và an lạc.

Kinh Miếng Đá Vụn

(Trích lược bài kinh bản Việt dịch của HT.Thích Minh Châu)

Như vậy tôi nghe. Một thời Thế Tôn ở tại Rājagaha (Vương Xá), tại vườn Nai (Maddakucchi)

Lúc bấy giờ, chân Thế Tôn bị miếng đá bể đâm phải. Cảm thọ Thế Tôn mãnh liệt. Thân cảm thọ khổ đau, nhói đau, nhức nhối, khốc liệt, không khoái tâm, không thích thú. Nhưng Thế Tôn chính niệm tỉnh giác, nhẫn chịu, không phiền não.

Rồi Thế Tôn cho trải áo Sanghāti (Tăng-già-lê) xếp tư lại, nằm xuống phía hông bên phải như dáng điệu con sư tử, chân đặt trên chân, chính niệm tỉnh giác.

Rồi bảy trăm quân tiền Satullapakāyikā, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Maddakucchi, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên.

Đứng một bên, một vị Thiên đọc lên lời cảm hứng này trước mặt Thế Tôn:

- Sa-môn Gotama thật là bậc Long tượng. Và với tư cách Long tượng, Ngài nhẫn chịu thân thọ khổ lên, đau khổ, nhói đau, nhức nhối, khốc liệt, không khoái tâm, không thích thú, Ngài chính niệm tỉnh giác, nhẫn chịu, không có phiền não.

Rồi một vị Thiên khác nói lên lời cảm hứng này trước mặt Thế Tôn:

- Sa-môn Gotama thật là bậc Sư tử. Và với tư cách Sư tử, Ngài nhẫn chịu thân thọ khổ lên, khổ đau ... không có phiền não.

Rồi một vị Thiên khác nói lên lời cảm hứng này trước mặt Thế Tôn:

- Sa-môn Gotama thật là bậc Lương tuần mã. Và với tư cách Lương tuần mã, Ngài nhẫn chịu thân thọ khổ lên, khổ đau ... không có phiền não.

Rồi một vị Thiên khác nói lên lời cảm hứng này trước mặt Thế Tôn:

- Sa-môn Gotama thật là bậc Ngưu vương. Và với tư cách Ngưu vương, Ngài nhẫn chịu thân thọ khổ lên, khổ đau ... không có phiền não.

Rồi một vị Thiên khác nói lên lời cảm hứng này trước mặt Thế Tôn:

- Sa-môn Gotama thật là bậc Nhẫn nại Kiên cường.

Và với tư cách bậc Nhẫn nại Kiên cường, Ngài nhẫn chịu thân thọ khổ lên, khổ đau ... không có phiền não.

Rồi một vị Thiên khác nói lên lời cảm hứng này trước mặt Thế Tôn:

- Sa-môn Gotama thật là một bậc Khéo điều phục. Và với tư cách là một bậc Khéo điều phục, Ngài nhẫn chịu thân thọ khổ lên, khổ đau ... không có phiền não.

Rồi một vị Thiên khác nói lên lời cảm hứng này trước mặt Thế Tôn:

- Hãy xem tâm của Ngài khéo được tu tập Thiền định và giải thoát, không có nổi lên, không có chìm xuống, mọi hành động được tác thành, không có ai kích thích. Ai có thể nghĩ mình đi ngược lại một Long tượng như vậy, một bậc Sư tử như vậy, một bậc Lương tuần mã như vậy, một bậc Ngưu vương như vậy, một bậc Nhẫn nại Kiên cường như vậy, một bậc Nhiếp phục như vậy, trừ phi là một người mù.

*Các vị Bà-la-môn,
Tỉnh thông năm Vê-đà,
Dầu tu tập khổ hạnh,
Cho đến hàng trăm năm,
Tâm họ không có thể,
Chon chính được giải thoát.
Tự tánh quá hạ liệt,
Không đến bờ bên kia,
Bị khát ái chi phối,
Bị giới cấm trói buộc,
Dầu tu tập khổ hạnh,
Cho đến hàng trăm năm,
Tâm họ không có thể,
Chon chính được giải thoát.
Tự tánh quá hạ liệt,
Không đến bờ bên kia.
Ở đời không nhiếp phục,
Kiêu mạn cùng các dục,
Tâm không được an tịnh,
Không tu tập Thiền định.
Ở trong rừng cô độc,
Nhưng tâm tu phóng dật,
Vị ấy khó vượt khỏi,
Sự chinh phục tử thần.
Nhiếp phục được kiêu mạn,
Khéo tu tập Thiền định,
Tâm tu khéo an tịnh,
Giải thoát được viên mãn,
Ở trong rừng cô độc,
Tâm tu không phóng dật,
Vị ấy khéo vượt khỏi,
Sự chinh phục tử thần.
(Tuương Ưng Bộ Kinh 3)*

Bàn về Tôn giáo trong thời hiện đại

Tôn giáo đã nảy sinh từ rất sớm cùng với lịch sử phát triển loài người, có mặt ở hầu hết các quốc gia trên thế giới và ảnh hưởng sâu sắc đến mọi lĩnh vực đời sống xã hội. Các nhà nghiên cứu khoa học xã hội như: triết học, xã hội học, tâm lý học, nhân học... đã lý giải nguồn gốc tôn giáo theo 3 quan điểm sau:

Thích Không Tú



Quan điểm thứ nhất cho rằng tôn giáo là một hiện tượng siêu nhiên, thần thánh, là sản phẩm mà Thượng đế đã đưa vào xã hội loài người nhằm cứu giúp con người khỏi sự khổ đau, bất công. Do đó, tôn giáo là siêu nhiên, bất biến và con người không thể thay đổi được kể cả khi xã hội loài người không còn.

Quan điểm thứ hai cho rằng tôn giáo là một thuộc tính vốn có trong bản thân mỗi con người. Nó cũng giống như các nhu cầu ăn, ngủ, giao tiếp của con người. Cho nên có những người đã thể hiện nhu cầu tôn giáo của họ ra bên ngoài, nhưng cũng có những người chưa được bộc lộ nhu cầu tôn giáo ra bên ngoài chứ không phải là không có. Theo cách giải thích như vậy thì tôn giáo sẽ đồng hành cùng với lịch sử xã hội loài người trong quá trình tồn tại và phát triển.

Quan điểm thứ ba từ góc độ tâm lý học cho rằng nguồn gốc tôn giáo không chỉ là một hiện tượng xã hội mà còn là một hiện tượng tâm lý của con người. Chính nhu cầu về sự an toàn, về sự nhận thức, về những mong muốn trong cuộc sống của con người là cơ sở tồn tại của tôn giáo. Theo quan điểm này thì tôn giáo cũng sẽ luôn tồn tại, phát triển cùng xã hội loài người, vì hệ thống nhu cầu ở con người là vô tận và luôn luôn thay đổi, khi một nhu cầu được thỏa mãn thì lại xuất hiện những nhu cầu khác.

Quan điểm thứ tư xuất phát từ triết học Mác với phương pháp luận duy vật biện chứng cho rằng tôn giáo là một hiện tượng lịch sử xã hội, được sinh ra trong xã hội loài người với những nguyên nhân và điều kiện nhất định. C. Mác viết: "Con người sáng tạo ra tôn giáo, chứ tôn giáo không sáng tạo ra con người"¹. Con người sáng tạo ra tôn giáo, nhưng không phải tôn giáo xuất hiện cùng với con người mà phải trải qua quá trình lịch sử lâu dài, khi khả năng tư duy hóa, trừu tượng hóa của con người đạt đến một mức độ nhất định, khi trình độ sản xuất đạt đến một mức độ nào đó thì tôn giáo mới xuất hiện. Theo quan điểm này thì tôn giáo dù đã, đang và sẽ tồn tại lâu dài trong xã hội nhưng không phải là phạm trù vĩnh hằng mà chỉ là một phạm trù lịch sử.

Các nhà nghiên cứu theo quan điểm Mác-xít cho rằng tôn giáo cũng tuân theo quy luật tự nhiên, nghĩa là có sinh thì có tử.

Tôn giáo được sinh ra, tồn tại và phát triển đến một giai đoạn nào đó rồi mất đi. Tôn giáo sẽ mất đi khi mà xã hội loài người phát triển đến thời kỳ cộng sản chủ nghĩa như trong tác phẩm Chống Dühring, Ph. Ăngghen (1983) nhận xét: "Khi nào con người không chỉ mua sự, mà lại còn làm cho thành sự nữa - thì chỉ khi đó, cái sức mạnh xa lạ cuối cùng hiện nay vẫn còn đang phản ánh vào tôn giáo mới sẽ mất đi, và cùng với nó bản thân sự phản ánh có tính chất tôn giáo cũng sẽ mất đi, vì khi đó sẽ không có gì để phản ánh nữa"². Và trong "Dự thảo những quan điểm của chủ nghĩa cộng sản" được thông qua tại Đại hội đầu tiên của Liên đoàn những người cộng sản ngày 9-6-1847 khi đề cập đến sự tồn tại của các tôn giáo có viết: "Chủ nghĩa cộng sản chính là bước phát triển lịch sử làm cho tất cả các tôn giáo hiện nay đang tồn tại trở nên không cần thiết và xóa bỏ chúng"³. Đến khi nào con người mới có thể "làm cho thành sự" và khi nào mới chính thức bước vào thời kỳ chủ nghĩa cộng sản? Không ai biết rõ được, nhưng chắc chắn điều đó không thể tính bằng thập kỷ, thậm chí thế kỷ được.

Trước đây cũng như hiện tại vẫn có người chưa hiểu hết ý của Ph. Ăngghen về tính lịch sử của tôn giáo mà chỉ hiểu đơn giản, phiến diện về tính chất này. Gần đây, trong xu thế mới giới khoa học đã có những đánh giá mới về vấn đề tồn tại của tôn giáo. Nguyễn Đức Lữ (2013) cho rằng:

“Sự ra đời, tồn tại và mất đi của tôn giáo là do trình độ phát triển kinh tế, khoa học, văn hóa, xã hội,... quy định, chứ không phải từ ý muốn chủ quan của con người (...) xã hội chủ nghĩa sẽ là quá trình lịch sử tương đối lâu dài và tôn giáo với tư cách là một hình thái ý thức xã hội phản ánh tồn tại xã hội cũng sẽ tồn tại lâu dài trong chủ nghĩa xã hội” 4. Nhận định trên cho thấy dù cho xã hội loài người phát triển đến một giai đoạn nhất định, khi mà xã hội đã có sự công bằng, dân chủ, văn minh, mọi người đều được ấm no, hạnh phúc, có thể tự do thực hiện mơ ước và phát huy năng lực của mình thì khi đó tôn giáo vẫn sẽ tồn tại và có vai trò nhất định đối với nhân loại.

Cũng có một số người cho rằng chính sự sợ hãi trở thành cơ sở cho sự hình thành tâm lý tôn giáo, nên nỗi sợ hãi được giải quyết thì tôn giáo sẽ biến mất. Đúng là sợ hãi nảy sinh nhu cầu an toàn cần được che chở, giúp đỡ cho nên con người thực hiện các hành vi tôn giáo. Tuy nhiên, trong tình hình thực tế hiện nay, các nhà nghiên cứu cũng chỉ ra rằng không chỉ sự sợ hãi, thất vọng và phụ thuộc mới hình thành và nuôi dưỡng niềm tin tôn giáo mà ngay cả những tình cảm tích cực như sự thỏa mãn, lòng biết ơn, ... mong ước hướng đến chân, thiện, mỹ cũng khuyến khích người ta tìm đến tôn giáo.

Một số ý kiến khác dựa vào quan điểm nhận thức thì cho rằng khi khoa học phát triển, trình độ nhận thức nâng cao thì tôn giáo cũng sẽ biến mất. Trước đây, có một thời giới trí thức châu Âu nghĩ rằng khoa học phát triển sẽ khiến tôn giáo phải lui tụt bởi khoa học chỉ cho con người thấy những cái phi lý mà trước đây con người không hiểu biết mà tin vào. I. Kant nói: “Niềm tin tôn giáo được phát sinh từ sự bất lực của khoa học trong việc nhận thức thế giới. Tôn giáo sẽ còn tồn tại chừng nào nhân loại chưa giải quyết hết sự tương phản tất yếu mà lý tính đặt ra” 5. Lời phát biểu cho thấy khi nào con người còn “chưa biết” thì tôn giáo còn có khả năng thay thế cho khoa học để giải thích những điều “chưa biết” ấy. Tuy nhiên, chúng ta thấy ở một thời kỳ lịch sử nhất định thì sự nhận thức của con người chỉ có thể đạt được một mức độ nào đó, hay nói cách khác khoa học càng phát triển càng gây ra những khoảng trống mới về tri thức. Cho nên, đến nay cùng với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học, tôn giáo vẫn tồn tại và có xu hướng ngày càng phát triển.

Theo tâm lý học khi xã hội càng hiện đại, phát triển thì việc thỏa mãn các nhu cầu tinh thần càng được chú trọng, trong đó có nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo. Trong xã hội, không chỉ những tầng lớp cu dân có trình độ học vấn thấp mà ngay cả những tầng lớp có trình độ học vấn cao như trí thức cũng hướng đến niềm tin tôn giáo; không chỉ những quốc gia kém phát triển mà ở cả những cường quốc phát triển như Nhật Bản, các nước châu Âu, Bắc Mỹ; không chỉ ở những nước tư bản mà cả những nước đang xây dựng chủ nghĩa xã hội như Trung Quốc, Việt Nam thì tín ngưỡng, tôn giáo vẫn đang tồn tại và có xu hướng phát triển. Qua đây cho thấy con người đến với tôn giáo không hẳn là vấn

đề trốn chạy thực tại mà có lẽ quan trọng hơn là người ta tìm thấy sự yên tĩnh trong tâm hồn, sự thăng bằng về tình cảm, sự khám phá thế giới nội tâm, thoát khỏi xiềng xích của dục vọng ích kỉ, hay sự đồng cảm, sẻ chia tâm tư nguyện vọng với cộng đồng.

Ngày nay, các nhà nghiên cứu đã nhìn thấy tôn giáo có những chức năng xã hội to lớn trong sự phát triển thông qua những ảnh hưởng của nó trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Chính vì thế, tôn giáo được nhìn nhận toàn diện hơn. Tác phẩm Tôn giáo và phát triển các nhà nghiên cứu tôn giáo Việt Nam đã rút ra được 10 điểm tích cực của tôn giáo. Trong đó nói rằng, đức tin tôn giáo giúp cho con người cống hiến hết sức mình cho đạo cũng như cho đời.

Tóm lại, tôn giáo là vấn đề luôn theo cùng thời đại, là nhu cầu tinh thần có thật của một bộ phận nhân dân như Đặng Nghiêm Vạn (2012) phát biểu về Tương lai tôn giáo: “Tôn giáo vẫn còn là một nhu cầu của đại bộ phận nhân loại và tồn tại lâu dài” 6. Điều quan trọng chúng ta phải nhận thức rõ ràng, khách quan về chức năng, vai trò, ảnh hưởng của tôn giáo trong đời sống xã hội hiện nay để từ đó phát huy được những yếu tố tích cực và hạn chế những yếu tố tiêu cực của nó, không vô tình đẩy một bộ phận người có niềm tin tôn giáo ra ngoài đời sống xã hội. Bác Hồ vĩ đại của chúng ta cũng từng nhận xét: “Học thuyết Khổng Tử có ưu điểm của nó là sự tu dưỡng đạo đức cá nhân. Tôn giáo Giê-su có ưu điểm của nó là lòng nhân ái cao cả. Chủ nghĩa Mác có ưu điểm của nó là phương pháp làm việc biện chứng. Chủ nghĩa Tôn Dật Tiên có ưu điểm là chính sách của nó thích hợp với điều kiện nước ta. Khổng Tử, Giê-su, C. Mác, Tôn Dật Tiên chẳng có ưu điểm chung đó sao? Họ đều muốn mưu cầu hạnh phúc cho loài người, mưu cầu phúc lợi cho xã hội? Nếu hôm nay họ còn sống trên đời này, nếu họ họp lại một chỗ, tôi tin rằng họ nhất định sống chung với nhau rất hoàn mỹ như những người bạn thân thiết. Tôi cố gắng làm người học trò nhỏ của các vị ấy” 7.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1 C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), Toàn tập, tập 1, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.569.
- 2 C. Mác và Ph. Ăngghen (1983), Tuyển tập (Gồm sáu tập), tập 5, Nxb Sự thật, Hà Nội, tr.449.
- 3 C. Mác và Ph. Ăngghen (1980), Tuyển tập (Gồm sáu tập), tập 1, Nxb Sự thật, Hà Nội, tr.818.
- 4 Nguyễn Đức Lữ (2013), Tôn giáo với Dân tộc và Chủ nghĩa xã hội, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.118.
- 5 Lê Công Sự (2003), “I. Kant với các vấn đề của triết học tôn giáo”, Nghiên cứu Tôn giáo, số 5(23), tr.8.
- 6 Đặng Nghiêm Vạn (2012), Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.200.
- 7 Viện Nghiên cứu tôn giáo (1996), Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo và tín ngưỡng, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.152.

Để góp thêm nhận định về vai trò của tôn giáo với xã hội, nhất là việc phát huy những giá trị của các tôn giáo góp phần vào công cuộc xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; chúng tôi sẽ phác họa đôi nét về giá trị nhân văn tôn giáo trên cơ sở tìm hiểu về thuật ngữ giá trị và giá trị nhân văn.

Yên Sơn Lê Trung Kiên



Đôi nét về giá trị nhân văn tôn giáo

1. Giá trị

Vận dụng quan điểm Mác xít, các nhà nghiên cứu Viện Lịch sử kinh điển ở Laixích (Đức) đã nêu định nghĩa về giá trị như sau: “Giá trị giống như là điểm tích tụ về tư tưởng của một giai cấp hoặc của một chế độ xã hội nhất định. Điều đó có nghĩa là, giá trị thể hiện một cách lịch sử cụ thể các mục tiêu, quy tắc, lý tưởng về lợi ích xã hội, các yêu cầu của một chế độ xã hội và của mỗi giai cấp nhất định. Do đó, trong nhiều trường hợp, giá trị là định hướng phát triển cơ bản của đời sống tinh thần nhân loại trong mỗi giai đoạn lịch sử nhất định” [3].

Theo định nghĩa trên thì giá trị và hệ tư tưởng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Hệ tư tưởng là yếu tố cốt lõi của văn hóa, nó đồng thời cũng là yếu tố chủ đạo trong bảng thang giá trị của xã hội.

Nhìn chung, nhiều người thừa nhận rằng: giá trị hay giá trị tinh thần là cái dùng để chỉ các phẩm chất cao quý, là cái có ý nghĩa, được đa số người trong xã hội ao ước và cũng chia sẻ. Giá trị được cộng đồng xã hội chấp nhận và tự nguyện thực thi dựa trên sự lựa chọn và đánh giá của đa số thành viên trong cộng đồng ấy về những cái mà họ khao khát, nhu cái đúng, cái tốt, cái đẹp, cái có ích, cái trác việt..., và ngược lại là những cái họ không chờ đợi, không mong muốn, nhu cái sai, cái không tốt, cái xấu, cái có hại, cái tầm thường..., được xem là những phản giá trị. Vì thế, giá trị, về nguyên tắc là cái mang tính xã hội.

Giá trị là hạt nhân tinh thần liên kết cộng đồng, nó biểu hiện giống như chuẩn mực định hướng cho các thành viên trong cộng đồng thống nhất hành động. Như vậy, giá trị có khả năng điều tiết hành động của mọi người, hướng vào mục tiêu chung của toàn xã hội.

Để tồn tại và phát triển, mỗi cộng đồng xã hội phải thực hiện đồng thời nhiều hoạt động xã hội như: hoạt

động giáo dục, hoạt động kinh tế, hoạt động chính trị... Tương ứng với mỗi lĩnh vực hoạt động xã hội có một dạng giá trị. Vì vậy, ở xã hội nào cũng hình thành một tổ hợp giá trị, các nhà Xã hội học gọi đó là bảng, hoặc hệ giá trị của xã hội.

Các thành tố của hệ giá trị cố nhiên là không ngang bằng nhau về giá trị, tức là giữa chúng có cái chính, cái phụ và cái phái sinh. Tùy theo các điều kiện xã hội - lịch sử mà mỗi cộng đồng người có thể chọn một giá trị nào đó làm định hướng. Giá trị định hướng chính là giá trị trụ cột, đóng vai trò tổ chức, chi phối đối với các giá trị khác trong hệ thống, thu hút chúng hướng vào các mục tiêu, dự án chung mà cộng đồng người đang theo đuổi [3].

Nhu vậy, giá trị là một khái niệm mang tính lịch sử. Nó tương đối ổn định nhưng không phải là vĩnh cửu. Giá trị mang tính xã hội, gắn bó chặt chẽ với chủ thể sinh ra nó. Với mỗi cộng đồng xã hội khác nhau sẽ có những giá trị, hệ giá trị khác nhau. Mỗi lĩnh vực hoạt động xã hội sẽ tạo ra các giá trị, hệ giá trị thuộc các thể chế khác nhau, trong đó có giá trị được sinh ra trong lĩnh vực hoạt động tôn giáo.

2. Giá trị nhân văn

Theo các học giả Trung Quốc, từ “nhân văn” 人文, được đề cập sớm nhất trong Kinh Dịch, trong đó chữ “nhân văn” được đứng kế chữ “thiên văn” 天文, (những nguyên lý trong trời đất) hay thiên nhiên; thánh nhân khảo sát “những nguyên lý của trời đất” và do đó thấy được sự biến dịch trong thời gian; khảo sát “nhân văn” hay “những nguyên lý nơi con người” và từ đó học cách chế ngự thế gian bằng văn hóa [4].

Trong cuốn Hán Việt tự điển của tác giả Thiều Chửu, giải thích Nhân 人 là con người, là loài có trí khôn và thông minh nhất trong các loài động vật; Văn 文 là văn vẻ; văn từ; cái dấu vết do đạo đức, lễ nhạc giáo

hóa mà có vẻ đẹp dễ rõ rệt gọi là “văn”, như văn minh, văn hóa; người nào có vẻ hòa nhã, lễ độ gọi là văn, như phong văn, tu văn... [5]. Khi ghép 2 từ này lại với nhau ta có thuật ngữ “nhân văn”. Theo đó, nhân văn, hay tính nhân văn là phẩm chất tốt đẹp, đạo đức, sáng tạo của con người. Tính nhân văn được thể hiện trong những lĩnh vực như lịch sử, văn hóa, triết học, tâm lý học, mỹ học. . . Chủ thuyết nhân văn: bao gồm tất cả những cố gắng, tu tưởng và trào lưu lấy con người làm trung tâm để thực hiện các mục tiêu vì sự tự do giải phóng con người, đề cao vẻ đẹp của con người, xuất phát từ sự tôn trọng giá trị con người, tin vào sức sáng tạo vô biên của con người, yêu con người và cuộc sống trần gian. Chủ trương phát triển mọi khả năng con người và xã hội.

Giá trị nhân văn là giá trị thể hiện những ý nghĩa vì con người, tôn trọng con người, giải phóng con người, phát triển và hoàn thiện con người. Hay nói cách khác, giá trị nhân văn thể hiện tu tưởng, chủ thuyết đặt con người vào vị trí trung tâm của tiến trình xã hội và hoạt động xã hội. Lấy con người làm chủ thể, làm động lực, làm mục tiêu của sự phát triển và tiến bộ xã hội.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhiều lần nhấn mạnh tinh thần giải phóng con người như là mục đích tối thượng của chủ nghĩa Mác-Lênin. Người khẳng định: “Bản chất của chủ nghĩa xã hội ưu việt ở chỗ “không có chế độ nào tôn trọng con người, chú ý xem xét những lợi ích cá nhân đúng đắn và bảo đảm cho nó được thỏa mãn bằng chế độ xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa” và “Chỉ ở trong chế độ xã hội chủ nghĩa thì mỗi người mới có điều kiện để cải thiện đời sống riêng của mình, phát huy tính cách riêng và sở trường riêng của mình” [6, tr. 610].

Tóm lại, giá trị nhân văn là giá trị vì con người, lấy con người làm trung tâm để hướng tới giải phóng, phát triển và hoàn thiện con người. Các lĩnh vực hoạt động xã hội đều hướng tới các giá trị vì con người. Khi đó giá trị nhân văn được đề cập gắn với một lĩnh vực hoạt động xã hội cụ thể. Trong đó có giá trị nhân văn tôn giáo.

3. Giá trị nhân văn tôn giáo

Giá trị nhân văn tôn giáo là giá trị nhân văn được thể hiện dưới nhân sinh quan và thế giới quan của các tôn giáo.

Nếu quy chiếu nội hàm của khái niệm giá trị nhân văn vừa nêu trên vào tôn chỉ, mục đích, kinh điển, giáo lý của các tôn giáo thì chúng ta sẽ thấy rất rõ rằng các tôn giáo được sinh ra, hành đạo và phát triển với mục đích không gì khác hơn là đáp ứng những tiêu chuẩn của giá trị nhân văn như: Vì con người, yêu thương, bao dung con người, khẳng định những giá trị tốt đẹp do con người xây dựng và hướng tới; giải thoát con người khỏi khổ đau, kìm kẹp, áp bức về vật chất, tinh thần; xây dựng một xã hội an lạc, toàn thiện và hạnh phúc.

Chúng ta có thể dễ dàng đưa ra những ví dụ từ kinh điển của một số tôn giáo lớn để minh chứng cho điều này.

Trong Đạo Lão, Lão Tử chú trọng cách xử thế vô tu, bao dung với mọi người: Thánh nhân vô thường tâm, dĩ bách tính tâm vi tâm. Thiện giả ngô thiện chi, bất thiện giả ngô diệc thiện chi, đức thiện. Tín giả ngô tín chi, bất tín giả ngô diệc tín chi, đức tín (Nghĩa là: Thánh nhân không có thành kiến, lấy lòng thiên hạ làm lòng mình. Thánh nhân tốt với người tốt, tốt cả với người không tốt, nhờ vậy mà mọi người đều hóa ra tốt; tin người đáng tin mà tin cả những người không đáng tin, nhờ vậy mà mọi người đều hóa ra đáng tin) [9].

Trong kinh Pháp Cú, đức Phật có dạy: “Chấm dứt các việc ác. Thực hiện những hạnh lành. Giữ tâm ý trong sạch. Đó là lời Phật dạy”. Hay khi nhắc đến sự dẫn sinh của đức Phật Thích Ca, đạo Phật thường nhắc đến tuyên ngôn bất hủ của đức Thế Tôn Thích Ca: “Thiên thượng địa hạ duy ngã độc tôn”. Nếu hiểu đó là câu nói tự tôn của Ngài thì thật là sai lầm. Cái “ngã” ở đây chính là “con người lớn” mà đức Lão Tử đã đề cập. Đó là con người đang mang cái Đạo nội tại, là bất cứ ai làm người đều là một chủ thể đáng được đề cao, suy tôn; là đối tượng cần phải chú trọng phát huy bản thể tức là khả năng tự tiến hóa và tác động vào cuộc tiến hóa của mọi người. Nói cách khác, “duy ngã độc tôn” là đầu mối duy nhất để tạo ra chân lý tự do tự chủ của con người trong trời đất. Chỉ với một câu nói đó cũng đủ xác định giá trị nhân văn của Phật giáo [10].

Đạo Khổng (hay còn gọi là Nho giáo), tính nhân văn được biểu hiện rõ nét hơn cả, đạo Khổng khiến chúng ta có cảm nhận rất gần gũi với con người trong đời sống thực tiễn. Rốt ráo nhất là lý luận về đức Nhân 仁 trong sách Luận Ngữ với các quan điểm: “Nhân giả an nhân, trí giả lợi nhân” (Người có đức nhân vui lòng làm điều nhân, người thông minh sáng suốt biết rằng đức nhân có lợi cho mình và cho người nên làm điều nhân); hoặc: “Chí sĩ nhân nhân, vô cầu sinh dĩ hại nhân, hữu sát thân dĩ thành nhân.” (Kẻ sĩ có chí và người có đức nhân không cầu sống mà làm hại điều nhân, mà có khi hi sinh tính mạng để làm điều nhân); hoặc “nhân giả ái nhân” (Kẻ có lòng nhân thì yêu thương con người); hay: “kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân” (Điều gì mình không mong muốn thì đừng áp đặt cho người khác) [11].

Nghiên cứu học thuyết nhân văn Nho giáo cổ điển, giáo sư Đỗ Duy Minh đại học Haward viết: “. . . Khổng Tử tìm thấy Đạo trong các tiềm năng nội tại của con người được định nghĩa từ góc độ vũ trụ nhân sinh luận... Sự tập trung vào tính chất quan trọng hàng đầu và tính đa diện phong phú của khái niệm NHÂN 仁 trong Luận Ngữ là một biến cố vĩ đại trong vũ trụ biểu tượng của tư duy Trung Quốc thời cổ (. . .). Niềm tin của Khổng Tử vào khả năng hoàn thiện trong bản tính nhân loại thông qua sự tự nỗ lực, như một câu trả lời cho những khuynh hướng phi nhân trong thời đại lịch sử đang bủa vây ông. Niềm tin đó hướng dẫn toàn bộ năng lực của ông vào

việc chuyển hóa thế giới nhân loại từ bên trong. Thái độ tập trung này đặt căn bản trên niềm xác tín rằng giá trị tối hậu của tồn tại nhân sinh nằm kề sát bên cạnh con người và ước muốn đạt đến nhân tính sẽ dẫn đến sức mạnh cần thiết cho việc hiện thực hóa” [12].

Đạo Thiên chúa mặc dù khác hơn Nho, Thích, Lão (mà giáo thuyết được đánh giá là những học thuyết triết học hơn là tôn giáo độc thần hay đa thần), đạo Thiên Chúa vẫn có tính nhân văn rất sâu sắc: đề cao con người vì con người và Chúa là một, con người là phản ảnh của Thiên Chúa. Thánh Paul đã viết: “Anh em chẳng biết thân xác anh em là đền thờ Chúa Thánh Linh, đáng ngự trong anh em sao?” Thánh Augustine viết trong tập Tự Thú: “Con đã tìm Chúa ở ngoài con, nên đã không gặp Chúa của lòng con”. Thánh Máthêu chép lại lời Chúa: “Thương xót. Không chỉ là làm phúc bố thí mà còn chỉ về sự hiểu biết những thiết sót của người, để ý giúp đỡ họ vượt qua những khó khăn và yêu họ bất kể những thiết sót của họ. Thương xót cũng có nghĩa là cùng vui khổ với người khác” [13].

Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã từng khẳng định, trong bản chất, lý tưởng của những tôn giáo chân chính chứa đựng những giá trị nhân đạo, nhân văn cao cả. Người thừa nhận: “Chúa Giêsu dạy: Đạo đức là bác ái. Phật Thích Ca dạy: đạo đức là từ bi. Khổng Tử dạy: đạo đức là nhân nghĩa” [14, tr. 225].

Nếu ngày nay, qua góc độ khoa học nhân văn, một nhà nghiên cứu của đại học Haward phát biểu rằng “Khoa học nhân văn là những bộ môn nghiên cứu hàn lâm có liên quan trực tiếp và thiết thân đến việc tự phản tỉnh về bản thân (self reflexivity)”, nghĩa là giúp cho, khiến cho người ta phải xem xét lại mọi quan điểm của vũ trụ - nhân sinh quan, trong đó đặt chủ thể “Con người” làm trung tâm. Thì tôn giáo học cũng có thể chứng minh các bậc giáo tổ, thánh nhân từ ngàn xưa đã dạy nhân sinh lấy phương châm “phản tỉnh nội cầu” làm chìa khóa mở đường giải thoát hay quy nguyên phản bản [12].

Như vậy, dù tồn tại dưới hình thái nào thì văn hóa tôn giáo cũng có phương tiện thể hiện như là sự “nhân hóa” tự nhiên và nhân đạo hóa xã hội. Nó thể hiện vẻ đẹp nhân tính cũng như khát khao vươn tới cái toàn thiện, hoàn mỹ của con người. Hay nói cách khác, văn hóa tôn giáo luôn thể hiện bản chất nhân đạo, nhân văn của văn hóa.

Những giá trị văn hóa tôn giáo dù rất phong phú, đa dạng, nhưng chúng đều có cùng tính chất, đó là đều thể hiện nội dung của ý thức tôn giáo. Nội dung giá trị văn hóa tôn giáo, mà cụ thể ở đây là giá trị nhân văn tôn giáo, được quy định bởi ý thức tôn giáo và đóng vai trò như phương tiện chuyển tải đức tin tôn giáo [15].

Có một điều quan trọng chúng ta cần phân biệt là: Giá trị nhân văn của các tôn giáo khác hơn chủ nghĩa nhân văn theo nghĩa triết học. Vì chủ nghĩa nhân văn đề cao con người đến mức phủ nhận Thượng Đế hay Tuyệt đối thể của vũ trụ. Còn các tôn giáo chủ trương

phát huy giá trị nhân văn từ cá thể đến toàn thể đến mức hiệp nhất với Phật tính, Thượng Đế hay Bản thể vũ trụ để thúc đẩy con đường tiến hóa của chúng sinh đến tuyệt đích [12].

Như vậy, chúng ta có thể thấy, dù biểu hiện cụ thể ở những hình thức nào thì tôn giáo vẫn mang trong nó những giá trị nhân văn cao cả. Đó là lý tưởng để hiện thực hóa các mục tiêu: Vì con người, yêu thương, bao dung con người, khẳng định những giá trị tốt đẹp do con người xây dựng và hướng tới; giải thoát con người khỏi khổ đau, kìm kẹp, áp bức về vật chất, tinh thần; xây dựng một xã hội an lạc, toàn thiện và hạnh phúc. Giá trị nhân văn tôn giáo đó đã góp phần làm nên bản sắc văn hóa của dân tộc, và sẽ tiếp tục góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.

Chú thích:

Đảng Cộng sản Việt Nam (1990), Nghị quyết số 24-NQ/TW của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VI về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới.

Đảng Cộng sản Việt Nam (2003), Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 12 tháng 3 năm 2003 Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác tôn giáo.

Viện Văn hóa và Phát triển (2006), Giáo trình Lý luận văn hóa và đường lối văn hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam, NXB Lý luận Chính trị, Hà Nội. 116

Sào Nam Phan Bội Châu (1969), Chu Dịch, Nhà sách Khai Trí xuất bản, Sài Gòn.

Thiền Châu (2002), Hán Việt tự điển, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

Hồ Chí Minh (2013), Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 11, tr. 610.

Đảng cộng sản Việt Nam (1994), Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa VII, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

Đảng cộng sản Việt Nam (1996), Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VII, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

Nguyễn Hiến Lê (2003), Đạo gia và Đạo giáo, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.

Thích Đức Nhuận (1971), Phật học tinh hoa - Một tổng hợp đạo lý, Đại học Vạn Hạnh xuất bản, Sài Gòn.

Chu Hy (1998), Tứ Thư tập chú, người dịch Nguyễn Hữu Lân, NXB VHTT, Hà Nội.

Ban Biên tập Trang Website Đạo Cao Đài, Giá trị nhân văn của các đạo giáo, tại trang <http://www.nhipcaugiaoly.com/>, [truy cập ngày 11/11/2014].

Linh mục Giuse Phạm Văn Tuynh (2008), Theo Chúa Kitô, NXB Tôn giáo, Hà Nội.

Hồ Chí Minh (2004), Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia, 6, tr. 225.

Lê Văn Lợi (2012), Văn hóa tôn giáo trong đời sống tinh thần xã hội Việt Nam hiện nay, NXB Chính trị - Hành chính, Hà Nội.

Cần nhận thức đúng khi tham gia khoá tu mùa hè

Những năm gần đây, mỗi khi hè về, các bậc phụ huynh thường gửi con em tham gia các lớp học thêm, học năng khiếu, thể thao, các lớp rèn luyện kỹ năng sống cho thanh thiếu niên. Đồng thời nhiều phụ huynh cũng cho con em tham gia khóa tu mùa hè tại các chùa.



Đức Tuy

Đây là hoạt động mang tính giáo dục, có nhiều ý nghĩa tích cực. Tuy nhiên, mỗi gia đình cần nhìn nhận và cân nhắc một cách nghiêm túc khi lựa chọn hình thức giáo dục và rèn luyện để vừa tạo được hiệu quả giáo dục về nhân cách, vừa góp phần gìn giữ những giá trị văn hóa tâm linh và truyền thống đạo đức của dân tộc.

Qua thực tế các khóa tu mùa hè cho thấy, có nhiều thanh thiếu niên chưa có nhận thức đúng khi tham gia các khóa tu mùa hè tại các tự viện. Có em cho biết tham gia khóa tu là do sự sắp xếp, ép buộc của cha mẹ. Vì vậy, trong suốt quá trình được học và rèn luyện tại chùa, có em có những thái độ và hành vi tiêu cực, nhiều khi còn tỏ ra bức xúc với nội quy, bài giảng trong khóa học. Vẫn còn tình trạng thanh thiếu niên phát ngôn, cư xử không đúng mực ở những nơi tôn nghiêm.

Một số chùa do không đủ điều kiện cơ sở vật chất, nhận số lượng khóa sinh đông nên đã chưa thể bố trí chỗ ăn và ở hợp lý. Do đó, các chùa cho phép các khóa sinh sáng sớm đến học tập rồi trở về với gia đình vào buổi chiều tối. Khoảng thời gian này đã tạo nên không ít hình ảnh phản cảm. Nhiều em trên đường về nhà vẫn còn

khó khăn trên người bộ quần áo nâu của nhà chùa, tham gia giao thông bằng xe máy, xe đạp điện kẹp 3 - 4, không đội mũ bảo hiểm. Thậm chí có trường hợp còn la cà vào hàng quán, có em nói tục. Thậm chí nhiều hình ảnh trong khi tham dự các buổi nghe giảng trong khóa học được các em đưa lên mạng xã hội kèm theo những dòng tâm trạng phản cảm. Điều đó làm ảnh hưởng đến sự tôn nghiêm, thanh tịnh của chốn thờ tự.

Không thể phủ nhận ý nghĩa của các khóa tu mùa hè là rất tích cực. Mặc dù diễn ra trong thời gian ngắn nhưng thanh thiếu niên đã được giáo dục hướng thiện thông qua những bài học đạo đức tốt đẹp về chữ hiếu, lòng yêu thương con người, yêu quê hương, đất nước và trách nhiệm của thế hệ trẻ... Đó cũng chính là nền tảng góp phần hoàn thiện nhân cách để các em trở thành công dân tốt trong xã hội.

Để các khóa tu mùa hè đạt hiệu quả giáo dục cao, góp phần gìn giữ nét văn hóa tâm linh truyền thống, tránh tình trạng mê tín dị đoan, vai trò định hướng của gia đình là rất quan trọng. Về phía cha mẹ, trước khi đăng ký cho con em mình tham gia các khóa tu phải cân nhắc và nhận thức đúng. Việc nhiều người mẹ cho rằng vì con em họ "khó nuôi" hoặc

khó dạy dỗ nên phải gửi vào chùa để nhờ nhà chùa giáo dục là hoàn toàn sai lầm. Các bậc phụ huynh cần nhìn nhận đúng ý nghĩa, vai trò của các khóa tu thì mới định hướng đúng cho các em, không ép buộc hoặc cưỡng chế các em tham gia, sẽ gây ảnh hưởng xấu đến tâm lý.

Về phía thanh thiếu niên, ngoài việc cần được cha mẹ giáo dục tâm lý từ ở nhà, bản thân các em nên tự tìm hiểu và say mê với các lớp học mùa hè; hình thành thái độ học tập nghiêm túc, tôn trọng những giá trị văn hóa tinh thần truyền thống của dân tộc, có hành vi ứng xử đúng mực... Cơ quan quản lý Nhà nước về tôn giáo, Hội Phật giáo các cấp cần quan tâm định hướng, kiểm tra nội dung để các khóa tu phù hợp và mang tính giáo dục cao.

Nhận thức đúng về các khóa tu mùa hè là điều kiện để thế hệ trẻ bồi đắp được những nét đẹp trong tâm hồn, hướng thiện, tiến tới xây dựng lối sống lành mạnh, củng cố tinh thần cống hiến cho cộng đồng. Sự hình thành, phát triển nhân cách theo hướng tích cực cần được kết hợp giữa cả giáo dục, tự giáo dục, giáo dục ở gia đình, nhà trường, xã hội và các hoạt động giáo dục cộng đồng, đặc biệt là các khóa tu mùa hè tại các chùa, tự viện, thiền đường trên cả nước.

HOÀNG PHÁP VÙNG SÂU, VÙNG XA CỦA PHẬT GIÁO KON TUM

Phụ trách Ban Hoàng pháp Phật giáo tỉnh Kon Tum là một tăng sĩ trẻ, có năng lực; bắt tay vào mô hình mới tự mình xây dựng để từ đó mô hình được nhân rộng trở thành ngôi làng kiểu mẫu của Phật giáo Việt Nam.

Minh Mẫn

A. PHẬT GIÁO VÀ DÂN TỘC

Qua 4000 năm Văn Hiến của dân tộc thì trên 2000 năm, Phật giáo có mặt, đồng hành cùng dân tộc. Tính từ thời lập quốc họ Hồng Bàng – Kinh Dương Vương tên nước là Xích Quỷ (năm 2879 trước Công Nguyên) đến thời nhà Lý (1010-1225) đã là 4000 năm, đến nay cũng gần 5.000 năm.

Từ thời lập quốc ở Trường Giang, bị Hoa tộc lấn dần cho đến Hùng Vương qua 18 đời, đất nước Văn Lang chỉ còn lại Bắc Việt và Bắc Trung Việt ngày nay. Quê hương vốn ở Hồ Động Đình, do Lạc Long Quân và Âu Cơ sinh 100 con lập quốc. Kinh Dương Vương là con của Đế Minh và Vụ Tiên, là cháu ba đời của Thần Nông, mà Thần Nông là một trong Tam Hoàng thời Thượng cổ. Như thế, Lạc Long Quân là con của Kinh Dương Vương, Kinh Dương Vương là họ Hồng Bàng, lấy quốc hiệu là Xích Quỷ. Kinh Dương Vương truyền ngôi cho Lạc Long Quân, Lạc Long Quân truyền cho Hùng Vương, lấy quốc hiệu là Văn Lang. Từ thời Kinh Dương Vương lập quốc đến nay, dân tộc trải qua 11 lần thay danh đổi hiệu:

1. Kinh Dương Vương- Âu Cơ, Lạc Long Quân (2879 trước CN) tên Xích Quỷ.
2. Đời Hùng Vương (2809 trước CN) lấy quốc hiệu là Văn Lang.
3. An Dương Vương (257 trước CN) quốc hiệu là Âu Lạc.
4. Triệu Đà (207 trước CN) quốc hiệu Nam Việt.
5. Thời Hán thuộc (năm 111 trước CN) gọi là Giao Chỉ.
6. Đời Đường Trung Quốc, quốc hiệu là An Nam.
7. Nhà Đinh và tiền Lê đổi quốc hiệu là Đại cồ Việt.
8. Nhà Lý lấy quốc hiệu là Đại Việt.

9. Nhà Nguyễn-Gia Long xưng tên là Việt Nam.

10. Minh Mạng thì gọi là Đại Nam.

11. Từ 1945 đến nay quốc hiệu là Việt Nam (Wikipedia)

Dân tộc ta trải qua nhiều cuộc chiến do các bộ tộc phương Bắc lấn chiếm, mãi đến khi nhà Hán hình thành, đất nước ta lệ thuộc suốt ngàn năm. Tuy nhiên, cha ông ta không vì thế mà đánh mất nét văn hóa đặc thù của dân tộc. Các nhà khảo cổ đã phát hiện được các di tích văn hóa Đông Sơn ở Thanh Hóa, văn hóa Phùng Nguyên ở Phú Thọ, văn hóa Đông Đậu ở Hà Nội, văn hóa Cổ Loa, văn hóa Phù Nam, Cát Tiên, Óc Eo... để xác định trình độ văn hóa của một dân tộc hình thành rất sớm không thua các nền văn hóa nổi tiếng của nhân loại.

Phật giáo xuất hiện: Theo sử gia, Phật giáo có mặt tại Việt Nam sớm hơn Trung Quốc, vào thế kỷ thứ Ba trước Công Nguyên, do các nhà sư Thiên Trúc theo thương thuyền du nhập.

Trong sự tích, nhà sư Phật Quang truyền pháp cho Chủ Đồng Tử và Tiên Dung với chiếc nón và cây gậy. Theo sách Thiền Uyển Tập Anh, quốc sư Thông Biện y cứ vào sự kiện của sư Đàm Thiên viết để tấu cho vua Trung Hoa - Tùy Cao Tổ: “Một phương Giao Châu, đường thông Thiên Trúc, Phật pháp lúc mới tới thì Giang Đông chưa có mà Luy Lâu đã dựng hơn 20 ngôi chùa, độ tăng hơn 500 vị, dịch kinh hơn 15 bộ, vì nó có trước vậy.. Lúc ấy đã có Khâu Ni Danh, Ma Ha Kỳ Vực, Kuông Tăng Hội, Chi Cuong Lương, Mâu Bác tại đó rồi. Nay lại có Pháp Hiển thượng sĩ, đắc pháp với Tỷ Ni Đa Lưu Chi, truyền tông Tam tổ, là người trong hàng Bồ Tát, đang ở chùa Chúng Thiện dạy học. Trong lớp không dưới 300 người không khác Trung Quốc. Bệ hạ là cha lành thiên hạ, muốn bố thí một cách bình đẳng, chỉ cần sai sứ đưa Xá lợi đến, nơi ấy không cần đưa người đến dạy dỗ”.

Một dẫn chứng khác là trung tâm Phật giáo tại Luy Lâu của tỉnh Bắc Ninh, Giao Chỉ có mặt trước trung tâm Bành Thành và Lạc Dương. Trong giai đoạn vua Asoka trị vì tại Ấn Độ (273 – 232) trước Công Nguyên, phát tâm truyền bá Phật giáo khắp các nơi, có những đoàn qua hướng Nam như Sri Lanka, Myanmar, Thái; cũng có đoàn truyền lên phía Bắc như Mông Cổ, Tây Tạng, Triều Tiên...nhưng vì thuận lợi giao thương đường thủy,



một số nhà sư đã đặt chân lên đất Giao Chỉ trước nên Phật giáo đã sinh sôi nảy nở nhanh chóng, góp phần không nhỏ nền văn hóa dân tộc.

Theo cổ sử tiền Hán thư, hậu Hán thư, Các di chỉ khảo cổ Ốc Eo, Sa Huỳnh, vùng biển phía Nam thuộc vương quốc Chăm-pa đã có cuộc giao thương nhộn nhịp, không tránh khỏi nền văn hóa Ấn Độ đã du nhập nơi đây, lưu lại các tháp cổ mang văn hóa Bà La Môn và bia Võ Cảnh bằng tiếng Phạn tại Nha Trang có niên đại thứ hai công nguyên. Như vậy nhà sư Phật Quang có thể là người Ấn hoặc người Champa. Chủ Đổng Tử và Tiên Dung có thể là người phật tử đầu tiên của Việt Nam. (Wikipedia)

Đến khi Trung Hoa thống nhất đất nước ta gần ngàn năm, Phật giáo vẫn phát triển mạnh, nhờ thế, tinh thần uy vũ bất năng khuất của nhà Phật đã thấm sâu trong từng lớp nhân dân, Hai Bà Trưng quật khởi vào năm 43 Công Nguyên và sau đó, nhiều cuộc khởi nghĩa chống quân Nguyên Mông mà từ vua đến dân đồng lòng, lúc bấy giờ, Phật giáo đã là mạch sống của dân tộc như thời Đinh - Lê - Lý - Trần - Lê, giai đoạn này, trong triều đã có các nhà sư như Vạn Hạnh, Khuông Việt, Mãn Giác, Thông Biện làm Quốc sư, nhưng không tham gia chính quyền. Có Thiền sư từng giúp vua về ngoại giao, có vị giúp vua về triều chính và dĩ nhiên văn hóa không thể thiếu để giúp xã hội ổn định lâu dài mà có lúc gần 400 năm đất nước hòa bình an lạc theo tinh thần nhà Phật.

Lúc bấy giờ, hầu như Thiền tông chủ đạo nên tinh thần dân tộc, thu thái, thông thoáng, linh hoạt, tự tại, hy sinh, vô úy, vị tha vì công ích. Qua những cuộc chiến cận đại, Phật giáo cũng đã có những tu sĩ và phật tử hy hiến đời sống riêng tu vì độc lập đất nước. Dù thời chiến hay lúc bình, sự hiện diện của Phật giáo vẫn là mạch sống tất yếu mà người dân cho dù thành phần nào, tín ngưỡng nào, ít nhiều cũng thấm vào máu thịt chất liệu của đạo Phật.

Những năm gần đây, Phật giáo không những ổn định về tổ chức, phát triển về cơ sở vật chất, còn có

nhiều tu sĩ tài năng xuất hiện, có học vị, có năng lực, có trình độ nhiều mặt từ giáo dục, hoàng pháp, kinh tế, tổ chức...góp phần nâng mặt bằng xã hội gồm nhiều thành phần tôn giáo, tín ngưỡng.

B. CON NGƯỜI LÀ TRỌNG TÂM XÂY DỰNG CƠ BẢN

- Chủ trương đường lối nhà nước: Trên nguyên tắc và văn bản pháp quy của Nhà nước, thực hiện quy chế dân chủ cơ sở là nhằm phát huy quyền làm chủ của nhân dân, khơi dậy khả năng, trí tuệ, tính sáng tạo, huy động sức lực của nông dân trong việc thực hiện đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, chính quyền. Đó là nhân tố quan trọng góp phần ổn định chính trị và sự phát triển kinh tế - xã hội.

Thực hiện phương châm: “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Vì mục tiêu “dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”. Chủ trương là như thế, thực tế vẫn chưa đạt hiệu quả như mong muốn.

Trong chiều hướng phát triển hiện nay, cơ sở hạ tầng được thực hiện như đa phần nông thôn được lưới điện quốc gia phủ khắp, chỉ riêng một số vùng cao và sâu giáp biên Lào còn gặp khó khăn về năng lượng điện nước. Đường lộ giao thông phần lớn thông thoáng và tráng nhựa sạch; mặt bằng ổ gà, ổ voi nhan nhản khắp nơi như trước kia, nay cũng được thu hẹp. Một vài địa phương vẫn chưa giải quyết xong con đường lầy lội trên trục giao thông chính của địa phương. Về chương trình giáo dục cấp phổ thông còn đang dò dẫm, cơ sở trường lớp phần lớn khang trang, một số địa phương vùng cao vẫn thiếu trường ốc và nước sạch. Tuy nhiên vài nơi vùng xa ở đồng bằng cũng được các nhà hảo tâm trong và ngoài nước hỗ trợ xây dựng trường học, cầu cống, đóng giếng giúp người dân bớt khó khăn mà chính quyền địa phương chưa thực hiện được. Về sức khỏe cộng đồng, mạng lưới trạm y tế và y tế dự phòng cũng phát triển nhưng cán bộ, nhân sự có tay nghề còn thiếu nhiều, chưa đáp ứng đủ để tương xứng với số lượng bệnh nhân đang có.

Trước chủ trương: Điện - đường - trường - trạm hiện nay phát triển khá đều, nhưng vẫn còn gặp nhiều khó khăn khiếm khuyết, do vậy, cần có mặt của mạnh thường quân mà trong đó, không thể thiếu bàn tay tôn giáo hỗ trợ vì tình thương, trách nhiệm và lợi tha của tôn giáo.

- Trước tình trạng xã hội còn nhiều bất cập về đời sống của người dân, Phật giáo vốn là một tôn giáo từng đồng hành cùng dân tộc, xưa kia, chỉ giúp vua về kế sách chính trị và ngoại giao, ngày nay, xã hội con người phát triển nhiều mặt, đời sống người dân vì thế mà cần những nhu cầu mang tính thời đại. Tôn giáo nói chung và Phật giáo nói riêng, không chỉ lo phần tâm linh, giáo huấn đạo đức cho con người mà cần có phương án thực tiễn để giúp xã hội phần nào về cơm

áo gạo tiền. Trách nhiệm tôn giáo ngày nay cần đi vào thực tiễn để đặt nền móng vững chắc cho sự hiện diện và tồn tại của chính mình mà từ lâu vẫn chỉ là lý thuyết trên giáo lý kinh điển.

Ông bà ta rất thực tiễn khi nói: «có thực mới vực được đạo». Đạo Phật cũng từng bảo: “Phật pháp tại thế gian - bất ly thế gian giác..” không thể xa rời thế gian tìm sự giác ngộ, vậy thế gian là gì nếu không là những nhu cầu vật chất và tâm lý trong cuộc sống?

Chu Tổ cũng từng nói – “Thế gian pháp tức Phật pháp” - như thế, giải quyết được những nhu cầu bức thiết của hiện trạng xã hội, cho dù trong phạm vi hẹp của một khu vực, tức cũng đã giải quyết được một phần mấu chốt thể hiện tinh thần trách nhiệm với cộng đồng, thể hiện tâm từ với cuộc sống – đạo đời viên dung. Các đợt cứu trợ mỗi phần quà vài trăm nghìn cách xa hàng trăm km cũng chỉ giải quyết cuộc sống của người dân tại đó không quá một tuần, thời gian còn lại cuộc sống của họ sẽ ra làm sao? Chưa nói chi phí vận chuyển hàng hóa và số người thấp tầng bằng với giá trị số quà đem đến, thật vô lý và phí phạm.

Cứ như thế tập cho họ có tính đợi chờ sự giúp đỡ, sinh ra thụ động trây lười. Thay vì cho con cá, hãy cho cái cần câu để họ tự tạo cuộc sống. Từ thiện như thế không những thiếu hiệu quả, mang tính trình diễn nhiều hơn là thực tế; phong trào làm từ thiện kiểu này đang là phong trào khá phổ biến, ngoại trừ thiên tai hỏa hoạn cấp thời mang tính chữa cháy thì được. Trong khi quanh ta, giữa cuộc sống phố thị còn nhiều người bệnh hoạn không tiền chữa trị, trẻ con không có điều kiện đến trường, và nhiều Phật tử buôn thúng bán bưng không đủ sống. Tín đồ Phật giáo Hòa Hảo thể hiện lòng từ và trách nhiệm rất đúng chỗ khi đáp ứng hàng ngàn suất cơm hàng ngày cho các bệnh viện khắp nơi, làm cầu, đóng giếng, xây tường rào cho vùng nông thôn.

- Những chương duyên trong lúc thi hành Phật sự hoặc hoằng pháp, từ thành thị đến nông thôn, từ đồng bằng đến miền cao không thể tránh khỏi. Ngoài yếu tố từ thiện, vấn đề hoằng pháp cũng đang là vấn đề mà không thể tách rời hoằng pháp trong phạm vi truyền bá phổ thông. Ngày nay hoằng pháp còn mang ý nghĩa từ thiện thông qua một số kế hoạch công ích cộng đồng.

Ví dụ vùng cao, quần chúng sắc tộc không cần biết đến giải thoát, từ bi, tu tập là gì; họ cần cơm áo gạo tiền để giải quyết đời sống khủng hoảng bế tắc. Họ không còn đất du canh du cư như trước kia. Định cư đã hạn chế sinh hoạt săn bắn canh tác, lượm hái. Đất khai hoang đã bán cho người kinh để lấy tiền không phải kinh doanh mà để uống rượu ăn thịt. Có những vùng sau khi khai khẩn, bị tịch thu, đuối vào sâu bên trong, nếu có bồi thường thì cũng chỉ tượng trưng không đủ rượu thịt. Họ không có kế hoạch phát

triển kinh tế, thường thì thụ động, an phận. Xưa kia đợi thu hoạch vụ mùa, họ săn bắn rồi vui chơi trong bản làng, không phải bon chen như xã hội người kinh. Giờ đây, họ phải sống định cư, cận kề với người kinh, dĩ nhiên họ khó mà cạnh tranh với người ở phố thị. Ruộng đất không còn hoặc còn không bao nhiêu, không vốn liếng, không kiến thức, không kinh nghiệm mua bán cạnh tranh, vì vậy cuộc sống quanh năm vẫn nghèo, cho dù nhiều đoàn hăng năm đến cứu trợ. Tin Lành cũng bỏ tiền cuu mang trong giai đoạn đầu truyền bá, Phật giáo đem thực phẩm nuôi dưỡng để họ nghĩ đến cảm ơn Chúa đã khiến con Phật đến nuôi họ. Một số nơi, nhà nước cho máy cày, trâu bò để tự túc canh tác, nhưng chẳng bao lâu, trâu bò gia súc đưa lên bàn mổ để nhậu, máy cày bán để mua rượu lai rai. Do thiếu kế hoạch cầm tay chỉ việc nên mọi sự đều giao trùng cho ác.

Trong lĩnh vực hoằng pháp của năm tỉnh Tây Nguyên, Phật giáo vẫn chưa có kế hoạch mở đường thoát khỏi lề lối truyền thống đến với người dân sắc tộc. Làm sao nói đến nhân quả luân hồi khi mà hũ gạo nhà khô đáy. Làm sao cung cấp quanh năm cho cuộc sống hàng vạn đồng bào Tây nguyên ngay nhà nước cũng không kham. Đáng ra, chính quyền địa phương nên hợp tác với tôn giáo tìm kế hoạch dài lâu hiệu quả hơn là trao cho họ bát cơm hàng ngày. Đối với cán bộ hoằng pháp của Phật giáo, ngoài nhiệm vụ truyền bá giáo lý, phải thể hiện cách truyền bá thực tiễn hơn, đòi hỏi kinh nghiệm, can đảm, sáng tạo, kiên trì, đó là tinh thần đại hùng, đại lực, đại từ bi của nhà Phật.

Người Hoằng pháp ngoài nguyên lực, cần có sức mạnh nội lực để hàm dưỡng lâu dài kế hoạch thực thi mới không bị chán nản bỏ cuộc vì chướng duyên, trong đó yếu tố tình thương vô điều kiện làm nòng cốt. Khi hiểu hoàn cảnh và cuộc sống bế tắc của họ, khởi phát tình thương mới ra tay thực hiện cứu khổ. Hạnh quán thế âm là công hạnh thực tiễn đối với đời sống hiện tại của muôn loài.

Chính vì thế, cần có một mô hình hoằng pháp thoát khỏi mô hình truyền thống mới mong dẹp đạo lợi đời.

-Thủ đề nghị mô hình hoằng pháp đi sâu đi sát vào đời sống của đồng bào sắc tộc cao nguyên nói chung và Tây nguyên hiện nay:

-Ban Hoằng pháp tỉnh họp và lắng nghe ý kiến, kế hoạch của thuộc cấp, mời cán bộ chuyên môn về canh tác và kế hoạch các ngành nghề tham gia thảo luận, đưa đến sáng kiến khả thi.

Ban Kinh tế Tài chính hiện nay của Giáo hội chỉ giải quyết tài chính cho nội tình giáo hội; thực ra Ban Kinh tế Tài chính cũng chỉ là nhờ sự hỗ trợ từ các đại gia và tín đồ có điều kiện vật chất, Ban Kinh tế Tài chính chưa có mô hình tự túc kinh tế để đáp ứng mọi nhu cầu Phật sự của Giáo hội.. Giáo hội chưa có một ban

chuyên trách hỗ trợ cho đồng bào sắc tộc, vì thế, tạm thời Hoàng pháp mở đường xông pha sang lĩnh vực phát triển kinh tế cho đồng bào sắc tộc để hoàng pháp có thể đứng vững tại địa phương.

Lấy Kontum làm thí điểm. Kon Tum là vùng Tây nguyên của Việt Nam. Đây là tỉnh nằm về phía cực Bắc của Tây Nguyên, có vị trí địa lý nằm ở ngã ba Đông Dương, phần lớn nằm ở phía Tây dãy Trường Sơn.

Diện tích: 9.689.6km²

Dân số: 473.300 người

Sắc tộc: Kinh, Xơ Đăng, Bana, Giê Triêng, Ra glai

Mật độ dân số: 49 người trên 1km² (WikiPedia)

Với vị thế địa lý hiện nay của Kon Tum, đất rộng người thưa, Kon Tum có điều kiện hình thành các cửa khẩu, mở rộng hợp tác quốc tế về phía Tây. Kon Tum có đường Quốc lộ 14 nối với các tỉnh Tây Nguyên và Quảng Nam, đường 40 đi Atôpư Lào (Wikipedia) Theo báo cáo khái quát thì Giai đoạn từ năm 2001 đến năm 2010, Cơ cấu kinh tế chuyển đổi cơ bản tiến bộ, công nghiệp xây dựng đạt 32%, nông, lâm nghiệp 25%, dịch vụ 43%, GDP bình quân đầu người đạt 507 USD, nhu cầu vốn đầu tư cả thời kỳ 476,6 triệu USD. Tình hình xuất nhập khẩu đến năm 2010 đạt 70 triệu USD. Đồng thời năm 2010 có 50.000 lượt khách du lịch, trong đó có 10.000 khách nước ngoài.(Wikipedia) nhưng thực tế đời sống của đồng bào sắc tộc vẫn chưa được cải thiện cho lắm. Tây nguyên có 1.800 buôn làng.

Năm 1930, Tin Lành đã sớm có mặt tại Tây nguyên, nhưng kể từ sau 1975 đến nay, tín đồ Tin Lành phát triển khá nhanh so với các tôn giáo, nhất là Phật giáo có mặt trên Tây nguyên từ lâu mà vẫn không thể nào phát triển vào các vùng sắc tộc. Sự lặn xả, chịu khó của các mục sư Tin Lành kèm theo kế hoạch có thực mới vực được đạo đã chinh phục được đồng bào sắc tộc có niềm tin đơn giản vì ông Chúa cũng là ông Giăng, niềm tin truyền thống xưa nay của đồng bào sắc tộc vẫn là ông Giăng.

Thế thì Ban Hoàng pháp Tây nguyên nói chung và Kontum nói riêng có kế hoạch gì để giúp đồng bào sắc tộc thoát khỏi đói nghèo (chưa nói tới việc truyền đạo)

- Một mô hình kinh tế thu nhỏ: Giáo hội xin khoanh đất độ hai mẫu, có thể dung chứa vài gia đình sắc tộc, tạo điều kiện sống hàng ngày cho họ, lập các tổ hợp kinh tế như làm nhang, xay xác đậu, tận dụng mặt của gỗ để sản xuất nhang, trồng nấm và nhiều kế hoạch khác. Các kỹ thuật viên chuyên ngành cầm tay chỉ việc để họ quen công việc; thành phẩm họ được hưởng phần trăm sau khi khấu trừ mọi chi phí. Giáo hội ngoại giao để bao tiêu đầu ra về lâu về dài. Trong khu vực kiểu mẫu đó, có cả trường học và bệnh xá.

Cho dù thời gian sản xuất chưa thu hoạch hoặc có lúc thất thu, ban Hoàng pháp Tỉnh bảo đảm đời sống ổn định cho những gia đình đó. Nhu cầu thường ngày

của người sắc tộc rất đơn giản, không se sua chung diện, không sơn phấn, không ăn chơi hưởng thụ như phố thị. Trong phạm vi khu kiểu mẫu như thế, tập cho họ ăn chay và giải thích đạo đức, nghiệp sát và nhân quả hiện thực cho họ hiểu, những giáo lý đơn giản từ từ thấm sâu vào đời sống.

Khu kiểu mẫu thành công, các gia đình khác muốn tham gia, ban Hoàng pháp phát triển thêm khu vực khác, từ từ trở thành ngôi làng kiểu mẫu, có đời sống ổn định, văn hóa được nâng cao, đức tin lúc bấy giờ gắn liền với sinh hoạt đời sống kiểu mẫu như thế, phải chăng Phật giáo đã đồng hành cùng dân tộc mà sắc tộc là điểm thiết yếu trong cộng đồng quốc gia.

Mô hình sinh hoạt và tổ chức được phối hợp bởi các chuyên gia nông nghiệp và sức khỏe cộng đồng, sinh hoạt cộng đồng...Sau giờ lao động canh tác sản xuất, học tập, còn tổ chức vui chơi văn nghệ cho trẻ em, thỉnh thoảng cho đồng bào trong khu vực kiểu mẫu về tham quan phố thị, hướng dẫn thăm viếng các ngôi chùa danh tiếng.

C. KẾT LUẬN

Mô hình tổng thể như thế, tùy đặc tính của từng khu vực mà linh động. Nghe có vẻ quy mô và khó khăn, nhưng một cán bộ Hoàng pháp năng động, chịu khó với cái tâm “phụng sự chúng sinh là cúng dường chư Phật” thì không việc gì mà không làm được.

Các mục sư lặn lội vào các bản làng để tìm con dân cho Chúa, mình không cần tìm thêm tín đồ, chỉ cần giúp dân thoát khỏi đói nghèo. Từ lâu, các giảng sư Hoàng pháp nói quá nhiều về lý thuyết, giò đây, thử bắt tay vào việc, đổi mới bộ mặt và phương cách hoàng pháp tại vùng cao. Việc Phật giáo đồng hành cùng dân tộc như thế cũng không có gì mới mẻ, thập niên 70 về trước, “Thanh Niên Phụng Sự Xã Hội” do Thiền sư Nhất Hạnh khởi xướng cũng đã thực hiện hạnh vị tha, rất tiếc, trong thời chiến, việc thành lập đoàn thể thanh niên, sinh viên xả thân cho đồng bào trong vùng sau cuộc chiến và trong cuộc chiến, giúp đồng bào xây dựng lại cơ đồ đổ nát, cứu thương, hướng dẫn vệ sinh cộng đồng, giáo dục trẻ em... đã gây ngộ nhận không ít từ hai phía.

Cái giá phải trả thật đau thương với nhiều sinh mạng tác viên vô tội, họ mang trái tim phụng sự trong sáng và quá lý tưởng, nói lên tinh thần Bi-Trí-Dũng của người con Phật trước mọi nghịch cảnh trong cuộc sống.

Hiện nay, đất nước yên bình, người con Phật lại không dám xả thân vì cộng đồng, để thể hiện hạnh nguyện Bồ tát Quán Thế Âm?

Ban Hoàng pháp Phật giáo tỉnh Kon Tum là một tầng sĩ trẻ, có năng lực và năng động, thử bắt tay vào mô hình mới tự mình xây dựng để từ đó mô hình được nhân rộng trở thành ngôi làng kiểu mẫu của Phật giáo Việt Nam.



Trước đây, khi các nhà nghiên cứu, các nhà học Phật chưa có điều kiện khảo sát, nghiên cứu rộng rãi kinh tạng Nikàya (tiếng Pàli, thuộc hệ Nam truyền) do giới hạn về ngôn ngữ, thì ít ai nghĩ giáo lý nguyên thủy của đạo Phật có rất nhiều bài kinh đề cập đến các vấn đề xã hội, quốc gia chứ không chỉ là giáo lý giác ngộ, giải thoát.

Phan Minh Đức



CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI, QUỐC GIA QUA KINH TẠNG NIKÀYA

Cho đến nay, sau hơn 25 thế kỷ, những giá trị thiết thực của lời Phật dạy trong những bài kinh ấy vẫn còn phù hợp với thời đại.

Có thể nói giáo lý đạo Phật đáp ứng mọi nhu cầu con người từ ý nghĩa nhập thế cho đến xuất thế.

Về nhập thế: Kien toàn nhân cách, xây dựng đời sống cá nhân; xây dựng gia đình; tổ chức, quản lý xã hội, lãnh đạo quốc gia.

Về xuất thế: giúp thành tựu đạo đức, phạm hạnh, Thánh hạnh đưa đến giác ngộ, giải thoát. Trong phạm vi bài viết này xin đề cập đến vấn đề: Giáo lý đạo Phật với các vấn đề xã hội, quốc gia.

Tuy Phật giáo không quan tâm đến chính trị, quân sự, nhưng một số vấn đề giáo dục tâm lý, đạo đức có thể làm kim chỉ nam cho công cuộc xây dựng xã hội và lãnh đạo đất nước.

Đức Phật không phải là một nhà

chính trị, Ngài không chủ trương kinh bang tế thế, thiết lập quy chế Nhà nước, tổ chức về chính trị, xây dựng hệ thống pháp luật. Đức Phật là một đấng đạo sư, một nhà đạo đức, tâm linh, đồng thời là một nhà giáo dục, Ngài mở rộng phạm vi đóng góp cho cuộc đời đến tất cả chúng sinh chứ không giới hạn ở một quốc gia, dân tộc nào. Đường hướng của Ngài, chủ trương của Ngài đặt trên nền tảng đạo đức và tâm linh chứ không phải là chính trị, không phải là quyền lực và sự khôn ngoan của bản ngã.

Mục đích duy nhất của Ngài là mang lại an lạc hạnh phúc cho tất cả chúng sinh ở bất kỳ phương diện nào, dù là đời sống xuất ly hay thế tục. Mọi lời dạy của đức Phật đều nhằm mục đích này, đối với các nhà lãnh đạo quốc gia quản trị đất nước, những lời dạy của Ngài giúp họ đem lại hạnh phúc, thái hòa cho dân chúng.

Trong kinh Tăng Chi Bộ I, chương Bốn pháp, phẩm Nghiệp công đức(1), đức Phật đã nêu lên vai trò của người đứng đầu lãnh đạo một tổ chức hay một quốc gia. Theo đó, vai trò người lãnh đạo là vai trò làm gương và dẫn dắt. Nếu đó là người có tài năng và đạo đức, đưa ra những đường lối, chủ trương tích cực, đúng hướng, có lợi ích cho tổ chức, cho quốc dân thì mọi người nhờ đó mà có cuộc sống an vui hạnh phúc, tổ chức đó ngày càng phát triển, đất nước đó ngày càng thịnh vượng, thái bình. Nhưng ngược lại, nếu lãnh đạo tổ chức, lãnh đạo quốc gia có “sở hành phi pháp” (hành vi không chuẩn mực, đúng đắn, không có pháp kỷ; đạo đức kém, vô đức vô năng, không có tu cách lãnh đạo), đường lối chỉ đạo sai lạc thì chắc chắn kéo theo vô số điều tiêu cực, hệ lụy khiến cho thành viên trong tổ chức khốn đốn (nếu lãnh đạo tập thể, tổ chức),

dân chúng làm than, quốc gia suy vong (nếu lãnh đạo đất nước).

Trong kinh Cánh cửa bại vong (thuộc Tiểu Bộ kinh I, kinh Tập), đức Phật cho biết nếu người lãnh đạo, những kẻ có quyền thế nhưng có phẩm chất đạo đức kém sẽ đưa chính họ và những người khác vào cánh cửa bại vong: “Đàn bà hay đàn ông/ Ruợu chè, tiêu hoang phí/ được địa vị, quyền thế/Là của vào bại vong”, “Người tự hào gia thế/Về tài sản, dòng họ/Khinh miệt những người khác/Là của vào bại vong”.

Đức Phật dạy, “Một vị vua phải trị vì sáng suốt; trong mọi phận sự của một vị vua, đối với thần dân như cha mẹ đối với con, từ bỏ mọi việc làm ác (ác đạo). Khi một vị vua chân chính, đám triều thần vây quanh (bầy tôi) cũng chân chính noi gương” (ĐTKVN, Tiểu Bộ kinh tập 7, chuyện Đại vương Janasandha, NXB.Tôn giáo, 2002); Trong kinh Bốn sinh (Jākata), đức Phật còn nêu ra mười phẩm chất cần có của một lãnh đạo quốc gia để trị vì tốt đất nước, gọi là “Thập vương pháp” (Dasa Rāja Dhamma): Phải có khí độ rộng lượng, cao thượng, vì dân chúng chú không vì bản thân; Sống đời sống đạo đức và hướng dẫn dân chúng sống đời sống đạo đức; sẵn sàng hy sinh lợi ích cá nhân cho dân, cho nước; trung thực và liêm khiết, công bình, chính trực; nhân từ, đức độ, có hành vi, cách cư xử nhu hòa, từ ái đối với mọi người; sống thanh cao, giản dị; sống không thù oán, tị hiềm; thực thi tinh thần bất bạo động, không làm tổn hại bất cứ ai; có lòng kiên trì, nhẫn nại; lấy lòng dân làm gốc; đưa ý dân lên hàng đầu; tôn trọng sự hòa hợp trong nội bộ quốc gia và hòa bình thế giới. Đây không chỉ là những phẩm chất một vị vua cần có, mà còn là những phẩm chất mà người đứng đầu chính phủ và lãnh đạo các bộ, các ngành thuộc bộ máy nhà nước cần phải có. Mười

phẩm chất của một vị vua anh minh, hiền đức hay nhà lãnh đạo tốt (Thập vương pháp) được nhắc đến trong nhiều bài kinh, nhất là trong Tiểu Bộ kinh, tuy văn từ có khác nhưng chung quy nội dung không ngoài mười phẩm chất, nói theo ngôn ngữ của kinh văn là:

1.Dāna (Bố thí, có tấm lòng từ thiện, xả kỷ vị tha. Trong quản trị đất nước thì điều này thể hiện ở các chính sách an sinh, phúc lợi xã hội) 2.Sīla (trì giới: giữ gìn đạo đức, chủ yếu là năm giới: không sát sinh; không trộm cắp, chiếm đoạt; không tà dâm; không nói dối; không uống rượu. 3.Pariccāga (rộng lượng, giàu lòng hy sinh) 4.Ajjava (liêm khiết, nghiêm minh, chính trực, công bằng) 5.Maddava (nhu hòa) 6.Tapa (sống khắc kỷ, giản dị, đạm bạc, không đắm mình trong hưởng thụ, truy lạc, không xa xỉ, biết chế ngự những ham muốn, dục vọng) 7.Akkodha (không sân hận, không gieo thù kết oán với ai, không ganh ghét, đố kỵ, thù hằn) 8.Avihimsā (yêu hòa bình, không chiến tranh, có tinh thần từ bi, bất bạo động) 9.Khanti (kham nhẫn, chịu đựng gian nan, khó khăn, thử thách, những sự đối nghịch, bất như ý) 10.Avirodha (thuận lòng dân, tôn trọng ý kiến và vai trò phản biện của dân chúng, chủ trương có tính dân chủ).

Trong Tiểu Bộ kinh tập 10, chuyện Hiếu tử Sāma (Tiền thân Sāma)(NXB.Tôn giáo, 2004), đức Phật dạy về mười phận sự mà một vị vua anh minh hiền đức cần phải làm (cũng được xem như Thập vương pháp), Ngài nhấn mạnh những bốn phận phải được quan tâm gìn giữ không thể thiếu sót. Nếu làm tốt, vị vua không những lãnh đạo tốt đất nước của mình mà còn được sinh về cõi Trời sau khi chết. Mười bốn phận đó là: Bốn phận đối với cha mẹ (song thân); bốn phận đối với vợ con; bốn phận đối với thân bằng quyến

thuộc; bốn phận đối với quần thần (cấp dưới, quan lại trong bộ máy chính quyền từ trung ương đến địa phương, tức cán bộ nhà nước); bốn phận đối với binh sĩ ở các cấp trong quân đội; bốn phận đối với các đơn vị hành chính từ thành thị cho đến thôn quê, các địa phương trong nước; quan tâm đến các cơ quan chính quyền và đời sống sinh hoạt của mọi thành phần xã hội; bốn phận đối với những người tùy tùng thân cận; bốn phận đối với những bậc tu hành thanh tịnh, đạo cao đức trọng, các nhân sĩ, hiền tài; bốn phận đối với các bậc ẩn sĩ, thế ngoại cao nhân, những người tài đức mai danh ẩn tích (biết tôn kính, hỗ trợ và mời họ giúp dân giúp nước, thưa hỏi việc nước); biết yêu thương loài vật, bảo vệ loài vật, bảo vệ môi trường sinh thái.

Trong kinh Cakkavatti Sihanāda sutta (Chuyển Luân Thánh Vương Sư Tử Hống, kinh số 26, thuộc Trường Bộ kinh II) Đức Phật cũng dạy thêm, người lãnh đạo quần chúng, người thực thi pháp luật phải là người cầm cân nảy mực, công chánh liêm minh và thông hiểu pháp luật, thực thi pháp luật vì công bằng xã hội, vì tôn trọng pháp luật chứ không phải vì biểu dương quyền lực hay lạm dụng uy quyền; phải làm đúng vai trò và chức năng của mình, không được làm tùy tiện, cầu thả, không được làm sai quy định pháp luật. Không được kết bè đảng, vây cánh để làm điều phi pháp, hà hiếp bá tánh, thao túng, lũng đoạn trong bộ máy chính quyền, trong cơ quan nhà nước, gây thiệt hại cho quốc gia hoặc gây bất ổn xã hội: Người lãnh đạo tốt phải biết cư xử công bình (không thiên lệch, vị kỷ vị thân, không tạo bất công do bị tiền tài mua chuộc hoặc vì khiếp sợ uy quyền, thế lực); không gieo lòng thù hận trong dân chúng; không ngăn ngại áp dụng luật pháp khi cần thiết; phải thông



hiểu pháp luật rõ ràng mỗi khi áp dụng. Luật pháp không phải áp dụng chỉ vì người ấy có uy quyền, mà phải được áp dụng hợp tình và hợp lý.

Quả thật nếu áp dụng thực thi được những lời đức Phật dạy thì vị quốc chủ là vị vua nhân từ, đức độ, anh minh sáng suốt có sức mạnh của muôn dân, lo gì đất nước không thái bình thịnh trị. Khi mọi người dân đều yêu quê hương đất nước, đều tôn kính, quý mến các nhà lãnh đạo chính quyền, các binh sĩ vì nước vì dân; khi quân và dân đoàn kết gắn bó một lòng, các chủ trương, chính sách nhà nước hợp lòng dân, xã hội an cư lạc nghiệp thì nền chính trị yên ổn, vững mạnh, đất nước hùng cường.

Không phải ai cũng có chí hướng cao thượng về đời sống tâm linh đua đến giác ngộ, giải thoát, cho nên tùy căn cơ trình độ mà đức Phật nói pháp, trong đó có các pháp mang lại an lạc cho đời sống thế tục trong hiện tại và tương lai. Vì thế khi có vị lãnh đạo quốc gia nào xin ý kiến về các vấn đề xã hội, quốc gia, đức Phật cũng nêu lên quan điểm của mình về chính sách trị quốc an dân và giải quyết các vấn đề xã hội. Ngài xem đó là dịp để các nhà đạo đức, tâm linh, các nhà giáo dục góp phần mang lại an lạc, hạnh phúc cho người dân ở một phương diện khác. Tuy không phải là một nhà chính trị, không phải là một nhà xã hội học nhưng cái nhìn của đức Phật hết sức sáng suốt và thấu đáo, ý kiến của Ngài có giá trị hữu ích, có tầm nhìn chiến lược rất được các nhà lãnh đạo quan tâm.

Chẳng hạn như trong kinh Cú La Đàn Đầu (Kūtadanta sutta)(2), đức Phật nêu lên quan điểm chính trị của mình như sau: "Những vị nào trong quốc độ nhà vua nỗ lực về nông nghiệp và mục súc, Tôn vương hãy cấp cho những vị ấy hạt giống và thực vật; những vị nào trong quốc độ nhà vua nỗ lực về

thương nghiệp, Tôn vương hãy cấp cho những vị ấy vốn đầu tư; những vị nào trong quốc độ nhà vua nỗ lực về quan chức, Tôn vương hãy cấp cho những vị ấy vật thực và lương bổng. Những người này chuyên tâm vào nghề riêng của mình sẽ không nhiều hại quốc độ nhà vua, và ngân quỹ nhà vua sẽ được dồi dào, quốc độ sẽ được an cư lạc nghiệp, không có tai ương, ách nạn và dân chúng hoan hỷ vui vẻ, cho con nhảy trên ngực, sống chẳng khác gì với nhà cửa mở rộng". Trong một bài kinh khác Đức Phật cho biết rằng, nghèo đói là nguyên nhân chính của trộm cướp, hung ác, thù hận, bạo động và các hành vi trái đạo lý. Vì thế chỉ có biện pháp cải thiện kinh tế, xóa đói giảm nghèo và quan tâm giáo dục tri thức, đạo đức mới ngăn chặn và làm giảm thiểu tệ nạn xã hội. Các hình phạt như xử tử, chặt tay chặt chân, cầm tù, lưu đày, khổ sai... không hữu hiệu, không thể kèm hãm tệ nạn xã hội và bất ổn chính trị (Kinh Cakkavatti Sihanàda sutta) (3).

Đức Phật còn nêu ra bảy điều kiện thịnh suy của một quốc gia như sau: 1. Người trong nước thường gặp gỡ và tụ họp đông đảo với nhau 2. Người trong nước tụ họp trong tinh thần đoàn kết, giải tán trong tinh thần đoàn kết; làm việc trong tinh thần đoàn kết và thực hiện nhiệm vụ trong tinh thần đoàn kết, phát triển trong tinh thần đoàn kết. 3. Không ban hành những đạo luật mới mẻ chưa từng được ban hành (do không có phát sinh thêm những loại hình phạm tội, những vấn nạn xã hội); không hủy bỏ những đạo luật sẵn có (tinh thần thượng tôn pháp luật, không phá hỏng nền nếp, kỷ cương, phép tắc đã có), và sống thích hợp với những quy tắc cổ truyền (tôn trọng và giữ gìn những truyền thống quý báu). 4. Người trong nước tôn sùng, kính trọng các bậc trưởng thượng trong xứ, các bậc cao niên lão thành,

những người có công đức với nhân dân, những người có tài năng và đức độ, có tâm huyết đối với sự nghiệp phát triển đất nước, nghe những lời dạy thích nghi của những vị này. 5. Không có những hiện tượng bất công (áp bức, bóc lột, xem thường đạo đức, pháp luật) và người phụ nữ được tôn trọng (tinh thần bình đẳng giới). 6. Bảo tồn và phát huy những giá trị truyền thống. Gìn giữ và tôn trọng, kính nể, làm vẻ vang tôn miếu, những nơi thờ phụng, ghi nhớ công đức Tổ tiên, những bậc tiền hiền, những người có công với nhân dân, với đất nước. 7. Cung kính, hộ trì, noi gương các bậc Thánh, những người hiền đức, nhiệt thành ủng hộ, bảo trợ những hoạt động vì lợi ích số đông, vì hạnh phúc của nhân dân, đất nước, của nhân loại, chúng sinh. Đó là những yếu tố làm nên sự hưng thịnh của một quốc gia, giúp quốc gia phát triển lâu dài, vững mạnh (Theo kinh Tăng Chi Bộ III, chương Bảy pháp, phẩm Vajji)(4) và kinh Đại bát Niết bàn thuộc Trường Bộ kinh I)(5).

Về đời sống xã hội, qua nhiều bài kinh chúng ta cũng thấy đức Phật luôn khuyến khích tinh thần phụng sự, cống hiến, làm lợi ích chúng sinh, Ngài dạy các đệ tử tại gia ngoài việc học pháp, hành pháp, tinh tấn tu tập chuyển hóa nội tâm, sống đời sống hướng thượng, cần nên tích cực tham gia các hoạt động công ích, vì lợi lạc tha nhân. Chẳng hạn như trong Tương Ưng Bộ kinh I, chương I: Tương ưng chu Thiên, phẩm Thiêu cháy, kinh Trồng rừng, Đức Phật dạy: "Ai trồng vườn, trồng rừng/ Ai dựng xây cầu cống/ Đào giếng, cho nước uống/ Những vị ấy ngày đêm/ Công đức luôn tăng trưởng".

Về phương diện lãnh đạo tập thể, quản lý và điều hành một tổ chức, làm lợi ích cho số đông, đức Phật dạy bốn pháp nhiếp hóa (Tứ nhiếp pháp) được xem là nghệ thuật quản trị đặc nhân tâm, gồm

có: Bồ thí nhiếp (bồ thí, từ thiện, đem lại lợi ích cho người khác, cho tập thể, tổ chức; đáp ứng nhu cầu đời sống, nhu cầu công việc, giúp đỡ, hỗ trợ giải quyết khó khăn...); Ái ngữ nhiếp (dùng lời lẽ khéo léo nhưng chân thành, nhu hòa, từ ái để thuyết phục, chia sẻ, động viên, khích lệ...); Lợi hành (tích cực làm lợi ích cho tập thể, tổ chức); Đồng sự (đồng cam cộng khổ, chung lưng đấu cật với đồng nghiệp, với những người cùng chí hướng, với những người cùng gánh vác trách nhiệm chung trong tập thể, tổ chức; không lánh nặng tìm nhẹ, ngồi mát ăn bát vàng; không phân biệt đối xử; không quản lý, điều hành theo kiểu quan liêu, không có tác phong quan liêu, kiêu căng, hách dịch). Bốn phương pháp này có thể dùng riêng lẻ tùy trường hợp hoặc sử dụng phối hợp một cách khéo léo.

Bốn pháp nhiếp hóa hay bốn nguyên tắc lãnh đạo nói trên, kinh Tăng Chi IV, chương Tám pháp, phẩm Gia chủ Hatthaka có nói rõ.

Một trong những vấn đề hết sức quan trọng rất đáng quan tâm là bình đẳng xã hội. Việc thành lập Tăng đoàn gồm nhiều thành phần xã hội thuộc nhiều giai cấp khác nhau trong xã hội phân biệt đẳng cấp khắc nghiệt như Ấn Độ thời Đức Phật là bằng chứng hùng hồn cho tinh thần bình đẳng của Phật giáo. Trong nhiều bài kinh Đức Phật cũng nói lên tinh thần này, ví dụ như: “Là cùng đinh, không phải do sinh trưởng/ Là Bà la môn, không phải do sinh trưởng./ Do hành động, người này là cùng đinh/ Do hành động, người kia là Bà la môn” (Sutta Nipàta, Vasala sutta – Kinh Tập, kinh Vasala), “Sự sinh trưởng không làm cho con người được liệt vào giai cấp Bà la môn hay bị loại ra khỏi giai cấp này. Nếp sống hàng ngày tạo nên người nông dân, thương gia hay nô bộc. Nếp sống hàng ngày tạo ra hạng trộm cắp, binh sĩ, tu sĩ hay vua chúa” (Sutta

Nipàta, Vasettha Sutta – Kinh Tập, kinh Vasettha). Theo Đức Phật thì chính những phẩm chất đạo đức của mỗi cá nhân, chính hành vi, lối sống của mỗi cá nhân làm cho họ trở nên cao quý hay thấp hèn. Điều này có giá trị, ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc thiết lập một xã hội công bằng, người bị xem là giai cấp thấp hèn xóa được mặc cảm tự ti về thân phận; khiến người được xem là giai cấp cao quý không tự kiêu, mọi người cư xử với nhau không còn khoảng cách, thân thiện, gần gũi hơn.

Trong vấn đề bình đẳng còn có bình đẳng giới. Về bình đẳng giới, việc đức Phật chấp thuận thành lập giáo đoàn tỷ kheo ni song song với giáo đoàn tỷ kheo chính là sự khẳng định Phật giáo coi trọng quyền bình đẳng giữa nam giới và nữ giới. Đức Phật cũng từng tuyên bố rằng nữ giới có khả năng thành tựu các Thánh quả từ Tu đà hoàn cho đến A la hán như nam giới nếu họ khép mình vào khuôn khổ của giới luật và tu tập theo giáo pháp (Theo Tiểu phẩm của Luật tạng- Cullavagga of Vinaya – Pali Text Society Translation).

Cứu cánh của đạo Phật là nhổ tận gốc rễ khổ đau, thành tựu Niết bàn an lạc. Vì mục tiêu chủ yếu là giác ngộ, giải thoát, cho nên trọng tâm của giáo lý đạo Phật là con đường, là phương pháp tu tập chúng đạt tri kiến thấy biết như thật về bản chất đời sống và cội nguồn an lạc. Nhưng không vì thế mà đạo Phật không có những giáo lý lợi lạc nhân sinh về phương diện đời sống thế tục, tức các vấn đề có liên quan đến xã hội, quốc gia. Bởi các lý do sau: 1. Căn cơ trình độ chúng sinh không đồng đều, vì lòng từ mẫn đối với mọi chúng sinh mà đức Phật dùng nhiều phương tiện giáo hóa. 2. Phật pháp không thể rời xa cuộc đời mà giác ngộ (Phật pháp bất ly thế gian giác). Cho nên có thể nói con đường của đạo Phật, phương

“
ĐỨC PHẬT CŨNG
TỪNG TUYÊN BỐ
RẰNG NỮ GIỚI CÓ
KHẢ NĂNG THÀNH
TỰU CÁC THÁNH
QUẢ TỪ TU ĐÀ HOÀN
CHO ĐẾN A LA HÁN
NHƯ NAM GIỚI NẾU
HỌ KHÉP MÌNH VÀO
KHUÔN KHỔ CỦA
GIỚI LUẬT VÀ TU TẬP
THEO GIÁO PHÁP

”

pháp của đạo Phật không ngoài mục đích lợi lạc chúng sinh dù ở bất kỳ phương diện nào, xuyên suốt các hệ thống kinh điển Phật giáo mà căn bản là kinh điển nguyên thủy chúng ta thấy rất rõ điều này.

Chú thích:

(1) Hoặc xem thêm: ĐTKVN, Tiểu Bộ kinh tập 6, phần Khuyến dụ quốc vương, NXB Tôn giáo ấn hành, 2002

(2) ĐTKVN, Trường Bộ kinh I, kinh Cú La Đà Đầu (Kutadanta sutta), kinh số 5, VNCPHVN ấn hành, 1991

(3) ĐTKVN, Trường Bộ kinh II, kinh Chuyển Luân Thánh Vương Su Tử Hống (Cakkavatti Sihanada sutta), kinh số 26, VNCPHVN ấn hành, 1991

(4) VNCPHVN ấn hành, 1996

(5) VNCPHVN ấn hành, 1991.



NGHĨ VỀ MỘT XÃ HỘI DÂN CHỦ VÀ HƯỚNG THIỀN

Nơi nào sự bất công áp bức, mầm bất thiện còn tồn tại thì sự bất ổn vẫn tiềm tàng như mạch nước ngầm đang tuôn chảy nhưng nếu không hòa nhập vào nhánh sông ra biển mà thành lũ dữ sóng thần đe dọa phá vỡ con đê quyền lực.

Nguyễn Cẩm



ƯỚC VỌNG MUÔN ĐỜI

Tự do dân chủ luôn là một ước vọng từ nghìn xưa của bao dân tộc, bao thể chế, xã hội. Có người cho rằng ở phương Tây, ngay trong thời Aristote đã có khái niệm về một xã hội công dân (Civil society). Bao thế kỷ sau, con người vẫn luôn đau đáu ước mơ ấy dù sống trong thời quân chủ phong kiến. Chẳng thế mà phát sinh ra Phong trào Khai sáng (Enlightenment Movement) ở châu Âu đầu thế kỷ XVIII, kêu gọi xây dựng xã hội trên cơ sở bình đẳng, công lý và những nguyên tắc bắt nguồn từ quyền lợi con người. Các luận điểm lớn của phong trào này bao gồm:

- Đẩy lùi bóng tối là những điều huyền hoặc, giáo điều, mê tín, bất công, lạc hậu, ngăn cản sự phát triển của con người.

- Ánh sáng là lý trí, tiến bộ và tự do.
- Con người tự bản chất luôn hướng về chân, thiện, mỹ.
- Mọi người đều bất khả xâm phạm, bình đẳng trước luật pháp và tự do cá nhân.

Xã hội càng văn minh, nhu cầu tự do dân chủ của con người càng tăng lên và có nhiều điều kiện thực thi hơn.

Đất nước chúng ta cũng không thoát ngoài quy luật ấy. Chúng ta đang xây dựng những thể chế nhằm phát huy tiếng nói người dân, mở rộng phản biện xã hội, nhưng cũng phải thấy rằng còn đó những lực cản, xuất phát từ tư duy của “một bộ phận” những nhà quản lý xã hội, những công chức nặng tính giáo điều, xem nặng cái riêng của mình hơn cái chung của cộng đồng, sợ hãi và phủ nhận tự do cá nhân.

Vết xe đổ của những nước Đông Âu thập niên 80 thế kỷ trước được một số nhà lý luận nhận định: “Những sai lầm nghiêm trọng dẫn đến sự sụp đổ hàng loạt nước xã hội chủ nghĩa thời gian qua có một trong những

nguyên nhân bắt nguồn từ chỗ coi tự do dân chủ là cái để ban phát, để mở rộng cũng được mà muốn khép lại lúc nào cũng được, thực hiện cũng được mà không thực hiện cũng được, phủ nhận hoàn toàn những thành tựu mà các nền dân chủ trước đã đạt được, phủ nhận yếu tố nhân loại trong các giá trị dân chủ.” (1)

Nếu xem dân chủ là biện pháp duy nhất tạo ra sự phát triển và hạnh phúc cho con người, thì chúng ta mới đảm bảo được mọi giá trị cuối cùng của sự phát triển được phân phối công bằng đến từng con người, lúc đó phát triển không chỉ là vấn đề chung của xã hội hay quốc gia mà còn là vấn đề riêng của từng cá nhân con người tạo nên tập hợp đó. “Tự do không chỉ là linh hồn của sự phát triển mà chính là sự phát triển”(2)

Nhân mùa Phật đản, chúng ta hãy đọc lại, xem từ ngàn xưa Phật đã dạy chúng ta những gì?

GIÁO LÝ PHẬT DẠY VỀ DÂN CHỦ

Ngay từ ngày Phật còn tại thế, Người đã khuyên các vị quốc vương như Ba Tư Nặc và Tần Bà Sa La trị nước và giữ nước bằng đạo đức nhiều hơn bằng hình phạt. Hình ảnh quốc vương cũng đồng thời là một vị Bồ-tát hộ pháp đã được tiếp tục xây dựng qua nhiều thế hệ. Vua A Dục là một người như thế sau khi chinh phục được toàn Ấn Độ, thấy được thảm cảnh bao sinh linh bị tàn sát, vua đã phát tâm quy y, hỗ trợ tự viện, Tăng đoàn, kết tập, đại hội Phật giáo, đã dựng trụ đá ca ngợi Phật và khuyến khích dân chúng tu học và làm lành.

Hình tượng mẫu mực cho những vị quốc vương khác noi theo, đó là hình ảnh Chuyển Luân Thánh Vương (Cakravartirājan), được mô tả như sau: “Đó là một vị vua thống suất quân ngũ, công minh (tiếng Phạn: dhārmika), một vị vua theo Chính pháp, có đủ bảy báu:

chiến xa, voi, ngựa, châu báu, cung phi, bách quan và tướng soái. Vua có một trăm con trai, đều là những thanh niên anh hùng và đẹp đẽ, có thể chiến thắng được quân đội của bất cứ kẻ thù nào.

Vua chinh phục đất đai rộng rãi cho tới bờ đại dương, rồi tháo bỏ tất cả những nguyên nhân gốc rễ đưa tới nghèo đói và bạo hành. Vua trị nước mà không cần trừng phạt, không sử dụng guơm đao mà chỉ sử dụng đạo đức, Chính pháp và phủ dụ. Tu tập Chính pháp cho tự thân, vua dạy cho hoàng hậu, cung phi và các vương tử cùng thực tập theo. Vua lại khuyên các đại thần bách quan tu tập theo Chính pháp, và khuyên dân chúng nên thực tập theo Chính pháp.

Vua thường tới lui thăm hỏi các vị Sa-môn và Bà-la-môn để tham vấn và học hỏi. Nếu trong vương quốc có những vị Sa-môn đắc đạo, tu hành thanh tịnh, có tinh tiến, có nhẫn nhục, không kiêu mạn thì vua phải tới tham vấn về các vấn đề thiện và ác, tôn trọng và vi phạm, nên gần gũi ai, nên không gần gũi ai, nên làm gì, nên không làm gì, thực tập theo những pháp môn nào mà có được hạnh phúc lâu dài. Vua biết chu cấp cho cô nhi, quả phụ, tôn trọng luật pháp cổ truyền .v.v...".(3)

Các vị cao tăng trong nước có bốn phận nhắc nhở các vị quốc vương hành xử theo Chính pháp, và các vị quốc vương biết rằng nếu được quần chúng Phật giáo yểm trợ thì việc cai trị sẽ dễ dàng hơn, cho nên các vị quốc vương ấy cố gắng đi theo con đường đức trị hơn là pháp trị. Vua Jayavarman VII của Campuchia cũng tin mình là một vị vua Phật, đã tạc tượng mẹ của mình dưới hình thức Bát-nhã Ba-la-mật, bởi vì theo Phật giáo, Bát-nhã Ba-la-mật là mẹ của chu Phật.

Vào thế kỷ thứ XX mà ở Thái Lan vẫn có vị vua tự gọi mình là Thánh Su Phật (Phra Phutticchao). Ở Việt Nam, vào đời Lý-Trần, các vua đều tu học, đều muốn noi theo con đường đức trị, và vai trò của các thiền sư hết sức quan trọng trong công cuộc hộ quốc an dân như Sư Vạn Hạnh hay đến vị vua thường được gọi là Phật hoàng Trần Nhân Tông đã dạy dân theo Chính pháp, lấy bản thân mình làm tấm gương cho mọi người: thoát vị, xuất gia, tinh tấn giới đức.

Trước khi Đức Thế Tôn rời thành Magadha (Vương-xá) đến Kusinārā (Cầu-thi-la) nhập diệt, vua Ajātasattu (A Xà Thế) sai vị đại thần Vassakāra (Vô Xá) đến thăm dò ý kiến của Đức Phật về mưu định của nhà vua muốn thôn tính nước Vajji(4). Đức Phật đã phân tích tính chất và thực trạng xã hội của quốc gia nhỏ bé sắp bị xâm lăng này:

- "Này Ananda, người có nghe rằng những người Vajji thường hội họp với số lượng đông đảo không?(5)
- Dân Vajji có đoàn kết khi hội họp, đoàn kết khi giải tán và đoàn kết khi làm việc không?
- Dân Vajji có sống đúng với truyền thống của dân

tộc, và tôn trọng những luật pháp đã được ban hành từ thời xưa không?

- Dân Vajji có tôn kính những bậc trưởng lão trong nước và nghe theo lời dạy của những vị này không?

- Dân Vajji có cưỡng ép những thiếu nữ và phụ nữ bất họ phải sống chung với mình không?

- Dân Vajji có thường xuyên dâng lễ ở các nơi thờ tự không?

- Dân Vajji có bảo vệ và tôn kính các bậc A-la-hán khiến các vị ấy tìm đến ở trong xứ để xứ sở được an lạc không?"

"Bạch Thế Tôn! Họ đi họp rất đều. Trong khi tụ tập, họ tụ tập rất đoàn kết và khi giải tán, họ giải tán rất hoan hỷ", ngài Ananda đáp.

"Tốt, Ananda, chừng nào người Vajjian thường hội họp với số lượng đông đảo, lúc ấy sự thịnh vượng của họ tăng thêm mà không suy giảm. Này Ananda, chừng nào người Vajji hội họp với nhau trong sự hòa hợp, chừng nào họ quyết định và làm việc với nhau trong sự hòa hợp, chừng nào họ giữ trọn luật lệ mà không có sự xáo trộn trật tự, chừng nào họ kính trọng và lễ bái những bậc trưởng thượng và vâng lời những bậc ấy; chừng nào phụ nữ và thiếu nữ của họ đi ra ngoài mà không bị sự hiếp bức, chừng nào họ tôn kính và lễ bái đền chùa của họ, chừng nào họ còn gìn giữ mà không khinh bỏ phong tục, chừng nào họ còn bảo vệ tôn kính và ủng hộ các bậc tu hành đạo đức, thì lúc ấy sự thịnh vượng của người Vajji tăng thêm mà không suy giảm".

Chính những lời dạy này đã làm cho vua Ajatasattu bỏ ý định chinh phục nước này vì sợ không thể thắng được một nước mà toàn dân sống tự do, đoàn kết dưới chế độ dân chủ. Chúng tôi nghĩ rằng dân tộc Việt Nam chúng ta nếu muốn thịnh vượng cũng không thể làm gì khác hơn là áp dụng những nguyên tắc dân chủ trên. "Bảy pháp bất thối" này có thể tóm tắt bằng những danh từ thời đại:

1. Sinh hoạt dân chủ,
2. Tinh đoàn kết dân tộc,
3. Nguyên tắc pháp trị,
4. Sự hòa hợp các thế hệ,
5. Tôn trọng phụ nữ,
6. Tôn kính các tín ngưỡng, và
7. Ưu đãi các bậc minh triết.

Đây là những yếu tố hình thành trọng lực quốc gia, nguyên tắc quy tụ lòng người, hợp quần sức mạnh mà dân Vajji đã có được. Cho dù quân xâm lược hùng mạnh có thôn tính được đất nước họ đi chăng nữa, cũng không sao thủ tiêu được bản sắc dân tộc và ý chí yêu nước của họ. Sau khi nghe bảy điều kiện của một quốc gia cường thịnh mà dân chúng nước Vajji đã hội đủ, đại thần Vassakāra xin cáo từ Đức Phật; biết vua xứ Magadha không thể nào chiến thắng được quốc gia Vajji, nên cuộc chiến không xảy ra.



HIỆN THỰC HÓA ƯỚC MƠ ẤY

Chúng ta hơn lúc nào hết cần phải hiện thực hóa ước vọng dân chủ ấy vì đó là tiền đề nền tảng xây dựng khối đoàn kết toàn dân, tăng cường cộng lực (synergy) của đất nước trước những hiểm họa của thời đại. Chúng ta phải cảnh giác trong thế giới đầy vọng tưởng và bạo động như hiện nay, chiến tranh khu vực diễn ra dù trên bình diện hẹp ở Ukraine và một vài quốc gia châu Phi đem đến đói khát, tật bệnh, những cuộc di tản của dân chúng sang châu Âu đầy hiểm nguy, liều lĩnh. Cuộc chiến tranh giữa dòng Sunni và Shiite trong đạo Hồi; giữa đạo Hồi và Cơ Đốc; “chiến tranh lạnh” giữa Nga và NATO đang diễn biến xấu, tham vọng chiếm trọn biển Đông của Trung Quốc gây nên nỗi bất an vì lòng tham của những kẻ bá quyền mơ “giấc mơ Đại Hán”, đang đẩy nhân loại đến bờ vực diệt vong.

Còn trong nước, tình trạng hành xử bạo lực giữa người với người, trong gia đình hay ngoài xã hội đã trở nên đáng báo động, không ngày nào không có án mạng (!) vì những lý do tù nghiêm trọng đến vô lý, như “đi nhầm phòng karaoke, xô nhầm dép, va quẹt xe...”.

Xưa Phật đã dạy: “Này các Tỷ-kheo, do dục vọng làm duyên, nên vua tranh chấp với vua, Sát-đế-lỵ tranh chấp với Sát-đế-lỵ, Bà-la-môn tranh chấp với Bà-la-môn, gia chủ tranh chấp với gia chủ, cha mẹ, anh em, bè bạn tranh chấp lẫn nhau. Khi chúng đã dẫn thân vào sự tranh chấp, chúng đánh nhau bằng tay, ném nhau bằng đá, đập nhau bằng gậy và chém nhau bằng guom. Do đó, chúng bị tử thương, hoặc ngắc ngư quần quai.”(5)

Sự tranh chấp sở dĩ xảy ra, nếu không do lòng dục thúc đẩy, thì cũng do sự cuồng tín cố chấp gây nên,

“Ác nghiệp chưa chín muồi,

Kẻ ngu tưởng đường mật.

Ác nghiệp khi chín thật,

Kẻ ngu chuốc khổ đau”.

(Pháp Cú, 69)

Trước tình hình ấy, ôn chuyện cũ mà lo chuyện nay, đọc lại lời dạy của Đức Phật hơn hai ngàn năm qua, chúng ta thấy Người đã có cái nhìn thấu thị từ ngàn xưa, về quy luật vận hành của thế gian và con người, về tư tưởng dân chủ và hướng thiện mà xã hội cần xây dựng trên nền tảng nhân bản và quan trọng tâm ấy. Chúng ta hiểu nguyên lý tương sinh, tương tức và cộng nghiệp. Chỉ có dân chủ mới đem lại giá trị cho con người và sức mạnh cho cộng đồng, mở rộng ra là đất nước.

Sử gia Ấn Độ Ramesh Chandra Majumdar gọi Đức Phật là vị Tổ của nền dân chủ bởi vì chính Người đã dựa trên cái gọi là truyền thống dân chủ trong nền chính trị Ấn Độ cổ xưa. Trong đó người ta được tranh luận cho điều phóng khoáng hơn là tuân theo sự phân

“

TINH THẦN DÂN CHỦ THẨM ĐẨM TRONG GIÁO LÝ NHÀ PHẬT THỂ HIỆN TRONG TƯ DUY, TRONG SINH HOẠT, TRONG PHƯƠNG PHÁP HÀNH TRÌ TU HỌC, TRONG QUAN ĐIỂM NHÂN DUYÊN VÀ NGHIỆP LỰC KHI MÀ XÃ HỘI THẾ GIỚI NÀY ĐẸP HAY XẤU, VUI HAY BUỒN, HÒA BÌNH HAY CHIẾN TRANH LÀ DO CON NGƯỜI VỚI TƯ CÁCH LÀ CHỦ THỂ TỪ BA NGHIỆP - THÂN, KHẨU, Ý MÀ RA...

”

loại chính trị theo những thể chế hẹp hòi. Tinh thần dân chủ thẩm đắm trong giáo lý nhà Phật thể hiện trong tư duy, trong sinh hoạt, trong phương pháp hành trì tu học, trong quan điểm nhân duyên và nghiệp lực khi mà xã hội thế giới này đẹp hay xấu, vui hay buồn, hòa bình hay chiến tranh là do con người với tư cách là chủ thể từ ba nghiệp - thân, khẩu, ý mà ra...

Những nhà lãnh đạo, nhất là giới chức cầm quyền, đều phải ý thức về điều này trong quá trình xây dựng tổ chức xã hội...Nơi nào sự bất công áp bức, mầm bất thiện còn tồn tại thì sự bất ổn vẫn tiềm tàng như mạch nước ngầm đang tuôn chảy nhưng nếu không hòa nhập vào nhánh sông ra biển mà thành lũ dữ sóng thần đe dọa phá vỡ con đê quyền lực. Phải khơi mạch dân chủ để mọi nguồn nước tuôn chảy vào dòng sông hạnh phúc và biển tự do. Được như thế, sức mạnh dân tộc nhân lên gấp bội!

(1) Vũ Duy Phú (chủ biên), Xã hội dân sự, NXB. Tri Thức 2013.

(2) Amartya Sen-Development as Freedom - Oxford University Press -2001.

(3) Kinh (Divyāvadāna)

(4) Vajji (tức Vriji): một bộ tộc theo thể chế Cộng hòa (Solas Mahajanapadas; republics), nơi giao thương giữa 16 Đại Vương quốc (Mahājanapadas: Great kingdoms), rất tiến bộ và thịnh vượng, thuộc miền Bắc lưu vực sông Hằng, một phần của miền Nam và Tây Nam Ấn Độ châu lục. Theo Anguttara Nikāya I, P.213; IV, PP.252, 256, 261: Phật giáo phát triển rất thịnh hành tại đây vào thời Phật tại thế.

(5) Anguttara Nikāya IV.

Tại sao chúng ta khổ vì thiên tai?

Không phải trời giáng tai họa, coi vạn vật như con chó rom, mà chính ác niệm của mình chính là động lực gây tai họa cho mình. Lực quán tính có tác dụng cả trong thế giới vật chất và cả trong thế giới tinh thần. Ác niệm hay tập khí bất thiện là thói quen tinh thần, là quán tính gây ra thiên tai và nhân họa cho chúng sinh.

Truyền Bình

Trong khi người Việt Nam hân hoan đón mừng một kỳ nghỉ lễ kéo dài hơn bình thường, kết hợp mừng lễ Giỗ tổ Hùng Vương mừng 10 tháng 3 Âm lịch (28/04/2015), lễ 30 tháng 4 và Quốc tế Lao động 1 tháng 5, công nhân viên được kỳ nghỉ lễ kéo dài cả tuần, có thể đi chơi đây đó một cách vui thích, thì tại Nepal một trận động đất 7,8 độ richter gây thảm họa cho người dân ở đây, khiến con số người chết do chính phủ Nepal xác nhận tới chiều ngày 30/04/2015 đã là 5.844 người, số người bị thương lên

tới 11.175. Tâm chấn nằm gần thủ đô Kathmandu của Nepal, tại khu vực lân cận của Ấn Độ và Tây Tạng đã có 80 người chết.

Tâm chấn nằm gần thủ đô Kathmandu của Nepal, rất nhiều nhà cửa sụp đổ tan tành, người chết và bị thương nằm la liệt khắp nơi, bị đè dưới đồng đổ nát.

Ngay từ thời cổ đại, Lão Tử đã vô cùng bất nhẫn trước cảnh khổ của vạn vật, ông phát biểu trong Đạo Đức Kinh:

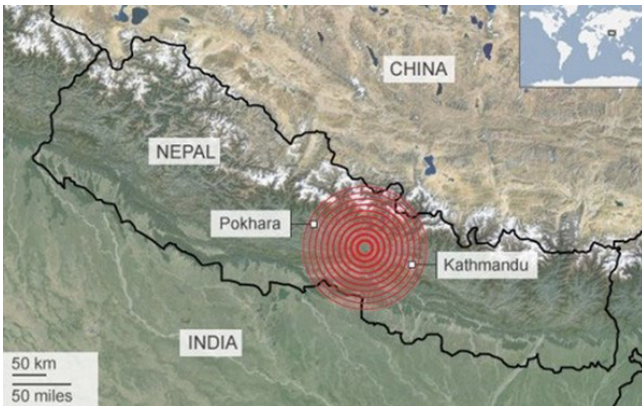
天地不仁 以萬物為芻狗

Thiên địa bất nhân dĩ vạn vật vi sô cẩu (Trời đất bất nhân coi vạn vật như con chó rom)

Chúng ta lấy câu nói của Lão Tử để mô tả cho tấm hình ở trên quả không sai chút nào. Vạn vật, con người, giống như con chó rom, chỉ là một thứ đồ chơi của tạo hóa. Nhưng nỗi thống khổ của con người thì không bút mực nào tả xiết, bị tan xương nát thịt, bị mất người thân, mất nhà cửa, bị thương, bị đói và rét, không nơi nương tựa. Nhiều nước đã cấp tốc tổ chức ngay những đoàn cứu trợ để giúp đỡ nhân dân Nepal, nhưng cũng chỉ xoa dịu được phần nào thôi, những mất mát người thân hay thương tật là không có gì bù đắp được.

Hàng ngày xem tin tức trong nước và thế giới, thấy cảnh khổ vì chiến tranh, bạo lực, thiên tai, tai nạn, nghèo đói...rất nhiều, không ngày nào không có. Hiện nay, khả năng sản xuất của loài người nói chung đã đạt tới mức dư thừa, thế nhưng nỗi khổ về mọi mặt, kể cả nghèo đói vẫn không bao giờ hết. Bây giờ chúng ta thử nêu câu hỏi, tại sao con người khổ?

Chiến tranh, bạo lực, thiên tai, nghèo đói từ đâu mà có? Từ xa xưa Phật giáo đã có câu trả lời: do chấp ngã và chấp pháp. Chấp ngã là cho rằng cái ta là có thật từ đó mà hại người lợi mình. Chấp pháp là cho rằng thế giới là có thật, từ đó con người có nhiều tham vọng tranh giành làm hại lẫn nhau, từ đó gây nhiều nghiệp chướng.



Động đất ở Nepal



Nhiều người chết và bị thương dưới đồng đổ nát sau động đất tại Nepal



Nguyên nhân xảy ra động đất theo khoa học giải thích, là quá trình chuyển động thường xuyên của các đường nứt chạy dọc biên giới phía nam của Nepal, nơi tiểu lục địa Ấn Độ va chạm với mảng kiến tạo Á-Âu 40-50 triệu năm trước. “Sự va chạm giữa chúng là một ví dụ tiêu biểu cho hoạt động địa chất”, nhà địa vật lý học Lung S. Chan, chuyên gia Đại học Hong Kong, nói. Mảng kiến tạo Ấn Độ đang dịch chuyển về hướng phía bắc của nó tới khu vực châu Á với tốc độ 5 cm mỗi năm. Theo Chan, về mặt địa chất, tốc độ này là rất nhanh.

Tác động đẩy nhau của các mảng kiến tạo sinh ra ma sát, tạo lực ép khiến năng lượng bị dồn nén cho đến khi lớp vỏ nứt vỡ. Theo chuyên gia Hongfeng Yang, trong trường hợp ở Nepal, mảng kiến tạo dịch chuyển về phía trước khoảng hai mét. Sau một trận động đất, các mảng kiến tạo tiếp tục di chuyển. Chan mô tả con động đất giải phóng năng lượng tích tụ, “giống khi ta mở nắp một bình nước đang sôi, năng lượng được phát tán ra, nhưng sau khi ta đậy nắp bình, quá trình tích tụ

Tánh tại Quảng Châu năm 676 CN thì thấy hai ông tăng đang tranh luận về vấn đề lá phướn tự chuyển động hay gió làm cho phướn động. Khoa học thì ít giải thích rằng gió làm cho phướn động. Ai cũng công nhận gió làm cho phướn động, nhưng đó là một giải thích thiên cận, chỉ có Huệ Năng thấy sâu xa hơn, ông nói:

不是風動，不是幡動，仁者心動 Bất thị phong động, bất thị phan động, nhân giả tâm động

(Không phải gió động, không phải phướn động, tâm của các ông động).

Như vậy theo ý của một bậc trí giả kiến tánh giác ngộ, tâm mới là nguồn gốc của mọi thứ chuyển động. Trận động đất Nepal đang xảy ra cũng như mọi trận động đất khác hay mọi thứ thiên tai, nhân họa đều có nguồn gốc là tâm cả. Phật giáo nói : Tất cả đều là do tâm tạo (Vạn pháp duy tâm). Nhưng nhận định này liệu có cơ sở khoa học gì không ? Trên blog Duy Lực Thiền đã trình bày rất nhiều cơ sở khoa học thuyết minh cho ý tưởng này. Trong bài viết này, để tránh lặp lại những điều đã nói đi nói lại rất nhiều lần rồi, chúng tôi tìm cách trình bày một cách khác đi chút ít với vài dữ liệu mới.

Erwin Schrodinger (1887-1961) là nhà vật lý người Áo, người có đóng góp cơ bản cho vật lý lượng tử, nói :

“What we observe as material bodies and forces are nothing but shapes and variations in the structure of space.” (Cái mà chúng ta quan sát thấy là thực thể vật chất và lực kết nối, không là cái gì cả, chỉ là bóng dáng và biến thể của cấu trúc không gian).

Giáo sư tiến sĩ Stuart



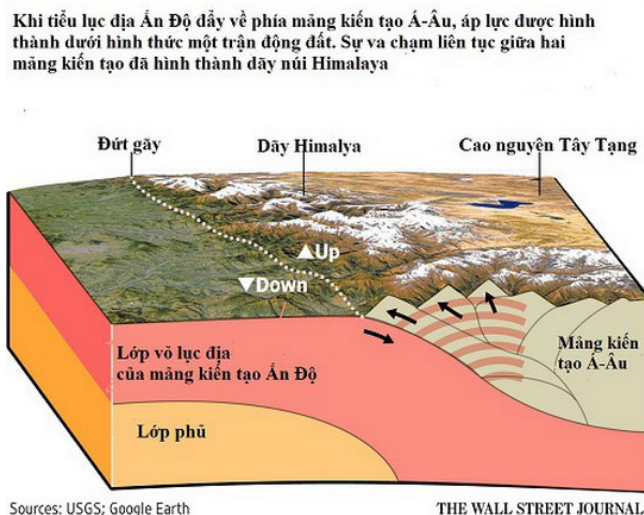
Erwin Schrodinger, giải Nobel Vật lý 1934 (cùng với Paul Dirac)



Giáo sư Stuart Hameroff của Đại học Arizona Mỹ

Hameroff, Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Ý thức của Đại học Arizona Mỹ, nói: “Atoms are mostly empty space as is most of the universe” (Nguyên tử hầu như chỉ là không gian trống rỗng, cũng giống như hầu hết vũ trụ).

Vậy ý của các nhà vật lý lượng tử muốn nói điều gì? Họ nói rằng nguyên tử cũng chỉ là một dạng cấu trúc không gian, nguyên tử thì



Sources: USGS; Google Earth

THE WALL STREET JOURNAL.

năng lượng lại bắt đầu”.

Đây là cách giải thích nguyên nhân động đất theo các nhà khoa học. Nó giải thích rằng năng lượng bị tích tụ do sự di chuyển, đè ép lên nhau giữa hai mảng địa chất, năng lượng đó tương đương với khoảng 20 quả bom nguyên tử mà mỗi quả bom lớn hơn gấp bội quả bom đã ném xuống Hiroshima năm 1945. Năng lượng khổng lồ đó khi vượt quá sức chịu đựng của lớp đất đá thì bùng nổ, gây gãy nứt mặt đất và rung lắc dữ dội tạo ra con địa chấn mà nhân loại đã thấy. Giải thích đó không sai, nhưng mang tính thiên cận và sẽ không bao giờ giải quyết được vấn đề thiên tai. Nó thiên cận vì mỗi giải thích được cơ chế của trận động đất, theo khuynh hướng duy vật, nhưng không biết được nguyên nhân thực sự của nó. Khi Huệ Năng đến chùa Pháp



Tiến sĩ vật lý Amit Goswami

trống rỗng, cũng giống như không gian. Họ chưa dám khẳng định rằng vật chất hoàn toàn là không có gì cả. Nhưng họ đã nhận thức rằng hầu hết nguyên tử vật chất cũng như không gian vũ trụ đều trống rỗng, gần tương tự như tánh Không của Phật giáo.

Một nhà vật lý khác, tiến sĩ Amit Goswami, người gốc Ấn Độ, thuộc Đại học Oregon.

Trong tác phẩm “The Self-Aware Universe: How Consciousness Creates the Material World” (Vũ trụ tự ý thức: Làm thế nào Tâm tạo ra Thế giới Vật chất- chữ Consciousness nên hiểu là Tâm bao gồm 8 thức để tránh nhầm lẫn với Ý thức chỉ là thức thứ sáu trong 8 thức) trong đó ông nói rằng Tâm không phải là vật chất nhưng là nền tảng của tất cả mọi tồn tại hay hiện hữu, kể cả vật chất và phi vật chất, trong sách ông dẫn chứng nhiều hiện tượng và thí nghiệm để chứng tỏ Vũ trụ vật lý của chúng ta cũng chính là Tâm, là Chính biến tri và có khả năng tạo ra thế giới vật chất.

Thầy Duy Lực cũng có nói về 3 đại lượng cơ bản : không gian, thời gian và số lượng vật chất như sau:

Trở lại với trận động đất, theo như ý của Huệ Năng thời xưa và đã được các nhà khoa học hiện đại xác nhận, Tâm có thể tạo ra thế giới vật chất, tạo ra vũ trụ vạn vật, các thiên hà, tạo ra thái dương hệ, quả địa cầu cùng với các mảng cấu tạo địa chất, tâm chính là động lực nguyên thủy kiến tạo các mảng địa chất và gây ra trận động đất, giống như Huệ Năng đã từng nói vào năm 676CN tại chùa Pháp Tánh, Quảng Châu, rằng: “Không phải gió động, không phải phước động, tâm của các ông động”

Hay có thể diễn tả cách khác, chính cộng nghiệp của chúng sinh, là sức mạnh tâm linh gây ra trận động đất, còn sự di chuyển của các mảng cấu tạo địa chất chỉ là biểu hiện bề ngoài của sức mạnh tâm linh đó mà thôi. Nếu chỉ biết lý giải một cách thô thiển như

kiểu hai ông tăng cãi nhau, thì sẽ không bao giờ giải quyết được thiên tai cả. Trên địa cầu có những vùng đất không hề có thiên tai hay nhân họa mà tôi đã từng giới thiệu, ví dụ làng Long Tuyền Cần Tho. Đây là vùng đất lành, cả trăm năm qua không gặp tai họa nào đáng kể. Suốt 30 năm chiến tranh Việt Nam rất ác liệt, nhưng chiến trận không diễn ra ở đây, chiến hỏa không chạm vào người dân ở đây. Bờ biển Việt Nam hàng năm phải chịu hàng chục cơn bão lớn nhỏ từ ngoài biển ập vào, nhưng trong cả trăm năm qua, tất cả mọi cơn bão đều tránh không đi qua làng Long Tuyền. Người dân ở đây không gặp bất cứ thiên tai nào đáng kể. Đó quả là một sự kỳ diệu. Trên trái đất có thể còn nhiều vùng đất khác cũng tương tự như vậy, không bao giờ hoặc rất ít gặp tai ương, người ta gọi đó là những vùng đất lành nhưng không hiểu tại sao lại lành.

Những sự kiện như vậy chỉ có thể giải thích bằng cộng nghiệp của cư dân. Các phật tử đều tin tưởng rằng tại Thế giới Tây phương cực lạc của Phật A Di Đà, không bao giờ có thiên tai, cõi đất bằng phẳng, đồng nhất, không có các mảng cấu tạo địa chất, không có gió bão, chỉ có gió nhẹ vi vu, không bao giờ xảy ra địa chấn. Lý do là vì tâm của chúng sinh ở cõi đó bình an, yên tĩnh. Tâm an thì thế giới an.

Đây không phải chỉ là ý kiến chủ quan, riêng lẻ của tôi, đây là một nhận thức cơ bản của Phật giáo mà các nhà vật lý lượng tử ngày nay cũng rất đồng tình. Có thể mượn lời kinh Hoa Nghiêm 華嚴經 nói:

若人欲了知 需觀心造 一切唯心造 心造即心造 心造即心造 心造即心造

三世一切佛 三世一切佛 三世一切佛 三世一切佛 三世一切佛

應觀法界性 應觀法界性 應觀法界性 應觀法界性 應觀法界性

一切唯心造 一切唯心造 一切唯心造 一切唯心造 一切唯心造

Trước thiên tai khổ ách mà nhiều cộng đồng dân cư trên thế giới gặp phải, việc cấp bách cần thiết trước nhất tất nhiên là cứu trợ nạn nhân, giúp đỡ xây dựng lại nhà cửa, cơ sở vật chất phục vụ sinh hoạt của họ. Nhưng về lâu dài, cư dân của những cộng đồng đó cũng phải hiểu rằng thiên tai không phải ngẫu nhiên mà đến, hay do trời giáng họa, mà tâm niệm của họ, nghiệp chướng của họ có phần trách nhiệm. Thiên tai có thể tránh được nếu họ biết tu tâm dưỡng tánh, sống hiền lương, không hận thù, không sát sinh hại vật.

Không phải trời giáng tai họa, coi vạn vật như con chó rom, mà chính ác niệm của mình chính là động lực gây tai họa cho mình. Lực quán tính có tác dụng cả trong thế giới vật chất và cả trong thế giới tinh thần. Ác niệm hay tập khí bất thiện là thói quen tinh thần, là quán tính gây ra thiên tai và nhân họa cho chúng sinh.



Tập tục tu báo hiếu học làm người vùng Bảy Núi

Mùa hè cũng là lúc cao điểm số đông thanh niên Khmer (đặc biệt là vùng Bảy Núi, An Giang) bắt đầu vào mùa tu báo hiếu. Đây là một tập tục truyền thống lâu đời mang ý nghĩa báo hiếu ông bà, cha mẹ theo tín ngưỡng Phật giáo Nam tông Khmer của đồng bào Khmer.

Trọng Bình



Người dân đưa con em đến nhập tu báo hiếu tại các chùa ở huyện Tịnh Biên (An Giang). (Ảnh: Trọng Bình)

Thanh niên Khmer ở tuổi từ 15 tuổi trở lên ai cũng phải tu báo hiếu. “Ai không tu sẽ bị xem là thiếu đức độ, không tôn trọng truyền thống và bị cộng đồng cho là một người mất nết” – anh Châu Vích Thi - cán bộ một cơ quan cấp tỉnh cho biết.

Còn theo Hòa thượng Châu Sơn Hy - Phó Trưởng Ban Trị sự Phật giáo An Giang, hoạt động tu báo hiếu một phần theo thói quen, tập tục truyền thống, một phần do bà con phật tử trong mùa hè có thời gian rảnh nhiều hơn. Nhưng quan trọng nhất là ai cũng muốn con em mình nhập tu trong mùa An cư Kiết hạ, cũng là mùa Vu Lan báo hiếu.

Tu báo hiếu không những có ý nghĩa bảo tồn văn hóa truyền

thống mà còn có tác động đến nhân cách đạo đức con người trong xã hội hiện đại. Ông Phan Văn Suong - Chủ tịch UBND huyện Tri Tôn thông tin: “Mặc dù tập tục tu báo hiếu đã có từ xưa nhưng nó không làm ảnh hưởng đến việc làm của thanh niên Khmer ở đây, kể cả những người làm việc trong các cơ quan nhà nước của huyện hầu hết ai cũng có thời gian đi tu. Tôi thấy rõ những cán bộ, viên chức trải qua khóa tu thì họ disiplin, chững chạc hơn; thái độ cũng nhu tác phong làm việc rất chuẩn mực. Đó là kết quả của những ngày học đạo ở nhà chùa. Tùy điều kiện, có người tu 1 tháng, 1 tuần, thậm chí 3 ngày, sau đó xuất tu, hoàn tục tham gia các hoạt động xã hội

bình thường”.

Người dân Khmer cho rằng, nhờ tu báo hiếu, thanh niên sẽ có được những bài học đạo đức căn bản trước khi bước ra đời sống xã hội, thấm thía giá trị quý báu của những bài học làm người từ các nhà sư trong chùa. “Tu báo hiếu của thanh niên Khmer ngày nay đúng với phương châm sống tốt đạo đẹp đời. Tu báo hiếu vừa phát huy nét văn hóa truyền thống, vừa thức thời với cuộc sống văn minh hiện đại” - ông Châu Kim Sêng - Phó Trưởng ban Dân tộc tỉnh An Giang nhận định.

Nguồn: <http://danviet.vn/net-viet/tap-tuc-tu-bao-hieu-hoc-lam-nguoi-vung-bay-nui-606005.html>



CHO ĐI LÀ

“nhận lại”



Có một cô gái trẻ chuyển nhà mới, cô phát hiện hàng xóm nhà mình là một phụ nữ nghèo goá chồng, sống với hai đứa con nhỏ.
Một ngày nọ, khu phố bị mất điện đột ngột. Cô gái trẻ phải dùng nến để thắp sáng.

Một lát sau, có tiếng gõ cửa. Hoá ra là đứa bé con nhà hàng xóm. Nó hồi hộp hỏi: “Cô ơi cô, nhà cô có nến không ạ?”

Cô gái trẻ nghĩ: “Nhà nó nghèo đến mức nến cũng không có mà dùng ư? Cho nhà nó một lần, lần sau lại sang xin nữa cho mà xem!”

Thế là cô gái xăng giọng: “Không có!”

Đúng lúc cô định đóng cửa lại, đứa trẻ nhà hàng xóm nghèo mỉm cười nói: “Cháu biết ngay là nhà cô không có mà!”

Nói xong, nó chìa ra hai cây nến và nói: “Mẹ cháu với cháu sợ cô chỉ sống có một mình, không có nến nên bảo cháu mang nến sang cho cô thắp sáng”.

Lời bình: Trong cuộc sống của chúng ta cũng sẽ có những lúc như thế. Dù con người sống trong hoàn cảnh khó khăn hay giàu có, đôi khi họ vẫn cần một sự an ủi, cảm thông hoặc giúp đỡ từ ai đó.

Cuộc sống xin đừng ích kỷ và hờn hĩnh, hãy biết lắng nghe âm thanh cuộc sống. Đôi khi cuộc sống lại cho ta một điều gì đó tốt đẹp mà ta không ngờ tới!

Người làm việc thiện chẳng bao giờ thiệt. Bởi “Bố thí là cửa để giành”.

Vũ Tất Tiến (sưu tầm và biên tập)



7 ĐIỀU CHIA SẺ KHI LÂM BỆNH



Sinh-lão-bệnh-tử (đạo Phật gọi là sinh-trụ-hoại-diệt) là một quy luật của tạo hóa, vì thế bệnh là một hiện tượng không thể tránh khỏi, đã mang thân người là có bệnh.

Vũ Tất Tiến

Mỗi chúng ta có thể trải qua một hay nhiều căn bệnh, không lúc này thì khi khác, không nặng thì nhẹ.

Nếu ai chưa một lần mắc bệnh thì đó là một hạnh phúc lớn. Nhưng ít ra, người đó cũng chứng kiến người thân của mình bị bệnh và tin chắc rằng, đến một lúc nào đó, mình cũng bị bệnh.

Bệnh là một hiện tượng rất gần gũi với con người mà chúng ta ít nhiều đều đã hoặc sẽ trải qua. Nói đến bệnh, ai cũng có thể nghĩ đến sự đau đớn, khổ sở, buồn bã, lo âu, sợ hãi... và vô số những tâm lý tiêu cực khác. Hễ bệnh là đau. Điều này không ai phủ nhận. Nhưng điều quan trọng là làm thế nào, dù đau (về thân), chúng ta đừng khổ (về tâm). Khi hiểu cuộc đời này là Vô thường theo giáo lý nhà Phật, nhất là đạo Phật lại là đạo Tâm, đạo Từ bi, thì chúng ta sẽ có cách nhìn khác bình tĩnh hơn, đỡ bi quan hơn khi đang mang bệnh hoặc phải sống chung với bệnh.

Xin chia sẻ đôi điều sau đây cùng Quý Bạn đọc:

1. Bệnh là cơ hội để nhận biết tín hiệu cơ thể. Khi bạn bị một chứng bệnh nào đó, bạn đừng vội buồn phiền và suy sụp tinh thần, thấy mình bất hạnh so với nhiều người khác. Bởi bệnh là một hiện tượng tất yếu phải đến một khi chúng ta mang thân làm người, nên

việc nó đến với người này, chưa đến với người kia, chỉ là vấn đề thời gian mà thôi.

Hãy coi bệnh là cơ hội để mình tiếp nhận tín hiệu của cơ thể báo cho mình biết có gì đó không ổn trong cơ thể. Ví dụ, khi thấy tức ngực, bạn biết cần phải đến bác sĩ khám bệnh để tránh hoặc chữa chứng bệnh mạch vành của tim.

Nếu chúng ta biết cách lắng nghe cơ thể để kịp thời nhận ra những thay đổi của cơ thể để có phương pháp xử lý phù hợp, chúng ta đã phần nào biết giữ gìn sức khỏe và đem lại niềm vui cho bản thân và gia đình. Một số bệnh hiểm nghèo, như ung thư, vẫn có khả năng chữa trị nếu được phát hiện ở thời kỳ đầu. Các bệnh khác cũng vậy. Do đó, sẽ không có gì đáng buồn khi chúng ta thấy cơ thể không ổn. Thay vào đó, chúng ta nên vui, nếu không vui thì cũng bình tâm, vì ít ra, mình đã nhận được tín hiệu cảnh báo của cơ thể để biết cách phòng ngừa (điều chỉnh chế độ sinh hoạt và ăn uống cho phù hợp với cơ địa mình) hoặc đến bác sĩ khám để chữa trị một căn bệnh nào đó...

2. Bệnh là dấu hiệu báo cho bạn biết rằng bạn cần điều chỉnh chế độ ăn uống và sinh hoạt để nâng cao sức khỏe. Thông thường, khi biết mình có bệnh, chúng ta thường dễ nảy sinh tâm lý tiêu cực. Bản năng sinh tồn thôi thúc con người muốn sống, nên khi mắc bệnh thì tinh thần suy sụp, buồn chán. Ai có tâm lý như thế có nghĩa là đang góp phần đáng kể vào việc hủy hoại thân thể mình và làm cho bệnh càng trầm trọng thêm mặc dù có sự can thiệp của các phương pháp trị liệu.

Rất nhiều chứng bệnh và cơn đau phát sinh do tâm lý căng thẳng. Các bệnh về tim mạch, huyết áp, dạ dày đều có liên quan đến tình trạng rối loạn tâm lý. Tâm lý không ổn định và mất cân bằng là một trong những nguyên nhân rất dễ làm rối loạn các quá trình

trao đổi chất trong cơ thể và gây nên bệnh. Do vậy, khi có bệnh, chúng ta cần nghỉ ngơi nhiều hơn, sinh hoạt điều độ, tránh lo nghĩ căng thẳng. Làm như vậy sẽ giúp cơ thể mau lành bệnh.

3. Khi bệnh đến, chúng ta thấy nhu cầu chăm sóc tâm thức và đời sống tinh thần nhiều hơn. Lúc đang mạnh khỏe, nhiều người thường chủ quan làm việc quá sức, phung phí sức khỏe, ít quan tâm đến đời sống nội tâm. Khi bị bệnh mới thấy đời sống tâm linh cũng quan trọng lắm, thế là quay về với đời sống tâm linh nhiều hơn, đi chùa lễ bái, cầu xin...

Một điều ít người nhận ra là khi có bệnh, nếu tinh thần mình vững vàng, tâm mình bình tĩnh không sợ hãi thì có cảm giác ít đau đớn hơn. Nghĩa là, thân bệnh thì thân đau, nhưng tâm không đau, không vì thân đau mà tâm phải khổ. Thật ra, khi thân đau, cũng chỉ có một vài bộ phận của cơ thể đau mà thôi. Nếu “mở rộng” nỗi đau ra toàn thân và lan đến cả tâm thì đó lại là một “căn bệnh” khác nan giải hơn cả bệnh lâm sàng mình đang mắc phải. Khi chúng ta để cái khổ của tâm gắn với cái đau của thân, thì cái đau khổ ấy nhân lên gấp đôi, sẽ thống thiết và nhức nhối vô cùng!

4. Bệnh nhắc chúng ta nhớ đến giáo lý của đức Phật, coi cuộc đời là vô thường. Sinh – lão – bệnh... rồi đến cuối chặng đường của một kiếp người là chết. Các giai đoạn này là quy luật diễn ra liên tục trong con người và mọi loài mọi vật. Một khi bị bệnh, chúng ta dễ dàng nhận ra rằng mình đang ở giai đoạn nào của đời người!

Ý thức về sự Vô thường của cuộc đời giúp chúng ta biết cách sử dụng và quản lý thời gian của bản thân, và điều chỉnh các mối quan hệ với những người xung quanh để có một cuộc sống thoải mái hơn, ý nghĩa hơn. Chỉ có những người trải qua cơn bạo bệnh mới hiểu được trọn vẹn sức khỏe “quý hơn vàng”, để rồi sau đó, họ không phung phí tài sản ấy.

5. Bệnh làm cho chúng ta tăng thêm tâm từ bi. Khi ta có bệnh, ta mới thấu hiểu nỗi đau của người khác nhiều hơn, nhất là những người mắc bệnh giống mình hoặc bệnh nặng hơn mình. Người xưa nói “đồng bệnh tương liên” (liên cũng có khi đọc là lân có nghĩa là thương xót), ý nói: “Cùng bị bệnh, cùng ở một hoàn cảnh giống nhau thì dễ thông cảm với nhau”, quả không sai. Trong đau đớn, chúng ta cảm thấy mình không đơn độc chống chọi với bệnh tật. Nghĩ đến những người cùng chịu nỗi đau giống mình hoặc hơn mình, chúng ta dễ dàng trải lòng thương yêu đến cả những người không quen biết đó.

Tâm đồng cảm, và chia sẻ với những người cùng bị bệnh có ý nghĩa rất lớn. Nếu chúng ta nuôi dưỡng tâm lành này, tức là chúng ta đang nuôi dưỡng tâm từ

“

Ý THỨC VỀ SỰ VÔ THƯỜNG CỦA CUỘC ĐỜI GIÚP CHÚNG TA BIẾT CÁCH SỬ DỤNG VÀ QUẢN LÝ THỜI GIAN CỦA BẢN THÂN, VÀ ĐIỀU CHỈNH CÁC MỐI QUAN HỆ VỚI NHỮNG NGƯỜI XUNG QUANH ĐỂ CÓ MỘT CUỘC SỐNG THOẢI MÁI HƠN, Ý NGHĨA HƠN”

”

bi của đức Phật. Nhờ đó, chúng ta sẽ có những hành động tích cực và thiết thực góp phần giúp người bệnh vui nhẹ nỗi đau bệnh tật. Thực tế, khi chúng kiến bệnh tật, thân nhân người bệnh cũng mở rộng tấm lòng và sự thông cảm đối với người bệnh.

6. Bệnh giúp chúng ta nuôi dưỡng tâm khiêm nhường và biết đủ. Khi bệnh đến, chúng ta mới sực nhớ ra rằng cuộc đời mình không phải là không có giới hạn. Khi bản thân mình hay người thân bị bệnh, chúng ta mới kịp nhận ra, ai cũng chịu sự chi phối của quy luật tự nhiên: sinh-lão-bệnh-tử.

Ý thức rằng mình không hơn gì người khác, ít nhất là trong quy luật tự nhiên này, giúp chúng ta có thể bớt đi lòng tham cầu hoặc sân hận một cách đáng kể. Qua một lần bệnh, giúp chúng ta biết cách tổ chức cuộc sống của mình hiệu quả hơn và tốt hơn, giúp chúng ta biết sống nhân ái hơn.

7. Bệnh giúp chúng ta có thêm ý chí và nghị lực để chống chọi với bệnh tật. Ý chí và nghị lực là kỹ năng sống cần được rèn luyện trong nhiều tình huống khác nhau trong cuộc sống. Thế thì tại sao mình bỏ qua cơ hội bệnh để rèn luyện kỹ năng này?

Bệnh là một hiện tượng nằm ngoài ý muốn của con người. Những điều chia sẻ nói trên, trong đó có sự liên hệ với giáo lý nhà Phật, chỉ là một vài “liệu pháp” hỗ trợ các trị liệu y khoa, làm cho bệnh mau lành và giúp người bệnh không hao tổn quá nhiều năng lượng để “chống chọi” với bệnh.

Nguyên tắc chung để chịu đựng và sống chung với bệnh (đối với các bệnh mãn tính và những thương tật vĩnh viễn do tai nạn) là khi thân đau, đừng để tâm khổ vì cái đau của thân.

Hãy coi bệnh như một “vị khách không mời” mà đến, và đối xử lịch sự với nó. Đừng xua đuổi vì một khi bị xua đuổi, nó sẽ kháng cự. Việc chúng ta cần làm là tạo một môi trường thích hợp nhất để nó tự ra đi. Hãy buông bỏ nó và xả hết mọi phiền não do nó gây ra, chắc chắn đến một ngày nào đó, nó sẽ tự ra đi không một lời từ biệt!



Chữ TÂM với nghề

Trên thế giới, chúng ta có vô vàn các nghề nghiệp khác nhau. Tại sao tôi làm nghề này? Tại sao anh làm nghề kia? Ờ cũng là...cái duyên. Có duyên rồi nhưng duyên với nghề tới đâu? Chắc hẳn có rất nhiều câu trả lời khác nhau, nhưng theo quan điểm của tôi, cái duyên với nghề dài tới đâu phụ thuộc vào cái Tâm của người làm nghề.

Để tiếp nối câu chuyện: cái Tâm với nghề, tôi xin chia sẻ với quý Phật tử về một nghề nhân Phung Văn Dich ở làng nghề mộc cổ truyền Bích Chu, An Tường, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc. Ông có chia sẻ, với ông, việc làm mộc không còn là để kiếm tiền mà đó là cả một niềm đam mê, chính bởi thế mà tất cả các đồ đặc bằng gỗ trong ngôi nhà của ông đều được tự tay ông và con trai mình làm ra. Với ngót ngét 50 năm sống với nghề mộc, thăng trầm cùng nó, đi tới biết bao vùng đất, làm rất nhiều công trình nhưng công trình ông tâm đắc nhất lại là một công trình rất gần gũi: ngôi đình làng thôn Bích Chu - quê hương ông.

Trước đó, ngôi đình bị xuống cấp nghiêm trọng về phần móng, khiến nền của ngôi đình bị thấp so với mặt đất, chính ông cùng đoàn thợ giỏi của doanh nghiệp mình đã cải tạo, nâng nền ngôi đình cao thêm 2,3m. Đây có thể nói là một thành công lớn bởi để thực hiện điều này

thì ở miền Bắc ít ai có được. Mỗi khi nhận được đơn đặt hàng, ông phải bàn bạc rất kỹ xem sẽ phải thực hiện như thế nào rồi mới tiến hành. Việc phục chế những chiếc ngai vàng, giường cổ, tủ thờ, án thờ cổ, những hộp sơn son... vật dụng càng nhỏ thì càng cần để ý mới có thể làm nên một bức tranh tổng thể về giá trị của nó. Do vậy, nhiều món đồ ông định làm mà chưa biết hết gốc tích thì phải nhờ đến các nhà khoa học đầu ngành để giúp đỡ để hiểu tường tận về món đồ đó ông mới bắt tay vào làm. Đối với những công trình về di tích thì việc khó khăn nhất chính là làm sao tái hiện được những vật dụng của một thời đại. Và để khôi phục lại một số di tích cổ đã hoang phế, người nghệ nhân phải có mẹo riêng. Đặc biệt phải có sự liên hệ mật thiết với các làng nghề thủ công truyền thống trong và ngoài tỉnh, bởi đối với những công trình cổ, để tìm được một vật liệu thay thế cũng rất khó, có những cột gỗ phải đặt mua từ trước đó

hàng năm trời mới được khúc gỗ phù hợp. Còn đối với việc tu sửa mái cho một số công trình, anh phải đặt hàng ở các làng làm ngói cổ nổi tiếng mới có được loại ngói ưng ý. Luôn tận tâm với nghề nên ông đã được đền đáp xứng đáng với công việc kinh doanh của mình, thêm nữa vào năm 2010, ông được công nhận danh hiệu "Nghệ nhân làng nghề Việt Nam".

Quý Phật tử có nhu cầu xây dựng, phục chế đình chùa, nhà thờ... có thể liên hệ tới:

Doanh nghiệp tư nhân mộc Bích Chu

Nghệ nhân: Phung Văn Dich

ĐT: 0912.882.075

**CƠ
SỞ
CHẾ
TÁC
ĐÁ
MỸ
NGHỆ**



DŨNG HÓA

Địa chỉ: Thôn Xuân Vũ, xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư, thành phố Ninh Bình

Điện thoại: 0912.100.532



Làng nghề Chạm khắc đá Ninh Vân thuộc Xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình đã có từ rất lâu đời, qua đôi bàn tay của biết bao thế hệ nghệ nhân, cùng với những thăng trầm của lịch sử vẫn được lưu truyền tới ngày nay.

Xưa kia, nghề đá chủ yếu chế tác ra những sản phẩm thông dụng như chậu cảnh, cối đá, tảng đá cỏ bông, những con giống làm cảnh. Ngày nay, nghệ nhân đá Ninh Vân sản xuất ra các sản phẩm có quy mô lớn, nặng tới nhiều tấn, với nhiều loại sản phẩm đa dạng như: tượng thờ, tượng đài, tượng nghệ thuật, bể cảnh, thống đá, các con giống, tứ linh, lư hương, cây đèn, cột trụ..

Với ưu thế về nguồn nguyên vật liệu đá tại địa phương, kỹ năng, bí quyết, và truyền thống nghề nghiệp, Cơ sở chế tác đá mỹ nghệ Dũng Hóa ra đời và phát triển nghề truyền thống của Ông, Cha

cho đến nay Dũng Hóa là một trong những cơ sở có bề dày kinh nghiệm về chế tác các sản phẩm đá nhận được sự tin tưởng của quý thầy, quý chùa cũng như quý Phật tử khắp nơi gần xa.

Với đội ngũ các nghệ nhân chế tác đá mỹ nghệ có tay nghề cao, đơn vị đã thi công nhiều những công trình lớn trọng điểm của nhà nước cũng như của tư nhân với rất nhiều sản phẩm đa dạng như:

- Cột đá, chân tảng đá, bậc thềm đá, tượng đá, chậu đá, cây đèn đá, bia đá, năng mộ đá, tháp tổ, lư hương, đỉnh hương, các con giống bằng đá...

- Chắp núi non bộ bằng đá từ cỡ nhỏ đến cỡ lớn

- Phục chế Đền, Chùa, nhà cổ bằng đá...

Để đỡ mất thời gian của quý khách, nếu cần cơ sở cho kỹ

thuật đến tận nơi để tư vấn.

Mang lại vẻ đẹp, sự bền bỉ với thời gian cho tất cả các công trình- đó là tâm nguyện lớn nhất của anh Phạm Trọng Dũng - chủ cơ sở cùng với tất cả các nghệ nhân đầy tâm huyết.

Cơ sở sản xuất:

Xã Ninh Vân – Huyện Hoa Lư – Tỉnh Ninh Bình

Cơ sở giới thiệu sản phẩm

Cơ sở 1: Xã Yên Bằng – Huyện Ý Yên – Tỉnh Nam Định

Cơ sở 2: Phố Nguyễn Văn Trỗi – Thị trấn Đồng Văn – Duy Tiên – Hà Nam

Cơ sở 3: Quận Ngũ Hành Sơn – Thành Phố Đà Nẵng
<http://damynghetrongdung.com.vn>

<http://www.damynghe-ninhbinh.com.vn>

Gmail: damynghetrongdung@gmail.com

XÂY DỰNG ĐÌNH CHÙA HOÀNG TUẤN PHÁT GIỮ GÌN NÉT VĂN HÓA TRƯỜNG TỒN VỚI THỜI GIAN

Đù chùa nhỏ hay lớn, đơn sơ hay hoành tráng, đều có chung một mục đích là: mang tính tác dụng giáo dục. Có thể nói chùa là “cái nôi, lò rèn luyện” chuyên đào tạo cho mọi người hướng thiện tu hành. Ngôi chùa có mục đích là nhằm đào tạo con người có được đời sống tâm linh phong phú và trên hết là chất liệu văn hóa tinh người. Đó là con đường hướng đến Chân, Thiện, Mỹ, mà những vị tăng ni đóng vai trò chủ chốt trong việc đào tạo.

Ngoài ra, ngôi chùa còn là một hình ảnh thân thương rất quen thuộc gần gũi với nếp sống hiền hòa của những người dân quê mộc mạc. Câu nói: “Đất vua, Chùa làng” đã cho ta thấy cái giá trị tín ngưỡng thiêng liêng trong tinh tự hài hòa gắn bó thể hiện trong nếp sống tình cảm chân chất đơn thuần của người dân quê. Vì chùa là mái ấm che chở ấp ủ nuôi dưỡng đời sống tâm linh của họ. Họ xem ngôi chùa như là một mái ấm gia đình chung.

Chùa là một biểu tượng thiêng liêng thấm sâu vào lòng dân tộc Việt từ ngàn xưa. Như nước thấm sâu vào lòng đất. Do đó, dù đã trải qua mấy ngàn năm thăng trầm, thịnh suy, vinh nhục, vật đổi sao dời, qua phân ly tán, nhưng hình ảnh của ngôi chùa vẫn mãi mãi hiện ngang hiện hữu tồn tại trong lòng người dân Việt.

Ngày nay, đời sống của con người được cải thiện, các ngôi chùa cũng được xây dựng nhiều hơn để đáp ứng những nhu cầu tâm linh của người dân. Giờ đây, một ngôi chùa thực sự đẹp là một ngôi chùa không những có cho mình những nét kiến trúc phù hợp với văn hóa dân tộc mà còn cần chắc chắn, đảm bảo về tính kỹ thuật của xây dựng.

Một đơn vị mà quý tăng ni phật tử có thể tin tưởng trong việc xây dựng đình chùa là Công ty TNHH Hoàng Tuấn Phát

Công ty chuyên thi công tu bổ các công trình đình chùa, nhà thờ, từ đường, nội thất đình chùa, gia đình, hàng sơn son thếp vàng, bạc... Với một số công trình tiêu biểu như: Chùa Am, Đức Thọ, Hà Tĩnh; chùa Vạn Phúc, Sóc Sơn, Hà Nội; đền Hai Bà Trưng, Mê Linh, Hà Nội; từ đường nhà ông Võ Văn Kiệt, Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh...

Phương châm của công ty là: đẹp về họa tiết, phù hợp kiến trúc, chuẩn về chất liệu, để công trình trường tồn với thời gian!

Thông tin liên hệ:

CTY TNHH HOÀNG TUẤN PHÁT

Địa chỉ: số 32 đường 3 Phủ Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội

Email: hoangtuanphat2013@gmail.com

Điện thoại: 0916 010 186



Lương Y Nguyễn Văn Tuyền Người Thần Tâm Đức

Sinh ra trong một gia đình bốc thuốc chữa bệnh, ngay từ nhỏ Lương y Nguyễn Văn Tuyền đã được tiếp cận và say mê tìm tòi các phương pháp chữa bệnh Đông y, cùng với cái Tâm trong nghề y đức là những hình thành ban đầu để cho ông có được những thành công sau này trong việc trị bệnh cứu người và chia sẻ với những hoàn cảnh khó khăn trong cuộc sống mang lại những giá trị sống cao quý.



Sinh ra và lớn lên tại ấp Ninh Thành, Phường Ninh Sơn, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xuất thân từ một sinh viên khoa Toán, ngay từ những ngày đầu học Đại học ông đã có những bài thuốc là nhiều người thần phục, người Thầy giáo theo nghề bấy lâu nhưng vẫn cháy niềm đam mê chữa bệnh bằng Đông y, ông quyết định nghỉ học để chuyển sang theo đuổi ước mơ bấy lâu nay của mình, mang đầu óc say mê. Tìm tòi, nghiên cứu ứng dụng thành công nhiều bài thuốc quý với những bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo, ông đã thành công trên nhiều bài thuốc khiến giới khoa học cũng phải kinh ngạc, dựa vào khả năng và kinh nghiệm của mình ông bảo chế và sử dụng những loại dược liệu từ thiên nhiên tốt và lợi cho người bệnh như đau xương, cơ, khớp, cho đến các bệnh hiểm nghèo như ung thư, gai cột sống, thoát vị đĩa

đệm... những ca bệnh hiểm nghèo đến với ông đều có được những kết quả mà chính họ và gia đình cũng không ngờ tới, xin điểm qua một vài những trường hợp bệnh rất nặng được ông chữa khỏi Như bà Ngô Thị Bảy ở Vũ Thư – Thái Bình bị ung thư tử cung đã mổ đến 2012 bệnh đã di căn đã chạy chữa tại các viện lớn, truyền hóa chất, xạ trị càng ngày khối u càng lớn năm 2014

bệnh viện K không chữa được chuyển sang bệnh viện Bạch Mai khi khối u lên tới 14, 7cm bệnh nhân rơi vào tình trạng hôn mê, khi gia đình đưa về nhà lo hậu sự thời gian sống chỉ còn tính bằng giờ qua thông tin biết đến Lương y Tuyền nhận thuốc và cho bệnh nhân uống, điều kỳ diệu đã xảy ra khi bệnh nhân nhanh chóng hồi phục và tỉnh lại 3 ngày sau đi chợ bình thường một thời gian sau khám lại bệnh hoàn toàn biến mất, trường hợp này làm kinh ngạc giới khoa học về khả năng của ông.

Và mới đây một bệnh nhân hết sức đặc biệt cũng được Thầy chữa trị đó là diễn viên, NSUT Hán Văn Tình bị ung thư vòm họng sau phát triển thành khối u quang cô sau khi xạ trị đã dùng thuốc của Thầy sau 4 ngày đã khỏe lại sau 20 ngày bệnh biến mất sau 4 tháng đã khỏe lại hoàn toàn những thành công đó còn rất nhiều nói dài mãi theo thời gian, nhân mùa Vu lan báo hiếu xin kính chúc Thầy và gia đình nhiều sức khỏe để ngày ngày đem lại cho cộng đồng những bài thuốc hiệu quả rất lớn.





Siêu thị Phật Giáo

Bồ Đề Duyên

Tại Hà Nội:

- 76 Quán Sứ, Hoàn Kiếm
- Chùa Bả A, Hoàng Liệt, Hoàng Liệt, Hoàng Mai

Chuyên phát hành:

- Tượng Phật, tù thờ, đồ đồng, đá quý, pháp khí Mật Tông
- Đá phong thủy, đồ phong thủy, quần áo...
- Kinh sách, băng đĩa, hương, trầm, chuỗi tràng, ngọc, hồ phách...
- Sắp đặt phòng thờ tại gia đình, cơ quan...

Hotlines:

0915 086 198 - 0933 672 222

Tại Quảng Ninh:

- 643 Lê Thánh Tông, Hạ Long
- Ban Thường trực Hội xuân Yên Tử, Uông Bí, Quảng Ninh

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU ĐÁ MỸ NGHỆ NINH BÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI NGHỀ TRUYỀN THỐNG



<http://ninhbinhstone.com/>

Hơn 400 năm tồn tại và phát triển, trải qua biết bao biến cố của lịch sử, dù trong thời bình hay chiến tranh loạn lạc làng nghề truyền thống đá mỹ nghệ Ninh Bình – Hoa Lư (Ninh Bình) vẫn là cái nôi của những sản phẩm chạm khắc hàng đầu Việt Nam.

Kế thừa và phát huy nghề truyền thống quê hương, Công ty cổ phần xuất nhập khẩu đá mỹ nghệ Ninh Bình được thành lập năm 2013 từ sự cải cách những hợp tác xã và cổ phần hóa 03 doanh nghiệp tư nhân xác nhập hợp thành. Hiện tại, hệ thống công ty CP XNK Đá mỹ nghệ Ninh Bình bao gồm nhiều công ty, doanh nghiệp tư nhân và hơn 08 xưởng chế tác lớn nhỏ tại làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân, tỉnh Ninh Bình; mỏ đá tại Hà Trung, Thanh Hóa; mỏ đá Phú Quý, Quý hợp Nghệ An...

Với mục tiêu luôn cung ứng ra thị trường cả trong nước và nước ngoài các sản phẩm điêu khắc nghệ thuật chất lượng tốt nhất mang đậm giá trị văn hóa, giá trị tâm linh, giá trị thẩm mỹ; công ty đã và đang đẩy



mạnh mở rộng quy mô và tìm kiếm những nghệ nhân tài hoa nhất. Bởi trong nghề chạm khắc đá, nghệ nhân phải hết sức chú trọng tuân thủ theo các quy định mực thiết nhất để bức tượng có hồn, thể hiện được sắc thái riêng. Vì thế, nghệ nhân phải có đôi bàn tay tài hoa, phẩm hạnh của người thợ đó là tâm đức, tâm hồn và tâm linh mới tạo ra được những bức tượng Phật, tượng Thánh... thể hiện sai nét của tác phẩm linh thiêng là điều cấm kỵ. Những sản phẩm tiêu biểu mà công ty cung cấp trên thị trường hiện nay gồm:

Sản phẩm điêu khắc trang trí: Tượng đài đá, đài phun nước đá nghệ thuật, tiểu cảnh, hòn non bộ, đôi cô biệt thự, nhà hàng... Sản xuất, cung cấp và thi công đá ốp lát, đá trang trí, các sản phẩm đá sử dụng cho lĩnh vực trang trí nội ngoại thất và hoạt động trong lĩnh vực cảnh quan công trình dân dụng và công nghiệp... Sản phẩm được sản xuất trên chất liệu đá quý hiếm nhập ngoại và những nguyên liệu nội địa được chế tác tinh xảo bởi những nghệ

nhân giàu kinh nghiệm, ở những làng nghề nổi tiếng về điêu khắc đá như Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Đà Nẵng...

Sản phẩm điêu khắc tâm linh: đồ thờ bằng tượng điêu khắc các loại, bia đá - mộ đá, lăng tỳ, tháp bi... phục vụ trong các khu lăng mộ, các đền, đình, chùa, nhà thờ... bằng các chất liệu đá có khả năng tồn tại với thời tiết khắc nghiệt và thời gian lâu dài.



Với những sản phẩm đá xây dựng công ty áp dụng công nghệ mới và tiên tiến nhất trong lĩnh vực chế tạo vật liệu xây dựng bằng đá, cung cấp đá 1x2, đá base A-B, đá học... cộng với đội ngũ công nhân viên lành nghề, nhiệt tình công ty luôn đáp ứng được chất lượng sản phẩm và tiến độ sản xuất, thi công.

Kế thừa truyền thống làng nghề quê hương, vẫn gìn giữ được những nét đẹp tinh tế nhất cũng như không ngừng phát triển, đa dạng hóa sản phẩm về chủng loại, mẫu mã... để đáp ứng được nhu cầu của xã hội trong thời kỳ hội nhập, Công ty CP XNK đá mỹ nghệ Ninh Bình đã và đang khẳng định được vị thế hàng đầu của mình qua các sản phẩm chạm khắc đã được khách hàng gần xa đón nhận.

HẢI LINH

"Con đường giải thoát" Bệnh trào ngược dạ dày thực quản

Được nhắc đến nhiều nhất trong thời gian gần đây, nổi lên như một vấn đề quan ngại từ lối sống vội vã, hối hả, chính là bệnh trào ngược dạ dày thực quản.

Bệnh trào ngược dạ dày thực quản là gì và dấu hiệu nhận biết như thế nào?

Bệnh trào ngược dạ dày thực quản là hiện tượng các chất dịch trong dạ dày vượt qua lỗ tâm vị (ngăn cách giữa dạ dày và thực quản) tấn công lên thực quản. Acid trong dịch vị chính là tác nhân trực tiếp gây ra tình trạng viêm thực quản và các triệu chứng: ợ hơi, ợ chua, ợ nóng (nóng rát vùng ngực, cổ, họng), buồn nôn, nôn, đau tức ngực, nhiều nước bọt, khàn giọng, đau họng, ho hen, khó nuốt, đắng miệng...

Liệu pháp 4T - "Con đường giải thoát" bệnh trào ngược dạ dày thực quản

Cả Đông y và Tây y đều công nhận lối sống đầy stress là một trong các nguyên nhân chính gây ra bệnh trào ngược dạ dày. Những căng thẳng tâm lý kéo dài như giận dữ, uất ức, lo nghĩ quá mức... tác động xấu tới chức năng sơ tiết của tạng Can (Mộc) và chức năng kiện vận của Tỳ (Thổ), từ đó cản trở chức năng giáng nạp thủy cốc của Vị và gây ra chứng khí nghịch (trào ngược lên trên).

Để giải thoát khỏi bệnh trào ngược dạ dày, người bệnh phải đi trên con đường của liệu pháp 4T. Đó là T1 - tinh thần thoải mái, T2 thực phẩm lành mạnh, T3 thể dục thể thao đều đặn, T4 thuốc, thực phẩm chức năng.

T1: Tư duy tích cực để giảm stress

- Đơn giản hóa cuộc sống,



giảm các nhu cầu

- Thực hiện lời Phật dạy: giảm tham sân si, tăng lòng nhân ái, từ bi hi xả, khiêm hạ, nhường nhịn, chân thật, bình đẳng, trầm tĩnh, vị tha... là cách để thanh tâm, ngừa stress.

- Còn nếu stress đã xảy ra thì hóa giải ngay bằng **tư duy tích cực**: Tục ngữ ca dao cũng có nhiều câu mang ý nghĩa tư duy tích cực như Thất bại là mẹ thành công, Sau cơn mưa trời lại sáng, Tiên trách kỷ hậu trách nhân, Trong cái rủi có cái may...

T2: Biết cách ăn uống khỏe dạ dày

Thức ăn có thể ảnh hưởng trực tiếp tới "sức khỏe" của dạ dày và thực quản. Việc lựa chọn thực phẩm đúng cần tuân theo 2 nguyên tắc sau:

- Lựa chọn những thực phẩm có thể trung hòa bớt axit: bánh mì, bột yến mạch...; đậm đặc tiêu.

- Tránh những thực phẩm gây tăng tiết axit hoặc kích thích thực quản: cà phê, cola, rượu, đồ uống có ga, socola và ca cao, bạc hà, đồ ăn nhiều gia vị, dầu mỡ..., đồ chua (cà chua, nước ép cam quýt), cay

(măng ớt), muối (dưa muối, cà muối)...

T3: Duy trì thể dục thể thao hàng ngày

Có nhiều phương pháp tập luyện nhằm nâng cao sức khỏe: tự xoa bóp, tập thở sâu khi mệt, căng thẳng, tập thái cực quyền, thiền định, khí công... Phương pháp tự xoa bóp "Cốc đại Phong" là phương pháp tự xoa bóp toàn thân từ đầu đến chân. Phương pháp này có tác dụng kép vừa của xoa bóp

vừa của vận động. Nó làm tăng tiết endorphin, một chất tác có tác dụng tăng miễn dịch, làm sáng khoái dễ chịu, tăng sức khỏe.

T4: Thuốc thực phẩm chức năng

Tuệ Đức Hoàn Nguyên Vị là sản phẩm Đông y đầu tiên dành riêng cho người bệnh trào ngược dạ dày. Được chất lọc từ nguyên lý điều trị của Đông y và cam kết chỉ sử dụng nguyên liệu 100% thảo dược Việt Nam, sản phẩm giúp giảm trào ngược, khỏe dạ dày, ngăn ngừa tái phát và phòng bệnh với người thường xuyên bị stress. Việc sử dụng lâu dài 2 viên Tuệ Đức Hoàn Nguyên Vị mỗi tối giúp chất nhầy bảo vệ và chức năng tiêu hóa của dạ dày được tăng cường, biểu hiện là ăn ngon miệng, ngủ sâu giấc.

Và trên tất cả, bí quyết lớn nhất để giúp bệnh trào ngược không tái phát là ở ý thức gìn giữ bản thân của mỗi người. Thầy thuốc tốt nhất là chính mình, hãy đừng bao giờ quên người thầy thuốc ấy.

Thực phẩm chức năng

Tuệ Đức Hoàn Nguyên Vị Giảm trào ngược - Khỏe dạ dày



**Tổng đài tư vấn bệnh trào ngược 1800 6658
Hotline 0984 190 861 / Website: tueduc.com**

**Sản phẩm không phải là thuốc,
không có tác dụng thay thế thuốc chữa bệnh.
Số xác nhận nội dung quảng cáo: 727/2015/XNQC-ATTP**

Tiền thân là Trung tâm khám chữa bệnh và ứng dụng công nghệ y học cao, Bệnh viện đa khoa Trảng An ra đời năm 2001 theo chủ trương xã hội hóa y tế của Đảng và Nhà nước ta. Trên cơ sở ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến Ngành y vào thực tiễn, Bệnh viện đã nâng cao chất lượng dịch vụ, giảm thời gian điều trị cho bệnh nhân, góp phần chăm sóc sức khỏe cộng đồng, giảm tải cho các bệnh viện công. Hơn 13 năm qua, Bệnh viện đã xây dựng “Thương hiệu Bệnh viện Trảng An” được đông đảo người dân Thủ đô và nhân dân cả nước biết đến, lựa chọn là địa chỉ chăm sóc sức khỏe uy tín và hiệu quả.



BỆNH VIỆN ĐA KHOA TRẢNG AN HƯỚNG TỚI SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG

Với đội ngũ Cán bộ Nhân viên 160 người, trong đó Giáo sư – Tiến sỹ 6 người, Thạc sỹ 2, Bác sỹ chuyên khoa II: 9, Bác sỹ chuyên khoa I: 21 người... Nhiều Bác sỹ là chuyên gia đầu ngành y tế từng đảm nhiệm các vị trí quan trọng trong các Bệnh viện lớn của nhà nước hiện đang công tác, cống hiến tại bệnh viện Trảng An. Với hơn 30% Cán bộ trong ngành Quân đội, Công an làm việc tận tâm, tận tình, hết lòng vì người bệnh.



Bệnh viện chú trọng phát triển các hoạt động chuyên môn: KCB nội trú, ngoại trú; Khám Bảo hiểm y tế; Khám sức khỏe cho người đi học đi làm, người lái xe ô tô, xe máy; Khám sức khỏe định kỳ cho các doanh nghiệp. Được phép của UBND Thành phố Hà Nội, Bộ Y tế, Sở Y tế và sự đồng thuận của Đại sứ quán các nước, Bệnh viện khám và cấp giấy chứng nhận sức khỏe cho người Việt Nam đi học tập, lao động tại 24 nước và vùng lãnh thổ trên thế giới.

Ngoài hoạt động chuyên môn, Bệnh viện cũng đặc biệt chú trọng đến các công tác xã hội hướng tới cộng đồng. Hàng năm, Bệnh viện đều tổ chức công tác khám sức khỏe và cấp thuốc miễn phí cho đồng bào vùng sâu, vùng xa thuộc Tỉnh Lạng Sơn, Phú Thọ, Hòa Bình... Khám và cấp thuốc miễn phí, chăm sóc sức khỏe cho các gia đình chính sách Thương binh Liệt sỹ, Thanh niên xung phong thuộc địa bàn Phường Quốc Tử Giám và Quận Đống Đa. Bệnh viện cũng

dành hỗ trợ đặc biệt cho các hoạt động từ thiện, cộng đồng khác như Chương trình góp sức vì Biển đảo quê hương; Hỗ trợ Quỹ trẻ em HIV AIDS của Thành phố Hà Nội...

Vì những nỗ lực hoạt động trong thời gian qua, Bệnh viện đã nhận được nhiều Bằng khen, Giấy khen của các tổ chức, cơ quan Ban – Ngành, UBND Thành phố Hà Nội trao tặng. Nhiều năm liền Bệnh viện vinh dự được Bộ Y tế trao tặng Danh hiệu Bệnh viện xuất sắc toàn diện.

SỨC MẠNH CỦA SIÊU NĂNG SINH HỌC DƯỚI BÀN TAY CỦA LƯƠNG Y ĐÀO ANH NGUYỄN

GẶP NGƯỜI CHỦ CƠ SỞ YHCT ĐÀO NGUYỄN ĐỂ TÌM VỀ MỘT PHƯƠNG PHÁP CHỮA BỆNH HIỆU QUẢ, KỶ DIỆU VÀ CÒN MỚI LẠ Ở VIỆT NAM

SỨC MẠNH CỦA SIÊU NĂNG SINH HỌC DƯỚI BÀN TAY CỦA LƯƠNG Y ĐÀO ANH NGUYỄN



Đã hơn 50 năm qua người Thầy này say mê tìm tòi, nghiên cứu xây dựng nên các phương pháp chữa bệnh bằng siêu năng sinh học độc đáo tại Việt Nam, nó hiệu quả, kỳ diệu nhờ áp dụng nhưng tinh hoa của y học hiện đại sự kết hợp tài tình giữa của thứ khoa học đòi hỏi cộng đồng muốn hiểu về nó phải có cái nhìn tường tận và thấu đáo, đã không ít người tỏ ra hoài nghi, đánh giá mơ hồ không xác thực và thậm chí coi đó là một phương pháp chữa bệnh tâm linh hay thần thánh hóa nó ở một mức độ buồn cười khác, đó là vì người ta không hiểu còn sự khẳng định qua điều đó là gì ? là sự cống hiến của người Cụu Bình già hơn 50 năm nay cùng con cháu xây dựng một phương pháp chữa bệnh bằng siêu năng sinh học mang tên "Bát Vị Linh Nhị Phương Đào Nguyễn" đã chữa trị thành công cho hàng ngàn bệnh nhân trong và ngoài nước, đủ các thể loại lứa tuổi và thành phần trong xã hội, hãy đến cơ sở đó một lần tôi nghĩ ai đó cũng sẽ phải động lại rất nhiều qua những bức ảnh thời gian với những bệnh nhân mắc các bệnh cột sống cong, gù, vẹo, liệt chi khiến cho đáng người không bình thường, cong vẹo đến đáng sợ mà dưới bàn tay của Thầy mọi thứ đã trở lại bình thường theo đúng nghĩa của từ Tái sinh, có những thứ kỳ diệu hãy cùng hiểu và nhìn vào những kết quả đã đạt được đó để thấy rằng cái mà ông đang làm là sự chau chuốt tỷ mỉ cho một hoạt động nghiên cứu khoa học và chữa bệnh, ông là người hiếm có về nó chỉ gần như duy nhất cho đến thời điểm này.

Chữa bệnh bằng năng lượng sinh học có những cái rất đặc biệt, ở đây Thầy chuyên về phục hồi chức năng Thầy sử dụng một con lắc thu năng lượng trên tay, mỗi vị trí trên bàn tay ứng với một bộ phận trên cơ thể qua con lắc rung quay và trạng thái của nó Thầy sẽ nắm được biểu hiện bệnh của mỗi người, nhiều người cứ lầm tưởng rằng thầy đoán nhưng không đúng, đó là sự ứng dụng các quy luật của khoa học vận dụng

vào đó nào là theo quy luật của Anhtan E = MC² (cụ thể hóa quy luật âm dương) rất tự nhiên, nhân văn, chính xác, thứ nữa là chẩn trị theo phương pháp sạch thông – cân bằng – kích hoạt riêng điều này chưa có cơ sở nào làm được, khám chức năng toàn bộ cơ thể bằng hàm số năng lượng tập mờ, nghiệm bằng cường độ tần số chuyển động và phát quang qua đó kết hợp giữa đông y và tây y đó là yếu tố hết sức quan trọng vận dụng quy luật triết lý âm dương để chữa bệnh nhưng lại sáng tạo ra phương pháp đoán biết và chữa trị mới hiệu quả rõ rệt hơn,

Thế mới hiểu để nhìn nhận về nó cần phải nhìn dưới góc độ khoa học, cách khám bệnh không bắt mạch, không động chạm đến cơ thể qua việc thu năng lượng của cơ thể dường như còn lạ lẫm, người bệnh cứ nghĩ rằng đã là chữa bằng đông y là phải bắt mạch, bốc thuốc nhưng chữa bằng siêu năng sinh học bệnh nhân không uống thuốc, không tiêm, châm, trích, thuốc được chuyển hóa dưới dạng năng lượng đi vào cơ thể rất mạnh mẽ và dữ dội khiến cho bệnh rối loạn chức năng nguyên nhân sinh ra các loại bệnh được chữa chỉ tận gốc, nếu chữa bệnh ở một cơ sở Tây y thì chỉ giải quyết được vấn đề tình thế bệnh sẽ bị lại và thêm nhiều bệnh khác nữa, khi kiểm tra bằng siêu năng sinh học

bệnh nhân sẽ biết được cơ thể thực của mình để có

phương án điều trị tận gốc bệnh mới mang lại một hiểu quả cao, người lớn, trẻ con, người già đều tham gia



chữa trị nó phù hợp với mọi đối tượng trong cộng đồng.

Để xây dựng được phương pháp này Lương y Đào Anh Nguyễn đã trả lời một câu hỏi bằng minh chứng rõ ràng nhất khi GS.TS Phạm Xuân Nghiên hỏi đây là phương pháp theo trường phái y học nào ? lương y chia sẻ : " đây là phương pháp gia truyền, chưa có trong giáo trình y khoa Việt Nam, các vị tiền nhân đã ứng dụng kế thừa kinh nghiệm và tích lũy đã hàng nghìn năm những mỗi nơi có một sự kế thừa và thực hiện khác nhau tôi là người kế thừa sự tâm và sáng tạo thành một phương pháp..."

Nhưng chia sẻ các công trình bài viết của ông còn rất nhiều chúng tôi sẽ gửi tới quý vị trong những số tiếp theo, quý vị quan tâm và chú ý theo dõi hay truy cập trang web daoanhnguyen.com để có cái nhìn rõ ràng nhất về một người thầy siêu năng sinh học tại Việt Nam



VŨ THỊ THUY - QUANG BÌNH

Gìn giữ

TRUYỀN THỐNG CHA ÔNG

Văn Miếu Quốc Tử Giám là một công trình mà mỗi người con Việt Nam đều biết tới, trong quần thể công trình kiến trúc của nơi đây hội tụ rất nhiều tinh hoa của các làng nghề truyền thống dân tộc. Trong số đó phải kể tới chiếc chuông "Nhà Thái học" được đúc liền khối bằng đồng nguyên chất tại cơ sở đúc đồng của nghệ nhân Nguyễn Văn Sính (Huế), có trọng lượng 1,97 tấn, chiều cao tổng thể là 2,34 mét, đường kính đáy là 1,28 mét. Quai chuông có hình đầu rồng thời Lê hướng ra ngoài; thân chuông trang trí hoa văn theo chủ đề "thư kiếm"; đáy được trang trí hình sóng nước và lá đề...

Hay như quý phật tử ở khu vực phía Nam đã từng nghe qua Niết Bàn tịnh xá (Vũng Tàu) với "Tượng Phật bà", "Bánh xe pháp luân" bằng đồng không rỉ tại thành phố Huế, rồi tượng đồng Trần Hưng Đạo đặt tại Công viên Vị Hoàng (TP.Nam Định) cao 10m, nặng 22 tấn; chuông chùa Bái Đính (Ninh Bình) nặng 30 tấn, cao 5,4m...nếu tìm hiểu sẽ biết tác giả của tất cả các công trình nổi tiếng ấy chính là nghệ nhân ưu tú, nghệ nhân dân gian Nguyễn Văn Sính. Tới năm nay cụ đã gần 80 tuổi nhưng hàng ngày cụ và những người con của mình vẫn ngày đêm miệt mài sáng tạo, giữ gìn nghề truyền thống cha ông để lại.

Cụ kể lại rằng nguồn gốc của dòng họ nhà cụ và nghề đúc từ làng Đồng Xá là ở



Bắc Ninh, khoảng năm 1600 thì di chuyển vào trong Huế dưới thời chúa Nguyễn Hoàng. Và từ đây, một làng nghề truyền thống ra đời rồi phát triển, tính tới nay đã hơn 400 năm, tới đời cụ là đời thứ 11 của dòng họ. Việt Nam có nhiều làng nghề truyền thống, cùng với sự phát triển, hội nhập chung của đất nước đã có nhiều làng nghề bị trôi vào dĩ vãng, tuy nhiên vẫn có những làng nghề đang tồn tại và ngày một phát triển. Có nhiều nguyên nhân dẫn tới vấn đề này, nhưng theo tôi, một nguyên nhân trong số đó là ý thức trân trọng và gìn giữ của những người con cháu đời sau với ông cha, với cái nghề tổ tiên để lại.

Gia đình cụ Sính có 2 người con trai, một là ông Nguyễn Phùng Sơn (sinh 1967) tốt nghiệp Trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng, ngành kỹ sư chế tạo máy, và ông Nguyễn Trường Sơn (sinh 1968), tốt nghiệp Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, là kỹ sư kim loại màu. Cả hai ông đều được cha mình nuôi nấng, cho học hành đầy đủ. Thời bấy giờ, những người học thức như 2 người con

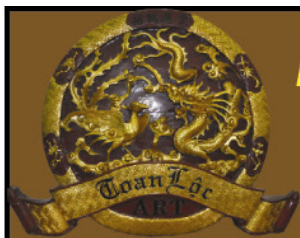


của cụ Sính không phải là nhiều, với học vấn của mình, các ông hoàn toàn có thể lựa chọn cho mình nhiều hướng đi khác. Nhưng cả 2 người con của cụ Sính sau khi học xong đều trở lại quê hương, cùng cha phát triển nghề truyền thống. Hiện nay ông Nguyễn Phùng Sơn đang mở doanh nghiệp đúc đồng ở Đồng Nai và đường Hồ Xuân Hương, TP.Huế và ông Nguyễn Trường Sơn đang phụ trách Cơ sở Đúc đồng Nguyễn Văn Sính ở 163 đường Bùi Thị Xuân, TP.Huế. Theo gót người cha của mình, các ông lại mang những nét tinh túy cha ông để lại cộng thêm những kiến thức mà mình học được đi khắp nơi trên đất nước Việt Nam, thậm chí ra cả nước ngoài để sáng tạo nên những tác phẩm tâm linh giá trị.

Một du khách Mỹ khi sang Việt Nam và thấy được công trình do cơ sở của cụ Sính đúc đã thốt lên rằng: nếu ở đất nước chúng tôi, làm như thế này thì phải cần 3-5 kỹ sư và phải huy động nhiều máy móc hiện đại, còn ở đây các bạn hoàn toàn làm thủ công,



thật đáng khâm phục! Thật đáng khâm phục! Thế mới thấy người Việt Nam ta khéo tay, giỏi giang biết bao nhiêu, nếu phát triển đúng cách thì sẽ có rất nhiều làng nghề có thể vươn xa. Sự phát triển của Cơ sở đúc đồng cụ Nguyễn Văn Sính quả thực rất đáng trân trọng và học hỏi. Làm sao vừa giữ được nghề mà còn phải phát triển nó thêm một tầm cao mới? Câu hỏi này là dành cho chính những người con, người thế hệ đi sau ở mỗi làng nghề. Suy rộng ra với những nét văn hóa truyền thống của cha ông, làm sao để giữ gìn nó, làm sao để "hòa nhập mà không hòa tan"? mỗi chúng ta đều cần nghĩ và tìm câu trả lời của riêng mình.



HTX SẢN XUẤT ĐỒ GỖ MỸ NGHỆ TOAN LỘC

ĐỒ GỖ MỸ NGHỆ CAO CẤP

Sang trọng, tinh tế, chất lượng hoàn hảo



Ông Nguyễn Duy Toan chủ nhiệm HTX sản xuất đồ gỗ mỹ nghệ Toan Lộc là đại diện tiêu biểu cho những nghệ nhân có tâm huyết và niềm đam mê phát triển truyền thống sản xuất đồ gỗ mỹ nghệ Đồng Kỵ.

Đến năm 2000, nắm bắt được nhu cầu của thị trường đang phục hồi, ông quyết định thành lập HTX sản xuất – kinh doanh đồ gỗ mỹ nghệ Toan Lộc để phục vụ tốt cho khách hàng trong và ngoài nước. Và từng bước đưa HTX Toan Lộc phát triển lớn mạnh đến ngày hôm nay.

Địa chỉ: Số 7 - A1A - KCN Đồng Kỵ - Từ Sơn - Bắc Ninh

<http://toanlocart.com/>

Hotline: 0913259546 hoặc 01253460898

Điện thoại: 02413833940

Hết lo viêm gan Chờ tình yêu của chồng

Khi được hỏi về vợ chồng Ông Trần Hồng Minh và bà Đinh Thị Liên, là phát tử ở Đạo tràng Hương Sen, chùa Phúc Thành, H.Yên Thành, Tỉnh Nghệ An không ai không cảm mến, trân trọng trước tình cảm vợ chồng bao năm nồng thắm, hạnh phúc. Ông vốn là trai Hà Nội gốc, bà là người miền trung, văn hóa và quan điểm sống khác nhau nhưng vì cùng hướng Phật nên họ rất tâm đầu ý hợp. Đặc biệt ông là người hết lòng quan tâm, chăm sóc vợ, là chỗ dựa tinh thần vững chắc giúp bà vượt qua thời gian khủng hoảng, khó khăn nhất để giành lại sức khỏe, sự sống và lạc quan, vui vẻ bên tổ ấm thân yêu của mình.

ĐỒNG HÀNH TRÊN CON ĐƯỜNG TRỊ BỆNH

Cách đây 2 năm, bà Liên liên tục bị những cơn đau bụng hành hạ. Bà ăn gì cũng không thấy ngon, lại hay đầy bụng, khó tiêu khiến cơ thể suy yếu. Lúc ấy bà cứ nghĩ là bị đau dạ dày nên chỉ uống thuốc giảm đau, trị viêm. Thế nhưng thấy tình trạng bệnh không mấy cải thiện nên vào viện khám tổng quát. Các chỉ số cho thấy bà Liên bị viêm gan virus B mãn tính và kê 3 tháng thuốc điều trị. Sau đợt

thuốc sức khỏe của bà không có dấu hiệu tiến triển khiến ông càng lo lắng hơn và đưa bà lên bệnh viện ở Hà Nội để kiểm tra. Bác sĩ kết luận bà có một khối u trong gan, kích thước 1,8 cm. Sinh thiết khối u người ta đã xác định bà bị ung thư gan nguyên phát và chỉ định điều trị bằng sóng cao tần RFA.

Tuy lo lắng nhưng ông vẫn rất lạc quan, giữ tinh thần thoải mái để động viên vợ. “Những ngày đi khám, rồi cả 5 ngày nằm điều trị tại viện, nếu không có niềm tin vào Phật, và chồng tôi ở bên động viên, chăm lo cho tôi chu đáo chắc tôi không hồi phục nhanh thế. Mỗi lúc đau đớn rồi sợ hãi, tuyệt vọng, tôi lại niệm A Di Đà Phật và nghĩ đến gia đình, tôi lại gắng vượt qua” Bà Liên xúc động nói.

CHĂM SÓC SỨC KHỎE PHẢI KHOA HỌC

Xuất viện về nhà, ông Minh luôn quan tâm đến chế độ ăn uống để giúp vợ mau chóng bình phục, đồng thời ông cũng chú ý tìm kiếm các sản phẩm hỗ trợ điều trị, tránh tái phát cho vợ.

Trái với tâm lý “có bệnh thì vái tứ phương”, ai mách gì dùng nấy, Ông Minh cực kỳ kỷ lưỡng và thận trọng trong việc chăm sóc sức khỏe cho

vợ. Với ông, trị bệnh không thể tùy tiện, bừa bãi được, do vậy mặc dù rất nhiều bà con họ hàng mách dùng loại cây này, thuốc lá nọ ông cũng không nghe, chỉ sợ tiền mất tật mang thì khổ lắm.

Tình cờ qua tìm hiểu tài liệu khoa học của Trà viết bởi PGS.TS Trần Ninh và chủ tịch hội Trà hoa vàng Nhật Bản Naotoshi Hakoda, ông Minh biết đến được liệu quý tốt cho bệnh gan và ung thư là Trà Hoa Vàng. Đặc biệt một số công trình nghiên cứu cho thấy loại trà quý này giúp giảm triệu chứng xơ vữa động mạch do máu nhiễm mỡ, điều hòa huyết áp, hạ đường huyết; chữa kiết lý, đại tiện ra máu... Tuy nhiên niềm tin của ông vào loại trà đặc biệt này chỉ thực sự được củng cố khi được một người anh em xa chia sẻ đã giảm được bệnh mỡ máu cao và xơ gan sau gần 10 tháng sử dụng Trà Hoa Vàng của Vicomax.

Theo ông Minh “*Cái hay của Trà Hoa Vàng là đã được nghiên cứu bài bản và có chứng minh khoa học về khả năng kiềm chế sự hình thành và phát triển của các tế bào u bướu tới 33,8%, khả năng giải độc gan và ngừa xơ vữa động mạch, cùng tác dụng dưỡng sinh rất phù hợp với*

người cao niên nên tôi và cùng tin tưởng và yên tâm để cả hai vợ chồng cùng sử dụng. Ngay sau khi đọc được thông tin này cùng sự giới thiệu của người quen, tôi đã tin tưởng lựa chọn và tìm mua cho vợ đúng sản phẩm Trà Hoa Vàng của công ty TNHH Phát triển Sản xuất và Thương mại Vicomax vì cam kết 100% thành phần từ trà hoa vàng của công ty, tôi và vợ uống đều đặn 1 ngày 4 túi trà đến nay đã hơn 1 năm rồi. Sau các lần tái khám đều thấy các chỉ số men gan trở về mức cho phép, virus viêm gan không tiến triển, khối u sau điều trị cũng không tái phát. Đặc biệt sức khỏe của bà nhà tôi tốt lên trông thấy, ăn ngủ tốt, tinh thần do đó mà cũng lạc quan, vui vẻ hơn nhiều. Bệnh cao huyết áp của tôi cũng vô tình thuyên giảm”.

Giờ đây, bà Liên vẫn ngày ngày đi Chùa cùng chồng và làm các công việc nhẹ nhàng, chăm sóc chồng con và các cháu. Thấy sản phẩm tốt, ông bà đã giới thiệu cho nhiều bà con trong vùng và Đạo tràng cùng sử dụng với hy vọng vừa khỏe mạnh dẻo dai lại vượt qua bệnh tật nhẹ nhàng mà không quá tốn kém như mình.

Hồng Lĩnh

Với tiêu chí hàng Việt cho sức khỏe người Việt, Công ty TNHH PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI VICOMAX đã ứng dụng các giá trị y học của Trà hoa vàng để đưa tới đồng bào Việt Nam và Khách hàng quốc tế sản phẩm: **Trà Hoa Vàng**

Công dụng

- Giảm cholesterol.
- Ngăn ngừa tiểu đường.
- Giảm nguy cơ xơ vữa động mạch.
- Giúp ổn định huyết áp
- Chống oxy hóa.
- Tăng cường chức năng gan, giải độc gan
- Duy trì trạng thái bình thường của tuyến giáp

Ai nên dùng sản phẩm Trà hoa vàng?

- Tất cả mọi người muốn có một sức khỏe tốt.
- Người cao niên mắc các chứng đau đầu, mất ngủ, chán ăn.
- Người sử dụng nhiều bia rượu dẫn đến hại gan, hại thận.
- Người mắc chứng rối loạn đường huyết.
- Người mắc các chứng rối loạn mỡ máu, các vấn đề tim mạch

Để biết thêm thông tin sản phẩm và đặt hàng, Phật Tử vui lòng liên hệ:

Công ty TNHH phát triển sản xuất và thương mại Vicomax

Địa chỉ: Đường 84 Kim Quan Thạch Thất Hà Nội

VP giao dịch: 240 Nguyễn Xiển, Q.Thanh Xuân, Hà Nội.

SĐT: 0462 592 379 * Hotline tư vấn: 0982 722 572 * Website: <http://trahoavang.vn/>

“Sản phẩm này không phải là thuốc và không có tác dụng thay thế thuốc chữa bệnh”





CÔNG TY TNHH TRẦM HƯƠNG BIỆN QUỐC DŨNG

Công ty TNHH Trầm Hương Biện Quốc Dũng là một công ty chuyên kinh doanh và sản xuất hương (nhang) trầm đồng thời là nơi cung cấp các sản phẩm thủ công mỹ nghệ với chất lượng đỉnh cao từ Trầm Hương thiên nhiên Khánh Hòa 100%. Hương Trầm Biện Quốc Dũng được sản xuất trên dây chuyền với quy trình công nghệ hiện đại. Trầm Hương Khánh Hòa không những nổi tiếng khắp cả nước mà còn lan tỏa trên thế giới. Linh khí đất trời và trầm tích văn hóa của quê hương xứ sở được kết tinh hội tụ trong trầm hương Khánh Hòa. Với niềm tự hào về quê hương xứ sở và khát vọng vươn ra thế giới. Công ty đã có những bước phát triển vượt bậc trong việc tạo ra các sản phẩm hương trầm với đa dạng thái : (hương tấm, hương không tấm, hương vòng, hương nụ, hương tháp,...).

Vòng trang sức: (vòng đeo tay, vòng đeo cổ...) tượng đẹp linh thiêng: (các loại tượng tâm linh, tượng nghệ thuật, tượng tôn giáo, tượng phong thủy...) trầm hương phong thủy: (các sản phẩm có kiểu dáng thiên nhiên với biểu tượng độc đáo được trưng bày trong nhà riêng, văn phòng...) tượng trưng cho sự thành đạt trong kinh doanh, sự thăng tiến trong sự nghiệp, sự may mắn hanh thông trong mọi hoạt động sản xuất, nghiên cứu, sáng tạo. Ngoài ra, còn là của Gia bảo là báu vật không thể thiếu đối với những Doanh nhân, những người thành đạt.

Công Ty TNHH Trầm Hương Biện Quốc Dũng là một trong số 75 doanh nghiệp được tôn vinh "Doanh nghiệp Việt nam đổi mới - sáng tạo" lần thứ nhất năm 2014; Tham gia dự án đúc tượng đồng Thánh Gióng Phù đồng Thiên Vương trong chương trình "Hào khí Thăng Long vì Hòa bình thịnh vượng".

Với phương châm chất lượng hàng đầu bằng sự phục vụ chuyên nghiệp bởi Hương Trầm Biện Quốc Dũng là một trong những sản phẩm đạt danh hiệu "Hàng Việt Nam chất lượng cao" cùng với thương hiệu "An toàn vì sức khỏe cộng đồng" tạo sự thân thiện bền vững với môi trường. Mỗi nén hương thơm là một nét văn hóa thiêng liêng là hình ảnh quê hương của bao người dân Việt, như một chiếc cầu nối thiêng liêng giữa cuộc sống hiện hữu của con người với cõi tâm linh trời đất. Công ty luôn lấy chữ "TÍN" làm nền tảng. Do vậy mọi hoạt động kinh doanh của chúng tôi đều được định hướng bởi một kim chỉ nam "UY TÍN" nhằm đảm bảo tính công bằng minh bạch và sự tôn trọng đối với quý khách hàng.



Tượng tâm linh



Hương Nụ (Tháp) Hương Vòng (Khoanh)



Hương Có tấm



Hương Không tấm



Trầm hương phong thủy



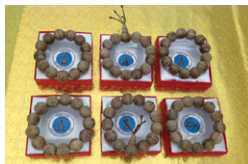
Máy xông trí năng trong xe hơi



Vòng đeo tay



Vòng đeo cổ



Mọi thông tin chi tiết xin vui lòng liên hệ với chúng tôi để nhận được những sản phẩm và dịch vụ tốt nhất.

Trụ sở chính: Ngã Ba Trong, Quốc lộ 1A, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa

ĐT: 0583.644567

Website: tramhuongbienquocdung.com

Niềm hạnh phúc của một người thợ cả đời đi xây dựng đình chùa là ngắm nhìn công trình của mình vững chãi cùng sông núi, nghe tiếng chuông văng vẳng chiều hôm, khung cảnh ngôi chùa tĩnh mịch, cổ kính... thật khôn tả xiết bao.



Tấm lòng vàng của

Người nghệ nhân xây dựng đình chùa

Đây hẳn là điều mà bác nghệ nhân Nguyễn Văn Khoan luôn luôn tâm niệm. Trong suốt quá trình làm nghề, điều mà bác luôn tâm đắc là bác đã thi công rất nhiều công trình đình chùa, và với tất cả công trình đình chùa bác đảm nhận, bác luôn làm với cả cái tâm của mình, không những góp sức, góp công mà còn góp cả tài chính cho các công trình đó, với mong muốn xây dựng một ngôi chùa, ngôi đình khang trang, để bà con có nơi chốn nuôi dưỡng đời sống tâm linh hằng ngày, đạo Phật có thể được hoằng



pháp rộng rãi hơn. ...

Mỗi chúng ta đều có những cách khác nhau để thể hiện lòng thành của mình với Đức

Phật. Truyền kể rằng, ngày xưa, đem cúng dường đèn để bày tỏ tôn kính trí tuệ của Phật, vua Ba Tư Nặc và quần thần thắp các loại đèn với các tinh dầu thơm sáng rực cả tịnh xá. Có một bà già ăn xin nghèo khổ ngày hôm đó chỉ xin được một muống dầu, đã đem muống dầu đó thắp đèn cúng Phật và lời đại nguyện sẽ thành Phật. Đức Phật đã thọ ký Phật qua cho bà. Tuy tài vật cúng dường ít ỏi nhưng chí nguyện tha thiết lớn lao đã tích một công đức vĩ đại. Còn với bác Khoan, điều mà bác có thể làm để thể hiện lòng thành của mình chính là luôn cố gắng làm tốt với mọi công trình đình chùa mà mình xây dựng. Và phải chăng, tấm lòng thành của bác cũng phần nào được đền đáp khi bác cùng với cơ sở của mình cũng đã đạt được những thành tựu nhất định trong nghề như: Cúp vàng làng nghề truyền thống Việt Nam và cúp vàng ngàn năm Thăng Long Hà Nội. Riêng bác Khoan đã vinh dự được công nhận là nghệ nhân làng nghề Việt Nam. Hiện nay, cơ sở của bác đang tạo việc làm cho khoảng 300 người lao động, với khoảng 180-200 thợ giỏi. Một số công trình tiêu biểu mà cơ sở bác đã xây dựng như: Khu đền Trần Hưng Hà, Thái Bình; cung Tứ phủ ở Huế, lăng danh thần Nguyễn Công Trứ, Tiền Hải, Thái Bình...

Giờ bác đã ở cái tuổi thất thập cổ lai hy nhưng hằng ngày bác vẫn miệt mài với niềm đam mê nghề nghiệp của mình. Từ tận đáy lòng, chúng tôi thầm chúc cho bác thêm khỏe mạnh để cùng với cơ sở của mình xây dựng thêm những công trình đình chùa đầy ý nghĩa, cống hiến cho người đời và cả cho con cháu đời sau những mái đình làng quê vững chãi, đẹp mà vẫn giữ trọn nét văn hóa quê hương.

Quý phật tử có quan tâm tới Cơ sở điêu khắc và thiết kế mỹ thuật của nghệ nhân Khoan có thể liên hệ theo địa chỉ:

Nghệ nhân:
Nguyễn Văn Khoan
Địa chỉ: xóm 2b, làng
An Phú, xã Hải Phong,
Nam Định
SĐT: **0912.075.857**

ĐÁ QUÝ CHO MỌI NHÀ

Ngọc, hay đá quý và một số loại đá bán quý, là các khoáng chất quý hiếm xuất xứ từ thiên nhiên có giá trị thẩm mỹ; màu sắc đẹp và thường là có độ tinh khiết cao; bên cạnh đó một tính chất quan trọng của ngọc là chúng thường có tính chiết quang và phản quang mạnh; có độ cứng lớn và phần lớn có khả năng chống ăn mòn. Ngọc có thể được ứng dụng trong nhiều ngành công nghiệp nhưng công dụng chủ yếu được biết đến nhiều nhất là để trang trí và làm các đồ trang sức, đặc biệt là nữ trang.



Tự cổ chí kim ở cả phương Đông và phương Tây, mọi người đều coi ngọc là tài phúc của tự nhiên, tượng trưng cho hòa bình, hữu nghị, may mắn, như ý, hạnh phúc, sức mạnh và quyền lực. Ngày nay, với màu sắc thần bí vốn có cộng thêm vẻ đẹp tự thân và giá trị kinh tế lớn, ngọc ngày càng có sức hấp dẫn không chỉ với thế giới quý tộc, người mẫu, những ngôi sao màn bạc và những nhà tạo mẫu mà cả đối với mọi người bình thường trên khắp các châu lục.

Ngọc được ứng dụng chủ yếu trong mỹ nghệ và trang sức, tuy nhiên một số loại với tính chất lý hóa đặc biệt có thể được ứng dụng trong khoa học kỹ thuật. Thần bí hơn, trong nhiều nền văn hóa người ta tin rằng một số loại ngọc có khả năng chữa các bệnh nhất định.

Hiện nay, nhiều chùa trên cả nước thường tôn tạo hoặc được phật tử tâm cúng tượng Phật bằng Ngọc hoặc bằng nhiều chất liệu đá khác nhau. Tuy nhiên, quý Phật tử cũng hết sức lưu ý về chất lượng của các loại đá quý tạo nên các sản phẩm này. Theo quan điểm của Phương Đông, Ngọc là tên gọi chung chỉ hai khoáng vật jadeit và nephrit. Còn theo quan điểm hiện đại, tất cả các loại đá quý khác cũng có thể được coi là ngọc nếu như nó đạt đủ các tiêu chí về: màu sắc, độ trong suốt, chất lượng ngọc,... tuy nhiên, với một người không phải chuyên gia thì thế nào là chất ngọc đẹp, ngọc như nào sẽ được coi là có chất lượng cao,... là một câu hỏi

không dễ trả lời.

Nhu cầu sử dụng ngọc, đá quý ngày một phổ biến, cùng với đó cũng có rất nhiều các đơn vị cung cấp sản phẩm giá trị này trên thị trường, để hiểu đúng và đủ về tính chất, tác dụng của ngọc, đòi hỏi người dùng phải thực sự hiểu biết, bên cung cấp ngọc cũng phải là một đơn vị uy tín. Một địa chỉ mà quý Phật tử có thể tin tưởng đó là **Công ty TNHH trang sức LD (VINAGEMS)** ở địa chỉ: số 22 đường Ngọc Hồi, Hoàng Mai, Hà Nội với các lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính là chế tác các tác phẩm nghệ thuật từ đá quý, ngọc, chế tác trang sức đá quý, tranh đá quý... và đặc biệt là các bức tượng Phật làm từ đá quý và ngọc do các nghệ nhân có kinh nghiệm và tay nghề chế tác. Nếu quý Phật tử có dịp ghé qua chùa Tăng Phúc ở Long Biên, chùa Cổ Lễ ở Nam Định, chùa Long Đọi ở Hà Nam... thì sẽ có thể thấy được các tác phẩm tượng Phật tinh xảo được tạo ra từ các nghệ nhân “thời hồn cho đá” của VINAGEMS.

Trực tiếp lãnh đạo và điều hành VINAGEMS là TS. Phạm Văn Long, một chuyên gia có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực đá quý và ngọc. Là người đầu tiên tại Việt Nam bảo vệ thành công luận án Tiến sĩ trong lĩnh vực Ngọc học, và đã có nhiều năm nghiên cứu về các loại hình đá quý ở Việt Nam. Với câu slogan đơn giản: “Đá quý cho mọi nhà”, Công ty VINAGEMS mong muốn với mỗi

khách hàng đến với Công ty đều có thể tìm được cho mình một sản phẩm ưng ý, từ những sản phẩm vài chục nghìn cho tới những sản phẩm giá trị hàng tỉ đồng. Đồng thời là phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký của Hội Đá cảnh - Đá phong thủy Việt Nam, TS. Phạm Văn Long và Công ty đang phấn đấu hàng ngày để cung cấp tới khách hàng những sản phẩm đá quý minh bạch, rõ ràng về nguồn gốc, hoàn mỹ trong tạo tác mà giá cả còn vô cùng hợp lý.

Thiết nghĩ, bên cạnh cái tâm tốt, chúng ta cũng cần trang bị cho mình cái “Tuệ” để tránh bị người xấu lợi dụng, sử dụng những sản phẩm kém chất lượng, có như vậy thì chữ “Tâm” mới thực sự vẹn tròn, công đức mới thêm phần viên mãn.

Địa chỉ showroom:

ĐÁ QUÝ CHO MỌI NHÀ

số 22 đường Ngọc Hồi, P. Hoàng Liệt,
Q. Hoàng Mai, Hà Nội

Tel: 0436473029, di động 0989728888

Website: www.vinagems.vn;

Email: info@vinagems.vn



THẢO DƯỢC THẦN KỲ

chữa

Bách hư bách tổn

Tôn giáo, cho dù thường nói về một thế giới nào đó ở kiếp sống sau, vẫn luôn nhấn mạnh và đề cao vấn đề sức khỏe ở trong thời hiện đại, xem sức khỏe là một trong các điều kiện cần thiết và tiên quyết cho một đời sống có ý nghĩa nơi cõi trần tục. Khổ đau và phương pháp đoạn trừ khổ đau là điều được nhắc đến đầu thường xuyên trong kinh sách Phật giáo.

Quan tâm của Đức Phật về những khổ đau liên quan đến đời sống con người đã trở thành một điểm trọng tâm trong giáo pháp của Ngài. Nó đã trở thành một "Thánh đề" trong giáo lý Tứ diệu đế, mà điều đó cho thấy rằng đời sống con người được nối kết không thể tránh được với những trạng huống gây nên đau khổ. Và trong nhiều những nguyên nhân gây nên khổ đau, bệnh là một vấn đề mà có lẽ mọi người đều cảm nhận được khi sống ở cõi đời này. Và nếu như bệnh là một nguyên nhân gây nên khổ đau, thì không bệnh hay có được sức khỏe tốt là một điều hạnh phúc.

Thấm nhuần được giá trị của Phật giáo về sức khỏe và con người, Công ty cổ phần dược thảo Thiên Phúc luôn đặt con người là nền tảng cho sự phát triển, là giá trị cốt lõi cho sự phát triển bền vững. Năm 2011, Công ty cổ phần dược thảo Thiên Phúc ra đời. Đây cũng là năm đánh dấu một mốc son cho nền dược liệu Việt Nam, khi lần đầu tiên chúng ta nuôi trồng thành công trong phòng thí nghiệm một loại dược liệu quý, một dược liệu mà trước đó chỉ nằm trong mơ ước của hầu hết người dân Việt Nam cũng như trên toàn thế giới – đó chính là Đông Trùng Hạ Thảo.

I: Vương dược Đông Trùng Hạ Thảo

Không phải ngẫu nhiên, Đông trùng Hạ thảo lại được mệnh danh là Vương dược. Được phát hiện từ hơn 1400 năm trước, Đông trùng Hạ Thảo được biết đến là vua của các loại dược liệu, Đông Trùng Hạ Thảo đã trở thành nức danh của các bậc đế vương Trung Hoa và chữa được "Bách hư bách tổn". Đông Trùng Hạ Thảo tự nhiên thường chỉ sống ở các vùng núi cao nơi có khí hậu khắc nghiệt như: không khí loãng, độ ẩm không khí cao, tiếp nhận nhiều tia tử ngoại của mặt trời, và có biên độ dao động nhiệt độ giữa ngày – đêm và các mùa lớn (Tây Tạng, Nepal) và số lượng vô cùng hạn chế.

Tới nay đã phát hiện được 700 loài sinh vật khác nhau có đặc tính như trên nhưng tên gọi dược liệu Đông Trùng Hạ Thảo thường chỉ được dùng cho hai loài đã được chứng minh có các hoạt chất sinh học quý là *Cordyceps sinensis* và *Cordyceps militaris*.

Với việc mang trong mình những thành phần dược liệu quý hiếm, Đông Trùng Hạ Thảo như là thần dược với công dụng cải lão hoàn đồng, hồi xuân sinh lực, có tác dụng "Bổ phế ích can, bổ tinh điển tủy, chi huyết hoa đàm"; "Bổ phế ích thận, bổ dưỡng tạng phủ"; "Tư âm tráng dương, khu bệnh kiên thân"; là thần dược "Tư bổ dược thiện", có thể chữa được "Bách hư bách tổn" với công dụng cụ thể của từng thành phần hàm chứa như sau

Thành phần đông trùng hạ thảo có chứa: 17 loại acid amin, là thành phần đạm thực vật quý hiếm, nhiều loại vitamin: A, B1, B2, B12, C, D, E, K...; nguyên tố vi lượng: Ca, Fe, Zn, Mn, Cu..., đặc biệt là:

+ Cordycepin: Có thể ức chế các tế bào ung thư, trì hoãn sự lây lan của tế bào ung thư

+ Adenosine: Ổn định huyết áp, tim mạch, tăng cường oxy trong máu

+ Selen: Chống lại tác hại của các gốc tự do, chống oxy hóa, ngăn ngừa quá trình lão hóa của cơ thể.

Và còn nhiều ứng dụng khác đang được nghiên cứu.

Đặc biệt đối với người trung niên và người cao tuổi, Đông trùng Hạ thảo có tác dụng làm đẹp da, chống lão hóa, ngăn ngừa nếp nhăn, giúp tăng cường sức đề kháng, tăng cường hệ miễn dịch, làm giảm Cholesterol trong máu và chống xơ vữa động mạch và nhiều giá trị khác cho việc giữ gìn và có một sức khỏe tốt hướng lạc cuộc sống hạnh phúc.

II: Đông Trùng Hạ Thảo - Công ty cổ phần dược thảo Thiên Phúc

Trước đây, Đông trùng Hạ thảo rất hiếm để có thể tới tay người tiêu dùng do đặc tính về khu vực sinh sống và giá trị của nó. Giá Đông Trùng Hạ Thảo Tây Tạng đang được bán với giá từ 1,2 tỷ - 1,8 tỷ cho 1 kg sản phẩm khô. Với những hàm lượng chất dinh dưỡng cũng như những dược liệu có giá trị, Đông trùng Hạ thảo đang thực sự được người sử dụng quan tâm sử dụng. Trước những giá trị và nhu cầu đó, năm 2009, dưới sự hướng dẫn của Ban cố vấn cấp cao là các Giáo sư, Tiến sỹ hàng đầu của ngành Y, Dược, Công nghệ sinh học Việt Nam cộng với năng lực và lòng say mê khoa học, Công ty Cổ phần dược thảo Thiên Phúc bắt đầu nghiên cứu và nuôi trồng Đông Trùng Hạ Thảo trong phòng thí nghiệm. Trải qua hàng ngàn lần thất bại thì đến năm 2011, công ty Cổ phần dược thảo Thiên Phúc đã công bố nghiên cứu thành công quy trình nhân nuôi Đông Trùng Hạ Thảo trong phòng thí nghiệm đồng thời lưu giữ được một số nguồn gen giống gốc Đông Trùng Hạ Thảo như: chủng *Cordyceps sinensis*, chủng *Cordyceps militaris*. Nhưng phải đến năm 2013, công nghệ sản xuất quả thể Đông Trùng Hạ Thảo chủng *Cordyceps militaris* trên nguồn cơ chất tổng hợp an toàn, sẵn có ở Việt Nam trên quy mô công nghiệp mới được hoàn thiện – đánh dấu một mốc son đáng nhớ cho ngành công nghệ sinh học Việt Nam. Hiện nay Đông trùng Hạ thảo đang được nuôi trồng ở Lâm Đồng mang lại nhiều hàm lượng giá trị các dược liệu hơn cả các vùng khác. Các sản phẩm tiêu biểu Đông Trùng Hạ Thảo Thiên Phúc dưới dạng: Tươi, Khô, Bột. Với định hướng của Ban cố vấn cùng với đội ngũ kỹ sư lành nghề, tâm huyết và hơn hết là cái "Tâm" với sức khỏe nhân loại, các sản phẩm Đông Trùng Hạ Thảo Thiên Phúc được nuôi trồng theo quy trình chuyên nghiệp, kiểm soát nghiêm ngặt, tuân thủ chặt chẽ các quy ước quốc tế về an toàn thực phẩm. Không những thế, Đông Trùng Hạ Thảo Thiên Phúc luôn ổn định ở dải chất lượng các hoạt chất Cordycepin: khoảng 4mg – 6 mg/g và adenosine khoảng từ 0,2 mg – 0,4 mg/g và các acid amin (17 loại), nguyên tố vi lượng: Al, Si, K, Na...; Vitamin: Vitamin B2, Vitamin C, Vitamin K, Vitamin A...; 28 acid béo luôn được giữ với hàm lượng cao nhất, bằng và cao hơn dược chất của Đông Trùng Hạ Thảo Tây Tạng.

Không dừng lại ở đó, đội ngũ nghiên cứu kỹ thuật của Công ty Cổ phần dược thảo Thiên Phúc sẽ còn dày công tìm hiểu để nâng cao hơn nữa thành phần hoạt tính quan trọng của Đông Trùng Hạ Thảo và tạo ra các chế phẩm từ loại dược liệu quý này. Công ty cổ phần dược thảo Thiên Phúc đang ngày càng cố gắng, nỗ lực bằng năng lực và bằng cái "Tâm" để đem đến những sản phẩm dược liệu tốt có giá trị cho người Việt.



Mọi thông tin về sản phẩm, sản xuất cũng như về công ty dược liệu Thiên Phúc, bạn có thể tìm hiểu tại web <http://duocthaothienphuc.vn/>. Địa chỉ Lô 11B, Lý Thường Kiệt, Hà Đông, Hà Nội. Số điện thoại 0916.979.925

ẤN ĐỘ



Thánh địa Phật giáo, điểm đến tuyệt vời để tu học và cầu nguyện

Du lịch tâm linh bao hàm hành trình văn hoá, tìm kiếm các giá trị truyền thống, giải tỏa những nỗi khổ niềm đau, trở về nguồn an lạc, tận hưởng niềm hạnh phúc và phước báu thật sự, rất cần thiết cho con người trong cuộc sống.

Công ty TNHH Lữ hành Sen Tuyết do nhóm Phật tử Sen Tuyết thành lập, hoạt động theo các mảng du lịch tâm linh quốc tế và lữ hành nội địa, lợi nhuận nếu có được làm Phật sự và từ thiện. Công ty luôn tổ chức các tour giá rẻ, chất lượng tốt, phục vụ nhiệt tình, chu đáo.

Thông qua từng chuyến đi du lịch, công ty muốn đưa mọi người tìm hiểu và gắn bó với thiên nhiên, con người với lịch sử, văn hoá truyền thống các dân tộc trên thế giới. Qua đó đưa bạn đến những nước



bình an, trải nghiệm cuộc sống tâm linh phong phú với các danh thắng du lịch nổi tiếng của Việt Nam, Ấn Độ, Thái Lan, Myanmar, các nước Châu Á, châu Âu, châu Mỹ...

Trong mỗi chuyến hành hương tâm linh do công ty tổ chức, quý khách còn được trải nghiệm những giây phút thư giãn, sinh hoạt tâm linh sống động vui tươi, giảm đi những căng thẳng lo âu, phiền não. Theo đó học được những bài học, triết lý nhân sinh, làm sao giải quyết công việc cho thật tốt, để thiết lập truyền thống lẫn nhau, kết bạn với mọi người khắp năm châu.

Các tour tâm linh có sự hướng dẫn của chư Tăng trong các cuộc hành trình. Để Phật tử có cơ hội được trở về đất Phật, công ty Lữ Hành Sen Tuyết tổ chức các tour hành hương với chi phí thấp nhất. Đặc biệt, tour Tứ Động Tâm (9, 10 ngày) chỉ có 28,2 triệu, tour tu tập ở Bồ Đề đạo Tràng (7 ngày) chỉ có 21,7 triệu.

Ngoài ra, vào mùa lễ hội, mùa Phật tử các nước hành hương về Bồ Đề đạo tràng tu tập thường thiếu chỗ nghỉ, đoàn Phật tử Việt Nam sẽ được công ty sắp xếp chỗ ăn nghỉ tại trung tâm tu học Viên Giác, tạo điều kiện cho Phật tử được tu tập tại Bồ Đề đạo tràng.



1. Tour Tứ Động Tâm (cơ bản) (10 ngày): Hanoi/Tp.HCM - Bangkok-Kolkata-Bodhgaya-Varanasi-Lumbini-Kushinagar-Patna-Kolkata- Bangkok-Hanoi/Tp.HCM. **Giá: 28.200.000^d**

2. Tour Tu Tập Và Cầu Nguyện tại Bồ Đề Đạo Tràng - nơi Đức Phật thành đạo (7 ngày): Hanoi/Tp.HCM - Bangkok- Kolkata-Bodhgaya-Kolkata-Bangkok-Hanoi/Tp.HCM. **Giá: 21.700.000^d**

3. Tour Tứ Động Tâm Và Thái Lan (thượng hạng), (11 ngày): Hanoi/Tp.HCM - Bangkok- Chiangmai- Bangkok- Kolkata-Patna- Kushinagar-Lumbini-Varanasi- Bodhgaya- Kolkata-Bangkok-Hanoi/Tp.HCM. **Giá: 42.300.000^d**
Và rất nhiều tour du lịch tâm linh giá rẻ, đặc sắc.

CÔNG TY LỮ HÀNH SEN TUYẾT

ĐT: 04.3632.0838 - Hotline: 0121.994.0580

19 Phan Bội Châu - P. Cửa Nam - Q. Hoàn Kiếm - Hà Nội

Email: luhanhsentuyet@gmail.com

Website: www.luhanhsentuyet.com

Phía Bắc: Chân Phương Diễm (Hà Nội): 091.231.8137

Phía Nam: Diệu Thân (TP.HCM): 093.808.1963

ÁP DỤNG LUẬT NHÂN QUẢ TRONG

ĐIỀU TRỊ BỆNH XƯƠNG KHỚP VÀ UNG THƯ

Bạn có biết?

Tại sao phụ nữ qua tuổi trung niên thường gặp các vấn đề về xương khớp? Trong quá trình sinh đẻ và nuôi con, người mẹ phải chia sẻ lượng canxi của mình cho việc xây dựng khung xương cho đứa con của mình, do đó độ canxi bị thấp đi, dẫn tới bị loãng xương, thoái hóa cột sống, gây nên cong vẹo cột sống, thoát vị đĩa đệm. Nếu coi cơ thể như một ngôi nhà thì cột sống chính là cây cột để chống đỡ cho cả ngôi nhà. Cột sống bị thoái hóa cũng như trụ của ngôi nhà bị mối mọt khiến cho ngôi nhà có thể bị đổ bất cứ lúc nào.



Khi tuổi cao, cơ thể bị lão hóa, cộng thêm chế độ ăn uống và sinh hoạt thiếu hợp lý sẽ dẫn tới máu xấu đi, tức là "công thức máu không ổn định". Một ví dụ phổ biến như máu nhiễm mỡ, mỡ máu cao sẽ gây xơ vữa động mạch; Lượng chất zetalin trong máu tăng là nguyên nhân chính dẫn tới suy thận, suy tim; máu đặc sẽ dẫn tới không thấm thấu được để nuôi khớp dẫn tới các bệnh về xương khớp. Hay phổ biến như bệnh ung thư thì chúng ta đều thấy nguyên nhân là do ăn nhiều chất không tốt cho cơ thể, uống nhiều bia rượu nhưng còn có một nguyên nhân dẫn tới ung thư phổi mà ít ai biết đó là: khi bạn không tập thể dục thương xuyên, có một số phế nang của phổi không được đưa oxi tới, điều này cũng có thể làm xuất hiện các tế bào ung thư ở phổi.

Trong đạo phật có một quy luật căn bản là Luật Nhân Quả, bất kỳ một sự việc gì xảy ra đều có nguyên nhân của nó. Vận dụng nguyên tắc đó, Đông y đã có rất nhiều các phương pháp điều trị các bệnh tật của con người hiệu quả, an toàn, trị bệnh từ gốc.

Trong cuốn Y Hải Cầu Nguyên, Hải Thượng Lãn Ông đã dạy:

**"Trị phong phải nhớ tiên trị huyết
Huyết thông phong sẽ tự diệt"**

Có nghĩa là trị khớp phải làm cho sạch huyết, đưa công thức máu về đúng tự nhiên, máu thấm thấu tốt xương sẽ hết đau.

Một địa tin cậy mà các quý phật tử có thể tham khảo đó là phòng khám đông y Hải Hưng ở Yên Phong, Bắc Ninh. Phòng khám của lương y Lưu Hồng Hải với các bài thuốc điều trị hiệu quả về bệnh xương khớp và ung thư. Phương pháp điều trị của phòng khám không chỉ được trong nước biết tới mà còn đang được trao đổi, cộng tác với một số tổ chức y tế của các nước tiên tiến trên thế giới.

Cụ thể như với bệnh xương khớp, nguyên nhân chính ở đây là do máu và do thiếu canxi, vì vậy điều cần làm là làm sạch máu và bổ sung canxi. Một số vị thuốc giúp làm sạch máu mà lương y Lưu Hồng Hải áp dụng như: cây tảo dương, cây đương quy... Còn về bổ sung canxi là một điều khá khó bởi vì tuy canxi có rất nhiều trong các đồ ăn của chúng ta hàng ngày nhưng không dễ gì để cơ thể hấp thụ và bổ sung đúng cho cột sống. Hiểu được điều cốt lõi này, phương thuốc mà lương y Lưu Hồng Hải sáng chế ra mang tên: "Trứng muối" đã khắc phục được vấn đề trên. Trứng rửa sạch vô trùng được chuyển hóa trong dung dịch là nước ép trái cây. Điều này sẽ giúp cho sự chuyển hóa, lên men, làm hòa tan và chia nhỏ các phân tử canxi (có trong vỏ trứng gà ta). Do vậy, canxi dễ dàng được đưa vào những nơi mà cột sống tổn thương, khôi phục lại cột sống như thời còn trẻ, từ đó bệnh đau cột sống và thoát vị đĩa đệm được khỏi tận vì vậy mà đã có rất nhiều bệnh nhân đã áp dụng và khỏi bệnh. Việc điều trị từ gốc sẽ giúp bệnh khỏi dứt điểm và hạn chế nguy cơ tái phát.

Còn với bệnh ung thư, phương pháp mà phòng khám sử dụng mang tên: "Định vị ung thư". Khi bị ung thư, các tế bào ung thư lan tràn khắp cơ thể theo đường máu. Phòng khám đông y của lương y Hải đã dùng các vị thuốc nam, khi uống nó sẽ đẩy các tế bào ung thư về tập trung ở khối u bướu bị ung thư rồi dẫn chết đi và được thải ra khỏi cơ thể. Nhờ đó, ung thư không tràn lan được tới các vị trí khác trong cơ thể. Vì vậy, phương pháp "Định vị ung thư" đạt hiệu quả rất cao trong việc phòng chống ung thư ở giai đoạn sớm. Với phương pháp này, rất nhiều các phật tử trên cả nước đã được chữa khỏi bệnh.

Để có thể hiểu hơn về phương pháp chữa bệnh đặc biệt của lương y Lưu Hồng Hải và phòng khám Hải Hưng quý phật tử có thể liên hệ tới:



**Lương y Lưu Hồng Hải: 0912.458.909 hoặc 0979.304.508
Địa chỉ: thôn Chính Trung, xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh**

VĂN HÓA THẮP NHANG KHI ĐI LỄ CHÙA

Nhiều người Việt trong các ngày rằm, mùng một, ngày lễ tết... cùng những ngày có việc quan trọng thường đến chùa lễ Phật với tấm lòng thành kính nhờ nghiệp lực vô biên của Phật, chư vị Bồ Tát, các bậc thánh hiền mà được thiện duyên, giác ngộ, mong tâm được thanh tịnh, đạo được mở mang, tai qua nạn khỏi, cuộc sống ấm no hạnh phúc.. ước vọng chính đáng ấy được thể hiện khi chúng ta đến trước điện đài của Phật thắp một nén nhang và thành tâm cầu nguyện.

Thắp nhang cúng Phật là một lễ nghi cần thiết trong Phật giáo và là truyền thống lâu đời từ ngàn xưa của người Việt Nam, nhưng nếu đốt quá nhiều đến ngột ngạt, ảnh hưởng đến sức khỏe, không gian thanh tịnh và tu học thì không nên. Để giảm bớt khói nhang, một số chùa đã cho người chủ động rút hết nhang đem đi dập tắt, hoặc để bát hương lớn ngoài trời nhằm cầm nhang ra ngoài v.v... nhìn chung đều mang tính tạm thời. Giải pháp căn cơ nhất cho vấn đề này chính là sự chung tay góp sức của cộng đồng, nỗ lực từ ý thức của chư Tăng khi đến chùa lễ Phật. Bên cạnh đó tại mỗi chùa cũng nên có những hướng dẫn và tuyên truyền cụ thể về nghi lễ thắp hương cho người đi chùa, không nên để cho người đi chùa dâng hương, lễ bái tùy tiện theo thói quen mà cần phải tận tình hướng dẫn họ tuân theo nề nếp thiền môn quy củ. Hơn bao giờ hết, chúng ta cần nhớ lại lời huấn thị của Đức Pháp Chủ GHPGVN - Trưởng lão HT. Thích phổ Tuệ tại đại hội đại biểu Phật Giáo toàn quốc lần thứ VII “Tăng ni, Phật tử phải tự thân làm tốt mọi Phật sự của mình thật đúng nghĩa, không ngại biện với tinh thần tùy duyên nhưng bất biến, bất biến tùy duyên. Có làm được như vậy mới xứng đáng với lịch đại tổ sư và các bậc tiền bối đã hi sinh cả đời mình vì đạo pháp, vì dân tộc”! Trách nhiệm của Tăng Ni, giáo hội trong việc hướng dẫn người đi chùa có những ứng xử văn hóa, đúng nghĩa với tinh thần chánh tín của Phật, thiết nghĩ là một trong những Phật sự như thế.

Trên điện Phật, đốt một cây nhang trầm hay xông một lò trầm hương là quá đầy đủ để tạo nên không gian tâm linh lý tưởng nhất cho việc lễ bái, cầu nguyện, lắng lòng thanh tịnh, thăng hoa tuệ giác và tâm linh.

Trên đây là một vài lời ngỏ ý, rất mong đón nhận được sự đồng lòng chung tay góp sức của tất cả các Phật tử để giữ gìn các ngôi chùa có một không gian thanh tịnh, trong lành.



CÔNG TY TNHH TRẦM HƯƠNG BIỆN QUỐC DŨNG

Công ty TNHH Trầm Hương Biện Quốc Dũng là một công ty chuyên kinh doanh và sản xuất hương (nhang) trầm đồng thời là nơi cung cấp các sản phẩm thủ công mỹ nghệ với chất lượng đỉnh cao từ Trầm Hương thiên nhiên Khánh Hòa 100%. Hương Trầm Biện Quốc Dũng được sản xuất trên dây chuyền với quy trình công nghệ hiện đại. Trầm Hương Khánh Hòa không những nức tiếng khắp cả nước mà còn lan tỏa trên thế giới. Linh khí đất trời và trầm tích văn hóa của quê hương xứ sở được kết tinh hội tụ trong trầm hương Khánh Hòa. Với niềm tự hào về quê hương xứ sở và khát vọng vươn ra thế giới. Công ty đã có những bước phát triển vượt bậc trong việc tạo ra các sản phẩm hương trầm với đa dạng thái : (hương tẩm, hương không tẩm, hương vòng, hương nụ, hương tháp,...).

Vòng trang sức: (vòng đeo tay, vòng đeo cổ...) tượng đẹp linh thiêng: (các loại tượng tâm linh, tượng nghệ thuật, tượng tôn giáo, tượng phong thủy...) trầm hương phong thủy: (các sản phẩm có kiểu dáng thiên nhiên với biểu tượng độc đáo được trưng bày trong nhà riêng, văn phòng...) tượng trưng cho sự thành đạt trong kinh doanh, sự thăng tiến trong sự nghiệp, sự may mắn hanh thông trong mọi hoạt động sản xuất, nghiên cứu, sáng tạo. Ngoài ra, còn là của Gia bảo là báu vật không thể thiếu đối với những Doanh nhân, những người thành đạt.

Công Ty TNHH Trầm Hương Biện Quốc Dũng là một trong số 75 doanh nghiệp được tôn vinh “Doanh nghiệp Việt nam đổi mới - sáng tạo” lần thứ nhất năm 2014; Tham gia dự án đức tượng đồng Thánh Gióng Phù đồng Thiên Vương trong chương trình “ Hào khí Thăng Long vì Hòa bình thịnh vượng”.

Với phương châm chất lượng hàng đầu bằng sự phục vụ chuyên nghiệp bởi Hương Trầm Biện Quốc Dũng là một trong những sản phẩm đạt danh hiệu “Hàng việt nam chất lượng cao phù hợp tiêu chuẩn” cùng với thương hiệu “An toàn vì sức khỏe cộng đồng” tạo sự thân thiện bền vững với môi trường. Mỗi nén hương thơm là một nét văn hóa thiêng liêng là hình ảnh quê hương của bao người dân Việt, như một chiếc cầu nối thiêng liêng giữa cuộc sống hiện hữu của con người với cõi tâm linh trời đất. Công ty luôn lấy chữ “TÍN” làm nền tảng. Do vậy mọi hoạt động kinh doanh của chúng tôi đều được định hướng bởi một kim chỉ nam “UY TÍN” nhằm đảm bảo tính công bằng minh bạch và sự tôn trọng đối với quý khách hàng.



Tượng tâm linh



Hương Nụ (Tháp) Hương Vòng (Khoanh)



Hương Có tẩm



Hương Không tẩm



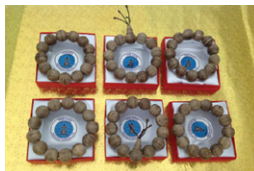
Trầm hương phong thủy



Máy xông trí năng trong xe hơi



Vòng đeo tay



Vòng đeo cổ

Mọi thông tin chi tiết xin vui lòng liên hệ với chúng tôi để nhận được những sản phẩm và dịch vụ tốt nhất.

Trụ sở chính: Ngã Ba Trong, Quốc lộ 1A, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa

ĐT: 0583.644567

Website: tramhuongbienquocdung.com

Massage đúng cách giúp giảm đại tràng co thắt



Ảnh: Cô Nguyễn Thị Hát, 54 tuổi

Một trong những triệu chứng khó chịu nhất của bệnh đại tràng là việc đi ngoài nhiều lần trong ngày, phân nát, lỏng, không thành khuôn. Sau khi đi xong người bệnh có thể cảm thấy thoải mái hơn, nhưng thật không dễ chịu gì khi một ngày phải chạy ba bốn lần như thế! Biết cách massage và tập luyện hợp lý hoàn toàn có thể giúp bạn đi ngoài một ngày một lần duy nhất, vào một giờ xác định!



Người bị đại tràng co thắt (còn gọi là hội chứng ruột kích thích), đường ruột thường xuyên co bóp khiến lượng thức ăn không được đẩy hết về trực tràng. Mỗi lúc có kích thích, chúng lại tạo ra cảm giác muốn đi cầu, nhưng không bao giờ đi được hết phân. Việc massage thường xuyên sẽ giúp điều hòa nhu động ruột, khiến cho toàn bộ lượng phân trên khung đại tràng sẽ dồn về trực tràng và được tống hết ra ngoài trong một lần đi đại tiện vào buổi sáng. Đường ruột nhờ thế cũng giảm bớt sức ép và ít gây ra co thắt hơn.

“Phương pháp massage cũng khá đơn giản. Đó là sau khi thức dậy vào buổi sáng, hãy nằm “rón” thêm vài phút, co chân vuông góc, massage vùng bụng theo chiều kim đồng hồ dọc theo khung đại tràng liên tục 200-300 vòng và duy trì từ 2 đến 3 tháng” – chia sẻ của cô Nguyễn Thị Hát, (SĐT: 0964.496.588) trú tại tổ dân phố Tiểu Trà, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng về phương pháp này. Thật may, nó đã giúp cô thoát khỏi bệnh đại tràng co thắt sau 6 năm trời đăng đẳng...

Cô Hát mắc viêm đại tràng co thắt từ năm 2007. Ban đầu do chủ quan nên cô không chữa dứt điểm, chỉ uống thuốc đỡ là thôi. Đến tháng 4/2012 bệnh trở thành nặng, mỗi ngày đi ngoài khoảng 4-5 lần, bụng đau, trướng to dù không ăn được gì. Ban đêm thì mất ngủ, người xanh xao, thậm chí nói chuyện không thể nói hết câu vì người quá mệt mỏi.

Chạy chữa nhiều cách không ăn thua, cô thử áp dụng phương pháp xoa bụng nói trên khi bắt đầu biết đến Tràng Phục Linh Plus – sản phẩm dành riêng cho bệnh nhân viêm đại tràng co thắt và hội chứng ruột kích thích. Mua về dùng thử, đồng thời cô làm theo hướng dẫn của các chuyên gia ở tổng đài 1800.1506 để kết hợp với xoa bụng hàng ngày. Vậy mà hiệu quả không ngờ...

“Ngay sau những hộp đầu tiên, tôi đã bắt đầu cảm nhận được tác dụng, bụng dạ thấy nhẹ nhàng hơn hẳn. Dùng Tràng Phục Linh Plus đến tháng thứ 3 kết hợp với massage, xoa bóp hàng ngày đúng cách đã giúp các triệu chứng của tôi thuyên giảm đi rất nhanh, bụng trước kia phình to, đau

đón, nay đã xẹp hẳn xuống “như ai đào cái bụng bỏ đi”. Ngày đi vệ sinh duy nhất một lần vào một giờ nhất định, ăn uống được thoải mái, thích nhất là đặt lưng một cái là ngủ ngay đến sáng, tinh thần rất phấn chấn, tôi đã tăng cân và đi làm trở lại như xưa” – cô Hát tổng kết lại. Cô cũng đã hướng dẫn cho rất nhiều người xung quanh phương pháp này, và đều đem lại kết quả rất khả quan.

Biện pháp massage trên tuy đơn giản, không tốn kém nhưng lại rất hiệu quả, đặc biệt khi kết hợp với cách chữa trị cùng chế độ dinh dưỡng hợp lý. Bệnh đại tràng khó chữa, dễ tái phát nhưng nếu biết cách, ngay từ ngày mai bạn hoàn toàn có thể thử để cải thiện sức khỏe của chính mình!

Thanh Tùng

Để biết thêm thông tin về phương pháp massage cũng như chế độ ăn uống, tập luyện, bạn hãy gọi ngay đến tổng đài tư vấn miễn cước **1800.1506** (trong giờ hành chính) để được các dược sĩ tư vấn, hoặc truy cập website **trangphuc linh.vn**

“Thực phẩm chức năng viên nén **TRÀNG PHỤC LINH PLUS** dành riêng cho hội chứng ruột kích thích và đại tràng co thắt.

- **Giúp giảm các cảm giác căng thẳng, stress kích thích gây co thắt đại tràng.** Hỗ trợ điều trị hội chứng ruột kích thích, viêm đại tràng cấp và mạn tính, đi ngoài nhiều lần, phân sống, phân nát.



- Giúp cân bằng hệ vi khuẩn có ích đường ruột, tăng sức đề kháng, tái tạo niêm mạc đại tràng và tăng cường sức khỏe hệ tiêu hóa.

Tiếp thị bởi Công ty TNHH Thực phẩm chức năng LOHHA
79 Núi Trúc – Ba Đình – Hà Nội

Số XNQC: 594/2015/ATTP-CNTC

Sản phẩm này không phải là thuốc, không có tác dụng thay thế thuốc chữa bệnh”



ĐIỂM TIN PHẬT GIÁO TRONG NƯỚC

Đại lễ Phật đản PL.2559 diễn ra trên khắp cả nước

Từ ngày mùng 8 – 15/04/Ất Mùi (25/5 – 01/6/2015), tuần lễ Kỷ niệm Phật đản đã được diễn ra trên khắp cả nước kỷ niệm lần thứ 2639 năm ngày đức Bồ Sư Thích Ca Mâu Ni Phật Đản sinh.

Quảng Ninh: Khai mạc khóa Bồi dưỡng Nghiệp vụ Thông tin Truyền thông Phật giáo toàn quốc

Sáng ngày 26/04/Ất Mùi (12/06/2015) tại giảng đường chùa Ba Vàng (Tp. Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh) đã diễn ra lễ khai mạc khóa “Bồi dưỡng Nghiệp vụ Thông tin Truyền thông Phật giáo toàn quốc” nhằm nâng cao năng lực công tác



thông tin truyền thông Phật giáo cho đội ngũ làm công tác truyền thông.

Hơn 250 quý vị học viên là các Ủy viên Ban TTTT T.U và Ban TTTT các địa phương, quý Chu tôn đức tăng, ni, cư sĩ, Phật tử các cộng tác viên truyền thông đến từ 63 tỉnh/thành trên cả nước đã tham dự khóa học.

Ninh Bình: Hội nghị công tác Tăng sự toàn quốc 2015

Ngày 11/05/Ất Mùi (26/06/2015) Hội nghị công tác Tăng sự toàn quốc 2015 diễn ra trong 02 ngày 26-27/06/2015 tại Trung tâm Hội nghị Bái Đình – Ninh Bình.

Hội nghị đã tiếp thu các ý kiến nhận định thực tế về công tác tăng sự hiện nay tại địa phương, phân tích mổ xẻ nguyên nhân các tồn

tại, thách thức và cũng đưa ra kiến nghị các giải pháp cho các vấn đề Tăng sự nhằm tăng cường quản lý tăng ni, tự viện tạo điều kiện tốt cho việc sinh hoạt tu tập và giữ gìn giới luật, đạo hạnh của tăng ni trong điều kiện xã hội giai đoạn hiện nay.

Nghệ An: Lễ hội Văn hóa Phật giáo Hương Sen xứ Nghệ

Sáng ngày 17/05/2015 (29/03/Ất Mùi) tại chùa Đại Tuệ (xã Nam Anh, huyện Nam Đàn) BTS GHPGVN tỉnh Nghệ An cùng phối hợp với Ban Văn hóa T.U GHPGVN tổ chức “Lễ hội Văn hóa Phật giáo Hương sen xứ Nghệ”, tưởng niệm 125 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Lễ hội văn hóa Phật giáo Hương sen xứ Nghệ kế thừa những giá trị văn hóa, đạo đức giáo dục Phật giáo và tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh. Lễ hội diễn ra nhiều hoạt động văn hóa tâm linh như: Lễ Phật đản, Lễ tưởng niệm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Lễ cầu quốc thái dân an, thế giới hòa bình và nghi lễ tắm Phật.

Đắk Lắk: Hội thảo Hoàng pháp 5 tỉnh Tây Nguyên

Từ ngày 03-05/06/Ất Mùi (18-20/07/2015), Ban Hoàng pháp T.U kết hợp với BTS GHPGVN tỉnh Đắk Lắk sẽ tổ chức Hội thảo Hoàng pháp và các Phật sự tại Trung tâm Dưỡng lão chùa Phổ Minh (61/1 Nguyễn Huy Tự, P. Tự An, Tp. Buôn Mê Thuột) và tại Khách sạn Đạm San (212 - 214 Nguyễn Công Trứ, P. Tự An, Tp. Buôn Mê Thuột).

Hà Nội: Các Trường hạ tổ chức Khai pháp hậu An cư

Thời gian các Trường hạ tổ chức Hậu An cư của chư tăng, ni từ ngày 16/05 - 16/08/Ất Mùi (01/07 - 28/09/2015) bao gồm các quận huyện thị phía Tây Thành phố (Hà Đông, Sơn Tây, Thường Tín, Phú Xuyên, Thanh Oai, Ứng Hòa, Mỹ

Đức, Chương Mỹ, Hoài Đức, Quốc Oai, Đan Phượng, Phúc Thọ, Thạch Thất, Ba Vì).

Toàn thể các Trường hạ tổ chức An cư nhất tâm cung thỉnh Trưởng lão Hòa thượng Thích Phổ Tuệ làm ngôi Đường chủ, chương trình tu học thống nhất khai giảng Bộ Nhị Khóa Hợp Giải.



Ban Tôn giáo Chính phủ chúc mừng Tạp chí Phật giáo nhân Ngày Báo chí 21/06

Chiều ngày 04/05/Ất Mùi (19/06/2015) tại tổ đình Liên Phái (quận Hai Bà Trưng, Hà Nội) ông Dương Ngọc Tấn - Phó Trưởng ban Tôn giáo Chính phủ đã tới chúc mừng HT. Thích Gia Quang, Trưởng Ban TTTT T.U GHPGVN, Tổng Biên tập Tạp chí NCPH nhân Ngày Báo chí cách mạng Việt Nam 21/06.

Sáng 05/05/Ất Mùi (20/06/2015), tại Tòa soạn Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy (Q. Thủ Đức, Tp. HCM), HT. Thích Thiện Tâm, Tổng Biên tập đã tiếp đón phái đoàn Ban Tôn giáo Chính phủ do ông Trần Tấn Hùng - Phó Trưởng ban Tôn giáo Chính phủ, ông Nguyễn Thanh Xuân - Chuyên viên phụ trách phía Nam đã đến viếng thăm và chúc mừng nhân Ngày Báo chí Việt Nam 21/6.

Cùng ngày, phái đoàn Ban Tôn giáo Chính phủ đã đến tòa soạn báo Giác Ngộ (số 85 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Tp. HCM) thăm và chúc mừng Ban Biên tập nhân ngày Báo Chí Cách mạng Việt Nam.

ĐIỂM TIN PHẬT GIÁO QUỐC TẾ



Các nơi trên khắp thế giới tổ chức kính mừng sinh nhật đức Đạt Lai Lạt Ma

Ngày 06/07 hàng năm là ngày sinh của đức Đạt Lai Lạt Ma, lãnh đạo tinh thần nhân dân Tây Tạng, nhân dịp này nhiều nơi trên thế giới đã tổ chức các hoạt động kính mừng đức Đạt Lai Lạt Ma như: tổ chức văn nghệ hòa nhạc, triển lãm tranh, thuyết pháp....

Thượng viện Mỹ đề xuất Dự thảo tôn vinh đức Đạt Lai Lạt Ma

Ngày 13/06/2015, một Nghị quyết của Thượng viện Hoa Kỳ đã được thông qua nhằm tôn vinh đức Đạt Lai Lạt Ma, nhà lãnh đạo tinh thần Tây Tạng lưu vong trong dịp Khánh tuế Chúc thọ bát tuần của Ngài.

Indonesia: Hội nghị Sakyadhita lần thứ 14

Hội nghị Nữ giới Phật giáo quốc tế (Sakyadhita) lần thứ 14 đã khai mạc vào chiều 23/06/2015 tại Yogyakarta, Indonesia. Hội nghị diễn ra trong thời gian 9 ngày (từ 23 tới 30/06/2015).

Hơn 2.000 đại biểu đến từ hơn 40 quốc gia và vùng lãnh thổ tham dự. Phái đoàn Ni giới Việt Nam có hơn 70 thành viên tham dự hội nghị. Chủ đề chính của hội nghị lần thứ 14 là "Tâm từ bi và công bằng xã hội".

Phật giáo Việt Nam cứu trợ nạn nhân động đất Nepal

Sáng 18/06/2015 tại chùa World Peace Temple (chùa Hòa bình thế giới) ở Kathmadu thủ đô của Nepal đã diễn ra lễ cầu nguyện và trao

tặng quà cho nạn nhân trong trận động đất.

Thảm họa đã phá hủy, làm hư hại hơn 600.000 ngôi nhà, 8.800 người chết, hơn 17.800 người bị thương và ảnh hưởng tới 8,1 triệu người, tương đương hơn một phần tư dân số Nepal.

Đoàn Phật giáo Việt Nam do HT.Thích Thiện Tánh, Phó Chủ tịch HĐTS, Trưởng ban Kiểm soát T.U GHPGVN; TT.Thích Nhật Từ, Phó Viện trưởng HVPGVN, Trưởng Ban Văn hóa GHPGVN Tp.HCM; cùng Chu tôn đức tăng, ni, một số Phật tử tu viện Tường Vân và Phật tử chùa Giác Ngộ tại Tp.HCM đã tham gia các hoạt động cứu trợ nạn nhân động đất tại Nepal.

Afghanistan: Công nghệ 3D phục dựng lại các pho tượng Phật bị Taliban phá hủy

Ngày 07/06/2015, báo chí Afghanistan đưa tin bằng cách sử dụng công nghệ 3D, ông bà Janson Yu và Liyan Hu đã cho mọi người thấy các đại tượng với kích thước chính xác như ban đầu hiện ra giữa nền nhạc trang nghiêm.

Cả 2 pho tượng Phật đứng lần lượt có chiều cao 35 và 53m được chạm khắc trên vách núi dựng đứng và được sơn son thếp vàng. Những tượng bị phá hủy từng tồn tại hơn 1500 năm cho đến khi Taliban dùng thuốc nổ phá hủy vào tháng 3/2001.

Nhiều quốc gia trong đó có Nhật Bản, Thụy Sĩ tích cực ủng hộ việc dựng lại những bức tượng đó.

Tổng Thư ký LHQ, Thủ tướng Ấn Độ hưởng ứng ngày Ngày Quốc tế Yoga

Ngài Ban Ki-moon, Tổng Thư ký Liên Hợp Quốc mặc trang phục thể thao màu trắng, cùng ba vạn người tại Quảng trường Thời đại (Times Square), Manhattan, New

York, Hoa Kỳ tập Yoga để hưởng ứng Ngày quốc tế Yoga đầu tiên được tổ chức. Ngài ca ngợi những lợi ích của việc tập Yoga mang đến những lợi ích tuyệt vời cho sức khỏe cho con người khắp thế giới.

Tại Ấn Độ, sáng Chủ nhật 21/06/2015, trên toàn quốc đã hưởng ứng Ngày Quốc tế Yoga đầu tiên, do Liên hợp quốc phát động theo đề xuất của Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi. Thậm chí, hãng hàng không quốc gia Air India (AI) của Ấn Độ và hãng hàng không tư nhân SpiceJet cũng có chương trình biểu diễn Yoga máy bay đang trong hành trình để hưởng ứng sự kiện này.



Kinh Diệu Pháp Liên Hoa cổ được tìm thấy gần Bắc Kinh

Bản Kinh được tìm thấy gần chùa Vân Cư ở quận Phòng Sơn, thủ đô Bắc Kinh. Tập trung vào các chủ đề về hòa bình và chung sống hài hòa, bộ kinh thể hiện mức độ cao nhất của triết học Phật giáo.

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa là một trong những văn bản quan trọng nhất và có ảnh hưởng của Phật giáo, và bản kinh tìm thấy này là bản dịch được biết đến sớm nhất ở Trung Quốc.

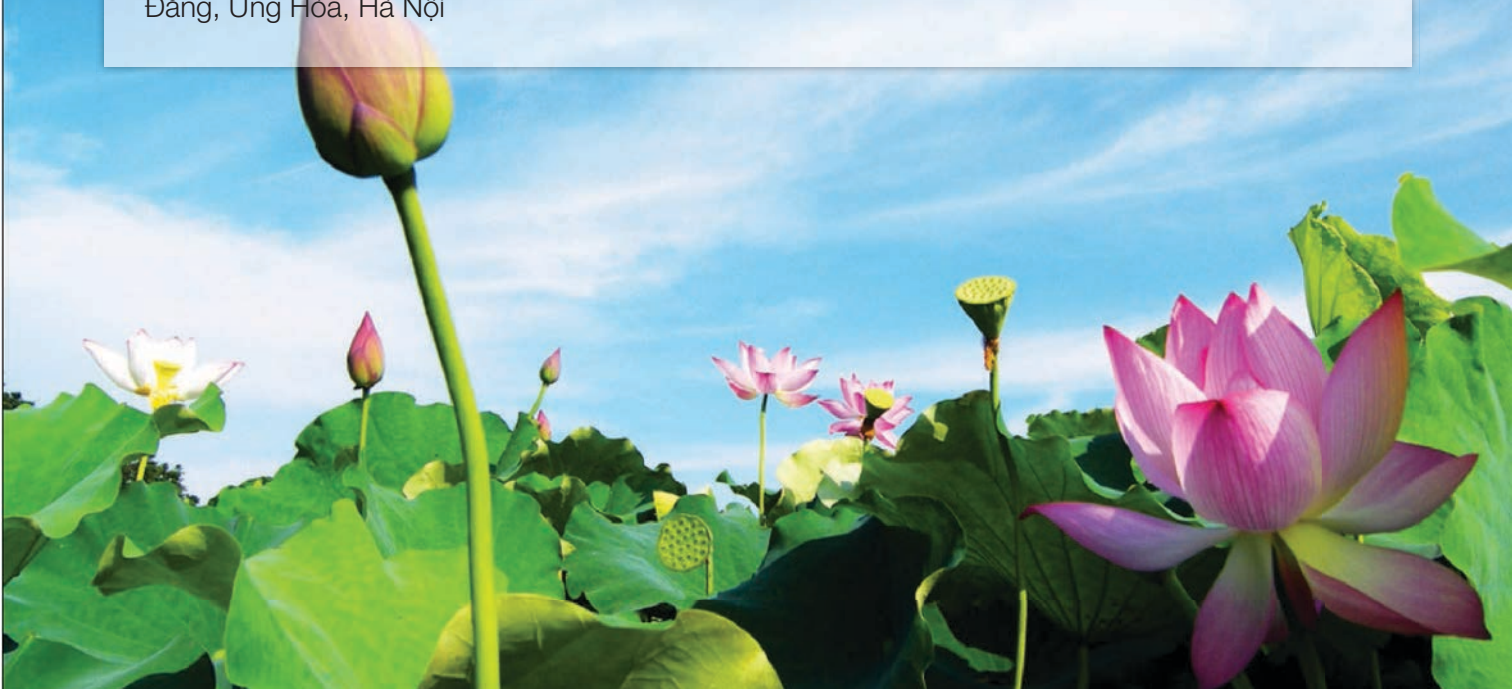
Đây là bản dịch tiếng Trung Quốc hoàn thiện nhất được tìm thấy cho đến nay - các phiên bản khác được tìm thấy ở Đôn Hoàng và các nơi khác của Trung Quốc chủ yếu là các đoạn không đầy đủ.



PHƯƠNG DANH CÚNG DƯỜNG

STT	Họ và Tên	Địa chỉ	Tặng tài
1	Phật tử dấu tên		100 USD Úc
2	Trần Thị Hạnh	Khu tập thể Đại học Thủy Lợi, phường Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội	240,000
3	Phật tử Pháp Vương Tử		500,000
4	Trần Thị Mỹ Hạnh		200,000
5	Trần Thúy Lan		1,000,000
6	Trần Giang Hà		200,000
7	Trần Khánh Hoa		200,000
8	Nguyễn Thị Lan	Tổ 35 Phường Quang Trung, Tp.Thái Nguyên	205,000
9	Nguyễn Thị Thiều	Số 02 ngách 18 ngõ 187 phố Hồng Mai, Quận Hai Bà Trưng, Tp.Hà Nội	500,000
10	Thích Tánh Tuệ		50,000
11	Nguyễn Đức Quỳnh	Số nhà 306 C2 133 Nguyễn Phong Sắc, Cầu Giấy, Hà Nội	300,000
12	Trần Thị Thanh Hà	Số 1, Khu tập thể Đại học Thủy Lợi, Đống Đa, Hà Nội	215,000
13	Vương Thị Len	59B ngõ 514 Trần Cung, Cổ Nhuế, Hà Nội	215.000
14	Lê Thị Thân - Diệu Cận	Số 98 tổ 16 ngõ 81 Lạc Long Quân, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	215.000
15	Phật tử Hoa Hạnh	Câu lạc bộ Phúc Tuệ chùa Quán Sứ, số 73 phố Quán Sứ, Hoàn Kiếm, Hà Nội	500,000
16	Phật tử Bảo Hồng Liên	Phân viện Nghiên cứu Phật học, số 73 phố Quán Sứ, Hoàn Kiếm, Hà Nội	500,000

Ghi chú: Thích Tánh Tuệ - Cúng dường nhuận bút Tạp chí số 05/2014. Trần Thị Thanh Hà - Cúng dường 01 năm đọc Tạp chí Phật học 2015 tới chùa Trần Đăng, Ứng Hòa, Hà Nội. Vương Thị Len - Cúng dường 01 năm đọc Tạp chí Phật học 2015 tới chùa Trần Đăng, Ứng Hòa, Hà Nội. Lê Thị Thân - Diệu Cận - Cúng dường 01 năm đọc Tạp chí Phật học 2015 tới chùa Trần Đăng, Ứng Hòa, Hà Nội



SUU TẦM TRỌN BỘ TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC



Nếu bạn muốn sưu tầm trọn bộ Tạp chí Nghiên cứu Phật học xin vui lòng liên hệ với tòa soạn. Đặc biệt chỉ với 165.000đ bạn đã có trọn bộ cả năm được đóng thành một cuốn sách bìa cứng thật sang trọng. Hãy để **TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC TRỌN BỘ** năm 2015 - 2016 trên giá sách nhà bạn: vừa thuận tiện cho việc lưu trữ, vừa dễ dàng để bạn tra cứu khi cần.

20 bạn đọc đầu tiên đăng ký mua sách trọn bộ năm 2015 - 2016 sẽ được tặng 01 phần quà của Tạp chí. Bạn đọc Hà Nội xin mời đến mua tại tòa soạn, bạn đọc ngoài Hà Nội vui lòng liên hệ với chúng tôi qua số: 04 - 3. 9 423 887 để biết thêm chi tiết về cước phí bưu điện.

PHIẾU ĐĂNG KÝ ĐẶT MUA TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC NĂM 2015

Kính mời: Quý chủ tôn đức tăng ni, Phật tử, độc giả đăng ký mua Tạp chí Nghiên cứu Phật Học năm 2015

- | | |
|---|--------------|
| ☐ Số 1 Xuân 2015 (tháng 1+2), phát hành ngày 15/01/2015 | Giá 30.000đ |
| ☐ Số 2 (tháng 3+4), phát hành ngày 15/03/2015 | Giá 25.000đ |
| ☐ Số 3 Mừng Phật đản (tháng 5+6), phát hành ngày 15/5/2015 | Giá 30.000đ |
| ☐ Số 4 (tháng 7+8), phát hành ngày 15/07/2015 | Giá 25.000đ |
| ☐ Số 5 (tháng 9+10), phát hành ngày 15/09/2015 | Giá 30.000đ |
| ☐ Số 6 (tháng 11+12), phát hành ngày 15/11/2015 | Giá 25.000đ |
| ☐ Tạp chí cả năm (6 số) | Giá 165.000đ |
| ☐ Cước gửi tạp chí về tận nhà (theo nhu cầu) | Giá 50.000đ |

Để được giao báo tại nhà độc giả ngoài Hà Nội vui lòng đặt báo tại bưu điện gần nhà bạn nhất. Mã số đặt Tạp chí Nghiên cứu Phật học qua bưu điện (Công ty Phát hành Báo chí Trung ương) là C356. Độc giả Hà Nội muốn giao báo tại nhà vui lòng trả thêm cước phí chuyển phát.

Mọi thông tin về việc đặt mua báo, chi phí chuyển phát xin vui lòng liên hệ với chúng tôi theo địa chỉ:

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC

Chùa Quán Sứ, 73 phố Quán Sứ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội * Điện thoại: 04 - 3 9 423 887

Tài khoản: Phân viện Nghiên cứu Phật học

Sổ giao dịch 1 - Ngân hàng Công Thương Việt Nam * Số tài khoản: 102010000032825





Yoga Tâm Yên

Tâm Yên Yoga & Dance với những phương pháp tập luyện từ Ấn Độ cổ đại – vùng đất Thánh của Yoga – sẽ giúp bạn có một tâm hồn bình an và một cơ thể khỏe mạnh.

Các bậc thầy về yoga từ Ấn Độ và Việt Nam sẽ giúp bạn có những bài tập yoga hữu ích từ căn bản đến nâng cao, phù hợp cho từng nhu cầu và lứa tuổi của từng học viên.

Trung tâm Yoga & Dance Tâm Yên có phòng tập với không gian thiên nhiên xanh trong lành, đầm ấm và gần gũi mà vẫn đảm bảo sự tiện ích cho mọi học viên: khu nghỉ giải lao và phòng chờ thoáng đãng, lịch sự, tĩnh tâm cùng với phòng tắm, phòng thay đồ, tủ đồ, trang thiết bị tập, nước khoáng tinh khiết luôn sẵn sàng phục vụ bạn!

Đồng hành cùng phòng tập yoga, ở tầng 1 của trung tâm còn có quán cafe và đồ ăn với thực đơn phong phú, bảo đảm sức khỏe từ những thực phẩm sạch như: súp bí đỏ, chè Tâm Yên, canh dưỡng sinh... nhưng không hề ảnh hưởng đến không gian tập yên tĩnh và sạch sẽ của các bạn. Trung tâm hi vọng có thể mang tới cho bạn những phút giây thực sự an lành, thực sự "Tâm Yên".



Phòng tập yoga

Web: <http://yogatamyen.vn>

Facebook: Tâm Yên Yoga & Dance

Quán cafe Cơm Yên

Web: <http://Cafecomymien.vn> | Cafecomymien.com

Facebook: Cafecomymien

Địa chỉ: Số 12, tổ 61, TT Sở địa chính Nhà Đất, Đường Trung Kính, P.Yên Hòa, Q.Cầu Giấy, Hà Nội (số 195 Trung Kính rẽ vào 30m).

Điện Thoại : **04.37821225 | 0912818619**



Áp dụng luật nhân quả trong ĐIỀU TRỊ BỆNH XƯƠNG KHỚP VÀ UNG THƯ

Bạn có biết?

Tại sao phụ nữ qua tuổi trung niên thường gặp các vấn đề về xương khớp? Trong quá trình sinh đẻ và nuôi con, người mẹ phải chia sẻ lượng canxi của mình cho việc xây dựng khung xương cho đứa con của mình, do đó độ canxi bị thấp đi, dẫn tới bị loãng xương, thoái hóa cột sống, gây nên cong vẹo cột sống, thoát vị đĩa đệm. Nếu coi cơ thể như một ngôi nhà thì cột sống chính là cây cột để chống đỡ cho cả ngôi nhà. Cột sống bị thoái hóa cũng như trụ của ngôi nhà bị mối mọt khiến cho ngôi nhà có thể bị đổ bất cứ lúc nào.



Khi tuổi cao, cơ thể bị lão hóa, cộng thêm chế độ ăn uống và sinh hoạt thiếu hợp lý sẽ dẫn tới máu xấu đi, tức là "cồng thức máu không ổn định". Một ví dụ phổ biến như máu nhiễm mỡ, mỡ máu cao sẽ gây xơ vữa động mạch; lượng chất zetalin trong máu tăng là nguyên nhân chính dẫn tới suy thận, suy tim; máu đặc sẽ dẫn tới không thấm thấu được để nuôi khớp dẫn tới các bệnh về xương khớp.

Hay phổ biến như bệnh ung thư thì chúng ta đều thấy nguyên nhân là do ăn nhiều chất không tốt cho cơ thể, uống nhiều bia rượu nhưng còn có một nguyên nhân dẫn tới ung thư phổi mà ít ai biết đó là: khi bạn không tập thể dục thường xuyên, có một số phế nang của phổi không được đưa oxy tới, điều này cũng có thể làm xuất hiện các tế bào ung thư ở phổi.

Trong đạo Phật có một quy luật căn bản là Luật Nhân Quả, bất kỳ một sự việc gì xảy ra đều có nguyên nhân của nó. Vận dụng nguyên tắc đó, Đông y đã có rất nhiều các phương pháp điều trị các bệnh tật của con người hiệu quả, an toàn, trị bệnh từ gốc.

Trong cuốn Y Hải Cầu Nguyên, Hải Thượng Lãn Ông đã dạy:

"Trị phong phải nhờ tiên trị huyết
Huyết thông phong sẽ tự diệt"

Có nghĩa là trị khớp phải làm cho sạch huyết, đưa công thức máu về đúng tự nhiên, máu thấm thấu tốt xương sẽ hết đau.

Một địa tin cậy mà các quý phật tử có thể tham khảo đó là phòng khám đông y Hải Hưng ở Yên Phong, Bắc Ninh.

Phòng khám của lương y Lưu Hồng Hải với các bài thuốc điều trị hiệu quả về bệnh xương khớp và ung thư. Phương pháp điều trị của phòng khám không chỉ được trong nước biết tới mà còn đang được trao đổi, cộng tác với một số tổ chức y tế của các

nước tiên tiến trên thế giới.

Cụ thể như với bệnh xương khớp, nguyên nhân chính ở đây là do máu và do thiếu canxi, vì vậy điều cần làm là làm sạch máu và bổ sung canxi. Một số vị thuốc giúp làm sạch máu mà lương y Lưu Hồng Hải áp dụng như: cây tảo dương, cây dương quy... Còn về bổ sung canxi là một điều khá khó bởi vì tuy canxi có rất nhiều trong các đồ ăn của chúng ta hàng ngày nhưng không dễ gì để cơ thể hấp thụ và bổ sung đúng cho cột sống. Hiểu được điều cốt lõi này, phương thuốc mà lương y Lưu Hồng Hải sáng chế ra mang tên: "Trừng muối" đã khắc phục được vấn đề trên. Trừng rửa sạch vô trùng được chuyển hóa trong dung dịch là nước ép trái cây. Điều này sẽ giúp cho sự chuyển hóa,

lên men, làm hòa tan và chia nhỏ các phân tử canxi (có trong vỏ trứng gà ta). Do vậy, canxi dễ dàng được đưa vào những nơi mà cột sống tổn thương, khôi phục lại cột sống như thời còn trẻ, từ đó bệnh đau cột sống và thoát vị đĩa đệm được khỏi tận vì vậy mà đã có rất nhiều bệnh nhân đã áp dụng và khỏi bệnh. Việc điều trị từ gốc sẽ giúp bệnh khỏi dứt điểm và

hạn chế nguy cơ tái phát.

Còn với bệnh ung thư, phương pháp mà phòng khám sử dụng mang tên: "Định vị ung thư". Khi bị ung thư, các tế bào ung thư lan tràn khắp cơ thể theo đường máu. Phòng khám đông y của lương y Hải đã dùng các vị thuốc nam, khi uống nó sẽ đẩy các tế bào ung thư về tập trung ở khối u bướu bị ung thư rồi dẫn chết đi và được thải ra khỏi cơ thể. Nhờ đó, ung thư không tràn lan được tới các vị trí khác trong cơ thể. Vì vậy, phương pháp "Định vị ung thư" đạt hiệu quả rất cao trong việc phòng chống ung thư ở giai đoạn sớm. Với phương pháp này, rất nhiều các phật tử trên cả nước đã được chữa khỏi bệnh.

Để có thể hiểu hơn về phương pháp chữa bệnh đặc biệt của lương y Lưu Hồng Hải và phòng khám Hải Hưng quý phật tử có thể liên hệ tới:

Lương y Lưu Hồng Hải: 0912.458.909 hoặc 0979.304.508

Địa chỉ: thôn Chính Trung, xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh





ĐÈN ĐÁ



BÀN LỄ ĐÁ



LƯU HƯƠNG ĐÁ

Công ty CP XNK Đá mỹ nghệ Ninh Bình

Văn phòng Hà Nội : Tầng 22 Tòa nhà 101 Láng Hạ - Đống Đa - Hà Nội
Hà Nội : Tư vấn miễn phí : 0466 81 35 35 - 0466 82 35 35 -
Xưởng Đá Trung Bảy : Số 1A - Ngõ 649 Lĩnh Nam, Hoàng Mai - Hà Nội
(Chân cầu Thanh Trì)
Tel : 043 555 8289 - Tel : 0963 886 329 - 0917 515 575

HOTLINE : 0965.980.999 - 0933.61.2222

Văn phòng Hồ Chí Minh: 132 Nguyễn Phúc Chu - Phường 15, Quận Tân Bình - TP HCM
Tư vấn miễn phí : 093361 2222 - 0983 268 662
Văn phòng Đà Nẵng : 20 Nguyễn Duy Trinh, Quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng
Tel: 05113.969.390 - 0933 61 2222 - 0917 515 575
Email : damynghe24h@gmail.com